

Số: /2025/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau (khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ) giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật Số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 56/TTr-STNMT ngày 24 tháng 7 năm 2025; ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh (theo Công văn số 1754/UBND-NNXD ngày 04/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau (khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ) giai đoạn 2020-2024 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau (khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ) giai đoạn 2020-2024 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

1. Sửa đổi Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau (*khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ*) giai đoạn 2020-2024 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, được áp dụng trong phạm vi địa giới hành chính tỉnh Bạc Liêu (*trước khi sáp nhập*) đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 và được áp dụng cho các trường hợp sau:

1. Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân; chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân;
2. Tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm;
3. Tính thuế sử dụng đất;
4. Tính thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân;
5. Tính lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;
6. Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;
7. Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý, sử dụng đất đai;
8. Tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đối với hộ gia đình, cá nhân;
9. Tính giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp thửa đất, khu đất đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng;
10. Tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân;
11. Tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê.”

2. Sửa đổi Điều 2 như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan, tổ chức và đối tượng có liên quan đến việc định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau và người sử dụng đất, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.”

3. Sửa đổi Điều 3 như sau:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Đường phố* là các đường giao thông trong đô thị có tên trong bảng giá đất.

2. *Đường hẻm* là đường hoặc lối đi công cộng khác không có tên trong bảng giá đất; có nhiều cấp độ hẻm khác nhau gồm: hẻm chính (là hẻm của đường phố); hẻm phụ (là hẻm không tiếp giáp đường phố).

3. *Thửa đất tại vị trí mặt tiền* là thửa đất tiếp giáp đường phố hoặc tiếp giáp thửa mặt tiền nhưng cùng chủ sử dụng đất với thửa đất có mặt tiền.

4. *Thửa đất có mặt tiền* là thửa đất có ít nhất 01 cạnh tiếp giáp với trục giao thông đường bộ hoặc đường thủy.

5. *Đất tiếp giáp* là đất thuộc thửa đất có ít nhất 01 cạnh tiếp giáp hoặc thuộc thửa đất tiếp giáp với thửa đất có 01 cạnh tiếp giáp nhưng phải cùng chủ sử dụng đất với thửa đất có 01 cạnh tiếp giáp.

6. *Đất liền kề* là đất thuộc thửa đất có một cạnh tiếp giáp, có điều kiện tự nhiên và kết cấu hạ tầng như nhau.

7. *Độ rộng mặt đường của các loại đường nhựa, đường bê tông* là bề rộng được trải nhựa, lát đan, hay tráng bê tông (không bao gồm lề đường).

8. Độ rộng của đường hẻm là mặt cắt ngang nơi nhỏ nhất phải đi qua để đến thửa đất.”

4. Sửa đổi Điều 4 như sau:

“Điều 4. Nguyên tắc xác định giá đất

1. Giá đất của nhóm đất phi nông nghiệp được xác định theo khu vực nông thôn, khu vực đô thị và vị trí đất được quy định tại Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Điều 7, Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giá đất của nhóm đất nông nghiệp được xác định theo khu vực và vị trí đất được quy định tại Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đối với đất nông nghiệp là đất trồng lúa, trồng cây ngắn ngày khác kết hợp nuôi trồng thủy sản hoặc kết hợp với một loại hình canh tác khác thì giá đất nông nghiệp trong trường hợp này được xác định trên cơ sở xác định loại hình sử dụng chính có thu nhập cao nhất của loại đất đó.

4. Trong tất cả các trường hợp xác định giá đất nông nghiệp không được cộng thêm các khoản chi phí đào lấp khác làm ảnh hưởng đến giá đất (*trừ những trường hợp đất nuôi trồng thủy sản, nuôi tôm kết hợp trồng lúa hoặc đất chuyển đổi cơ cấu sang nuôi tôm được Nhà nước cho phép*).

5. Bảng giá đất chuyên trồng lúa áp dụng cho những khu vực chuyên trồng lúa từ 2 vụ lúa trở lên.

6. Giá đất trong bảng giá đất đối với đất sử dụng có thời hạn được tính tương ứng với thời hạn sử dụng đất là 70 năm.”

5. Sửa đổi Điều 5 như sau:

“Điều 5. Phân khu vực, vị trí đối với đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp được xác định theo khu vực và vị trí như sau:

1. Phân khu vực đất nông nghiệp:

a) Khu vực 1 là khu vực trong phạm vi ranh giới hành chính các phường.

b) Khu vực 2 là khu vực thuộc vùng ngọt và vùng mặn trong phạm vi ranh giới hành chính các xã.

2. Vị trí và chiều sâu đất nông nghiệp tại các xã:

a) Vị trí 1:

Xác định trong 60 mét đầu của những thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường Quốc lộ, đường tỉnh, đường phố tính từ hành lang lộ giới hiện hữu hoặc tính từ mép đường lộ, mép bờ kênh nơi chưa có quy hoạch lộ giới (*là ranh giới giữa mái dốc tự nhiên của kênh với mặt đất tự nhiên theo chiều ngang*).”

b) Vị trí 2:

Xác định trong 60 mét tiếp theo tiếp giáp vị trí 1 của cùng chủ sử dụng;

Xác định trong 60 mét đầu của những thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường xã hoặc các trục kinh thủy lợi từ cấp 3 trở lên thuận tiện cho việc sản xuất và vận chuyển sản phẩm hàng hóa.

c) Vị trí 3: Các vị trí đất còn lại ngoài vị trí 1 và vị trí 2 nêu trên.

3. Vị trí và chiều sâu đất nông nghiệp tại các phường:

a) Vị trí 1:

Xác định trong 30 mét đầu của những thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường Quốc lộ, đường tỉnh, đường phố tính từ hành lang lộ giới hiện hữu hoặc tính từ mép đường lộ, mép bờ kênh nơi chưa có quy hoạch lộ giới (*là ranh giới giữa mái dốc tự nhiên của kênh với mặt đất tự nhiên theo chiều ngang*).

b) Vị trí 2:

Xác định trong 20 mét tiếp theo tiếp giáp vị trí 1 của cùng chủ sử dụng;

Xác định trong 30 mét đầu của những thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường đô thị (*trừ trường hợp tại điểm a khoản này*) hoặc các trục kinh thủy lợi từ cấp 3 trở lên thuận tiện cho việc sản xuất và vận chuyển sản phẩm hàng hóa.

c) Vị trí 3: Các vị trí đất còn lại ngoài vị trí 1 và vị trí 2 nêu trên.”

6. Sửa đổi khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Đất ở nông thôn có mặt tiền tiếp giáp các tuyến đường giao thông chính có tên trong bảng giá đất đã có hạ tầng tương đối đồng bộ và có khả năng sinh lợi được chia theo vị trí như sau:

a) Vị trí 1: Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly 30m tính từ mốc lộ giới đối với Quốc lộ, đường tỉnh và đường xã đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới, có mức giá bằng 100% mức giá chuẩn quy định cho đoạn đường trong bảng giá.

b) Vị trí 2: Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly từ trên 30m đến 50m tính từ mốc lộ giới đối với Quốc lộ, đường tỉnh và đường xã đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới, có mức giá bằng 70% mức giá chuẩn quy định cho đoạn đường trong bảng giá, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu của khu vực.

c) Vị trí 3: Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly từ trên 50m đến 70m tính từ mốc lộ giới đối với Quốc lộ, đường tỉnh và đường xã đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới, có mức giá bằng 50% mức giá chuẩn quy định cho đoạn đường trong bảng giá, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu của khu vực.

d) Vị trí 4: Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly từ trên 70m đến 90m tính từ mốc lộ giới đối với Quốc lộ, đường tỉnh và đường xã đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới, có mức giá bằng 20% mức giá chuẩn quy định cho đoạn đường trong bảng giá, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu của khu vực.

đ) Phần đất còn lại ở cự ly từ trên 90m tính từ mốc lộ giới đối với Quốc lộ, đường tỉnh và đường xã đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới, thì được tính bằng giá đất ở tối thiểu của khu vực.”

7. Sửa đổi Điều 9 như sau:

“Điều 9. Đất tại khu vực giáp ranh

1. Đất tại khu vực giáp ranh là khu đất giáp sát nhau tại đường phân địa giới hành chính và được xác định như sau:

Khu vực đất giáp ranh giữa các phường, xã được xác định từ đường phân chia địa giới hành chính vào sâu địa phận mỗi bên là 100 mét tương ứng theo các loại đất.

Trường hợp đường phân chia địa giới hành chính là đường giao thông, sông, hồ, kênh thì khu vực đất giáp ranh được xác định từ hành lang bảo vệ

đường bộ, hành lang bảo vệ đường thủy vào sâu địa phận mỗi bên là 100 mét đối với các loại đất.

Đất thuộc khu vực giáp ranh giữa các phường, xã được xác định giá theo nguyên tắc tại khoản 2 Điều này.

2. Nguyên tắc xác định giá đối với đất thuộc khu vực giáp ranh giữa các phường, xã:

Trường hợp đất tại khu vực giáp ranh có điều kiện tự nhiên, kết cấu hạ tầng, mục đích sử dụng như nhau thì đất thuộc khu vực quy định mức giá thấp hơn áp dụng bằng mức giá của khu vực giáp ranh quy định mức giá cao hơn theo phạm vi giáp ranh từng loại đất.

Trường hợp đặc biệt khi điều kiện kinh tế, xã hội, kết cấu hạ tầng chung của mỗi bên khác nhau thì đất thuộc khu vực quy định mức giá thấp hơn áp dụng tối thiểu 70% mức giá của khu vực giáp ranh quy định mức giá cao hơn theo phạm vi giáp ranh từng loại đất.

3. Đất trong tỉnh tại các điểm tiếp giáp giữa hai đoạn đường trên cùng một tuyến đường có cùng cấp vị trí, loại đất được xác định giá đất như sau:

a) Trường hợp trên cùng một trục đường phố được chia thành các đoạn có mức giá đất khác nhau, thì giá đất của các thửa đất ở trong phạm vi 50 mét giáp ranh mỗi bên của đường phố, đoạn đường phố có giá đất thấp hơn được tính bình quân theo giá đất của hai đoạn giáp ranh đó.

b) Trường hợp các đường phố giao nhau có giá đất khác nhau thì giá đất của các thửa đất ở trong phạm vi 50 mét mỗi bên, đường phố có giá đất thấp hơn được nhân thêm hệ số 1,1 nhưng không vượt quá giá đất của đường phố có giá cao nhất tại nơi các đường phố giao nhau (trừ những thửa đất tiếp giáp với hơn 01 (một) đường phố).

c) Đối với điểm mốc đầu, điểm mốc cuối của thửa đất:

Điểm mốc đầu để tính phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này được tính từ chỉ giới đường đỏ của đường có quy hoạch lộ giới lớn hơn.

Đối với thửa đất mà điểm mốc cuối theo khoảng cách quy định tại điểm a, điểm b khoản này nằm vào giữa chiều rộng mặt tiếp xúc đường thì xử lý như sau:

Nếu chiều rộng của mặt tiếp xúc đường nằm trong phạm vi giới hạn khoảng cách có hệ số cao hơn chiếm từ 50% trở lên chiều rộng mặt tiếp xúc đường của thửa đất, thì được áp dụng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này cho cả thửa đất.

Nếu chiều rộng của mặt tiếp xúc đường nằm trong phạm vi giới hạn khoảng cách có hệ số cao hơn chiếm dưới 50% chiều rộng mặt tiếp xúc đường của thửa đất, thì áp dụng giá đất loại đường thấp hơn cho cả thửa đất.

d) Những thửa đất tiếp giáp với đoạn đường cấp hai bên cầu (chỉ tính cho những tuyến đường có sau khi xây cầu), giá đất được tính bằng 100% giá đất tuyến đường cùng loại đối với khu vực có chợ hoạt động phù hợp với quy hoạch hoặc tính bằng 70% giá đất tuyến đường cùng loại đối với khu vực không có chợ hoạt động phù hợp với quy hoạch. Đoạn đường hai bên cầu được tính từ vị trí chuyển tiếp của đường ngã rẽ chân cầu đến khi chuyển sang tuyến đường mới.”

8. Sửa đổi Điều 12 như sau:

“Điều 12. Bảng giá nhóm đất nông nghiệp

1. Bảng giá đất trồng cây lâu năm

Đơn vị tính: đồng/m²

Khu vực	Giá đất 2020-2024 quy định tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26/7/2021			Điều chỉnh giá đất 2020-2024		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
- Phường Bạc Liêu; - Một phần phường Vĩnh Trạch (gồm phường 5 cũ); - Một phần phường Hiệp Thành (gồm phường Nhà Mát cũ).	250.000	200.000	130.000	250.000	200.000	130.000
- Một phần phường Giá Rai (gồm phường Hộ Phòng cũ); - Một phần phường Láng Tròn (gồm phường Láng Tròn cũ).	230.000	180.000	100.000	230.000	180.000	100.000
- Một phần phường Vĩnh Trạch (gồm xã Vĩnh Trạch cũ); - Một phần phường Hiệp Thành (gồm xã Vĩnh Trạch Đông và xã Hiệp Thành cũ).	72.000	60.000	54.000	110.000	90.000	80.000
- Một phần phường Giá Rai (gồm xã Phong Thạnh và xã Phong Thạnh A cũ); - Một phần phường Láng Tròn (gồm xã Phong Tân và xã	66.000	54.000	48.000	100.000	80.000	70.000

Khu vực	Giá đất 2020-2024 quy định tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26/7/2021			Điều chỉnh giá đất 2020-2024		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
Phong Thạnh Đông cũ); - Các xã còn lại (thuộc khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ).						

2. Bảng giá đất trồng cây hàng năm gồm các loại đất sau:

a) Đất trồng cây hàng năm khác

Đơn vị tính: đồng/m²

Khu vực	Giá đất 2020-2024 quy định tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26/7/2021			Điều chỉnh giá đất 2020-2024		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
- Phường Bạc Liêu; - Một phần phường Vĩnh Trạch (gồm phường 5 cũ); - Một phần phường Hiệp Thành (gồm phường Nhà Mát cũ).	250.000	200.000	130.000	250.000	200.000	130.000
- Một phần phường Giá Rai (gồm phường Hộ Phòng cũ); - Một phần phường Láng Tròn (gồm phường Láng Tròn cũ).	230.000	180.000	100.000	230.000	180.000	100.000
- Một phần phường Vĩnh Trạch (gồm xã Vĩnh Trạch cũ); - Một phần phường Hiệp Thành (gồm xã Vĩnh Trạch Đông và xã Hiệp Thành cũ).	66.000	54.000	48.000	100.000	80.000	70.000

- Một phần phường Láng Tròn (gồm xã Phong Tân và xã Phong Thạnh Đông cũ). - Các xã (vùng ngọt) (thuộc khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ)	60.000	48.000	42.000	90.000	71.000	61.000
- Một phần phường Giá Rai (gồm xã Phong Thạnh và xã Phong Thạnh A cũ); - Các xã (vùng mặn) (thuộc khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ)	54.000	42.000	36.000	80.000	62.000	55.000

b) Đất trồng lúa

Đơn vị tính: đồng/m²

Khu vực	Giá đất 2020-2024 quy định tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26/7/2021			Điều chỉnh giá đất 2020-2024		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
- Phường Bạc Liêu; - Một phần phường Vĩnh Trạch (gồm phường 5 cũ); - Một phần phường Hiệp Thành (gồm phường Nhà Mát cũ).	250.000	200.000	130.000	250.000	200.000	130.000
- Một phần phường Giá Rai (gồm phường Hộ Phòng cũ); - Một phần phường Láng Tròn (gồm phường Láng Tròn cũ).	230.000	180.000	100.000	230.000	180.000	100.000
- Một phần phường Vĩnh Trạch (gồm xã Vĩnh Trạch cũ); - Một phần phường Hiệp Thành (gồm xã Vĩnh Trạch Đông và xã Hiệp Thành cũ).	68.000	56.000	50.000	110.000	85.000	73.000

Khu vực	Giá đất 2020-2024 quy định tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26/7/2021			Điều chỉnh giá đất 2020-2024		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
- Một phần phường Giá Rai (gồm xã Phong Thạnh và xã Phong Thạnh A cũ); - Một phần phường Láng Tròn (gồm xã Phong Tân và xã Phong Thạnh Đông cũ); - Các xã còn lại (thuộc khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ).	62.000	50.000	44.000	100.000	75.000	65.000

3. Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: đồng/m²

Khu vực	Giá đất 2020-2024 quy định tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26/7/2021			Điều chỉnh giá đất 2020-2024		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
- Phường Bạc Liêu; - Một phần phường Vĩnh Trạch (gồm phường 5 cũ); - Một phần phường Hiệp Thành (gồm phường Nhà Mát cũ).	250.000	200.000	130.000	250.000	200.000	130.000
- Một phần phường Giá Rai (gồm phường Hộ Phòng cũ); - Một phần phường Láng Tròn (gồm phường Láng Tròn cũ).	230.000	180.000	100.000	230.000	180.000	100.000
- Một phần phường Vĩnh Trạch (gồm xã Vĩnh Trạch cũ); - Một phần phường Hiệp	48.000	36.000	30.000	100.000	75.000	60.000

Khu vực	Giá đất 2020-2024 quy định tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26/7/2021			Điều chỉnh giá đất 2020-2024		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
Thành (gồm xã Vĩnh Trạch Đông và xã Hiệp Thành cũ).						
- Một phần phường Giá Rai (gồm xã Phong Thạnh và xã Phong Thạnh A cũ); - Một phần phường Láng Tròn (gồm xã Phong Tân và xã Phong Thạnh Đông cũ); - Các xã còn lại (thuộc khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ).	48.000	36.000	30.000	78.000	55.000	44.000

4. Bảng giá đất làm muối

Đơn vị tính: đồng/m²

Khu vực	Giá đất 2020-2024 quy định tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26/7/2021			Điều chỉnh giá đất 2020-2024		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
- Phường Bạc Liêu; - Một phần phường Vĩnh Trạch (gồm phường 5 cũ); - Một phần phường Hiệp Thành (gồm phường Nhà Mát cũ).	200.000	150.000	80.000	200.000	150.000	80.000
- Một phần phường Giá Rai (gồm phường Hộ Phòng cũ); - Một phần phường Láng Tròn (gồm phường Láng Tròn cũ).	200.000	150.000	80.000	200.000	150.000	80.000

Khu vực	Giá đất 2020-2024 quy định tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26/7/2021			Điều chỉnh giá đất 2020-2024		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
- Một phần phường Vĩnh Trạch (gồm xã Vĩnh Trạch cũ); - Một phần phường Hiệp Thành (gồm xã Vĩnh Trạch Đông và xã Hiệp Thành cũ).	48.000	36.000	30.000	90.000	65.000	50.000
- Một phần phường Giá Rai (gồm xã Phong Thạnh và xã Phong Thạnh A cũ); - Một phần phường Láng Tròn (gồm xã Phong Tân và xã Phong Thạnh Đông cũ); - Các xã còn lại (thuộc khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ).	48.000	36.000	30.000	78.000	55.000	44.000

5. Bảng giá đất lâm nghiệp

Đơn vị tính: đồng/m²

Loại đất	Giá đất 2020-2024 quy định tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26/7/2021			Điều chỉnh giá đất 2020-2024		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1. Phường Bạc Liêu; Một phần phường Vĩnh Trạch (gồm phường 5 cũ); Một phần phường Hiệp Thành (gồm phường Nhà Mát cũ); Một phần phường Giá Rai (gồm phường Hộ Phòng cũ); Một phần phường Láng Tròn (gồm phường Láng Tròn cũ).						
Đất rừng sản xuất; đất rừng đặc dụng; đất rừng phòng hộ	200.000	150.000	80.000	200.000	150.000	80.000

2. Một phần phường Vĩnh Trạch (gồm xã Vĩnh Trạch cũ); Một phần phường Hiệp Thành (gồm xã Vĩnh Trạch Đông và xã Hiệp Thành cũ); Một phần phường Giá Rai (gồm xã Phong Thạnh và xã Phong Thạnh A cũ); Một phần phường Láng Tròn (gồm xã Phong Tân và xã Phong Thạnh Đông cũ); Các xã còn lại (thuộc khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ)						
Đất rừng sản xuất	36.000	30.000	24.000	58.000	48.000	39.000
Đất rừng đặc dụng	30.000	24.000	22.000	50.000	39.000	35.000
Đất rừng phòng hộ	28.000	22.000	19.000	45.000	36.000	30.000

6. Đối với đất nông nghiệp khác được tính bằng mức giá đất nông nghiệp liền kề tương ứng; trường hợp liền kề tương ứng với nhiều loại đất nông nghiệp khác nhau, thì căn cứ vào giá của loại đất có mức giá cao nhất để xác định giá.”

9. Sửa đổi Điều 13 như sau:

“Điều 13. Bảng giá nhóm đất phi nông nghiệp là đất ở

1. Bảng giá đất ở nông thôn

a) Đất ở nông thôn:

Vị trí đất ở nông thôn trong trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, được xác định giá theo các bảng sau:

Đơn vị tính: đồng/m²

Khu vực	Giá đất 2020-2024 quy định tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26/7/2021			Điều chỉnh giá đất 2020-2024		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
- Xã Vĩnh Trạch cũ (nay thuộc khu vực Phường Vĩnh Trạch); - Xã Vĩnh Trạch Đông và xã Hiệp Thành cũ (nay thuộc khu vực phường Hiệp Thành).	320.000	270.000	220.000	520.000	430.000	350.000

- Xã Phong Thạnh và xã Phong Thạnh A cũ (nay thuộc khu vực phường Giá Rai);	240.000	200.000	170.000	250.000	220.000	180.000
- Xã Phong Tân và xã Phong Thạnh Đông cũ (nay là thuộc khu vực phường Láng Tròn).						
- Các xã (cũ) còn lại (thuộc khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ)	240.000	200.000	170.000	250.000	220.000	180.000

b) Đất ở nông thôn có vị trí mặt tiền tiếp giáp các tuyến đường Quốc lộ, đường tỉnh và đường xã, liên ấp mà đã có giá quy định tại các Phụ lục giá đất kèm theo Quy định này và mức giá cao hơn mức giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì áp dụng theo mức giá đã quy định tại các Phụ lục giá đất kèm theo Quy định này.

2. Bảng giá đất ở tối thiểu

Đơn vị tính: đồng/m²

Khu vực	Giá đất 2020-2024 quy định tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	Điều chỉnh giá đất ở tối thiểu 2020-2024
- Phường Bạc Liêu; - Một phần phường Vĩnh Trạch (gồm phường 5 cũ); - Một phần phường Hiệp Thành (gồm phường Nhà Mát cũ).	320.000	520.000
- Một phần phường Vĩnh Trạch (gồm xã Vĩnh Trạch cũ); - Một phần phường Hiệp Thành (gồm xã Vĩnh Trạch Đông và xã Hiệp Thành cũ).	220.000	350.000
- Một phần phường Giá Rai (gồm phường Hộ Phòng cũ); - Một phần phường Láng Tròn (gồm phường Láng Tròn cũ); - Một phần xã Hồng Dân (gồm thị trấn Ngan Dừa cũ); - Một phần xã Gành Hào (gồm thị trấn Gành Hào cũ); - Một phần xã Hòa Bình (gồm thị trấn Hòa Bình cũ);	240.000	260.000

- Một phần xã Phước Long (gồm thị trấn Phước Long cũ); - Một phần xã Vĩnh Lợi (gồm thị trấn Châu Hưng cũ).		
- Một phần phường Giá Rai (gồm xã Phong Thạnh và xã Phong Thạnh A cũ); - Một phần phường Láng Tròn (gồm xã Phong Tân và xã Phong Thạnh Đông cũ); - Các xã còn lại, trừ các khu vực thuộc các thị trấn cũ (thuộc khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ)	170.000	180.000

3. Trong tất cả các trường hợp xác định giá đất ở đô thị và đất ở nông thôn, khi áp dụng phần trăm (%) mức giá chuẩn theo vị trí được quy định tại Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Điều 7, Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh để tính giá đất ở, mà giá đất tính ra nhỏ hơn giá tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều này thì lấy bằng giá đất ở tối thiểu tại khoản 2 Điều này.”

10. Sửa đổi Điều 14 như sau:

“Điều 14. Bảng giá nhóm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

1. Giá đất sản xuất kinh doanh, phi nông nghiệp (trừ khoản 2 Điều này) được xác định theo tỷ lệ phần trăm và bằng 60% giá đất ở có cùng vị trí.

2. Giá đất thương mại, dịch vụ được xác định theo tỷ lệ phần trăm và bằng 80% giá đất ở có cùng vị trí.

3. Giá đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh; đất phi nông nghiệp khác được xác định theo tỷ lệ phần trăm và bằng 60% giá đất ở có cùng vị trí.

Giá đất xây dựng công trình sự nghiệp được xác định theo tỷ lệ phần trăm và bằng 80% giá đất ở có cùng vị trí.

4. Căn cứ mức giá cụ thể đã quy định đối với giá các loại đất liền kề để xác định giá cho các loại đất sau, cụ thể:

a) Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan; đất quốc phòng; đất an ninh; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất tôn giáo; đất tín ngưỡng thì căn cứ giá đất ở cùng vị trí, nếu không có đất ở cùng vị trí thì căn cứ vào giá đất ở tại khu vực gần nhất để xác định giá.

b) Đối với đất có mặt nước chuyên dùng thì căn cứ giá đất phi nông nghiệp tại cùng vị trí, nếu không có đất phi nông nghiệp tại cùng vị trí thì căn cứ vào giá đất phi nông nghiệp tại khu vực gần nhất để xác định giá.

5. Trường hợp xác định giá đất tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà có giá đất nhỏ hơn giá đất ở tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 13 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại Quy định này thì lấy bằng giá đất ở tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 13 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại Quy định này.”

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số điều và phụ lục của Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau (*khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ*) giai đoạn 2020-2024 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu

1. Thay thế các Phụ lục tại Điều 15 đã được đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, bằng các Phụ lục sau:

Phụ lục 01: Bảng giá đất ở trên địa bàn Phường Bạc Liêu, Phường Vĩnh Trạch, Phường Hiệp Thành (*thuộc địa bàn thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cũ*).

Phụ lục 02: Bảng giá đất ở trên địa bàn xã Gành Hào, xã Định Thành, xã An Trạch, xã Long Điền và xã Đông Hải (*thuộc địa bàn huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu cũ*).

Phụ lục 03: Bảng giá đất ở trên địa bàn xã Hòa Bình (*gồm thị trấn Hòa Bình, xã Vĩnh Mỹ A thuộc địa bàn huyện Hòa Bình cũ và xã Long Thạnh thuộc địa bàn huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu cũ*), xã Vĩnh Mỹ và xã Vĩnh Hậu (*thuộc địa bàn huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu cũ*).

Phụ lục 04: Bảng giá đất ở trên địa bàn xã Hồng Dân, xã Vĩnh Lộc, xã Ninh Thạnh Lợi và xã Ninh Quới (*thuộc địa bàn huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu cũ*).

Phụ lục 05: Bảng giá đất ở trên địa bàn Phường Giá Rai, Phường Láng Tròn và xã Phong Thạnh (*thuộc địa bàn thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu cũ*).

Phụ lục 06: Bảng giá đất ở trên địa bàn xã Phước Long, xã Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Phước và xã Phong Hiệp (*thuộc địa bàn huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu cũ*).

Phụ lục 07: Bảng giá đất ở trên địa bàn xã Vĩnh Lợi, xã Châu Thới, xã Hưng Hội (*thuộc địa bàn huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu cũ*).

2. Bãi bỏ khoản 1, khoản 2, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 1 Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Bạc Liêu; Điều 11 Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện theo đúng quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025 và được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Quy định chuyển tiếp: Trường hợp các nội dung đã thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 và Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

3. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 và Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường;
Tài chính; Xây dựng (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế, Bộ NNMT;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử (đăng công);
- Lưu: VT, SĐạt (QĐ 56). D.M333/8

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Hữu Trí

B. Các tuyến đường tại các khu dân cư trên địa bàn Phường Bạc Liêu (gồm Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 7 và Phường 8 cũ), Phường Vĩnh Trạch (gồm Phường 5 và xã Vĩnh Trạch cũ), Phường Hiệp Thành (gồm Phường Nhà Mát, xã Vĩnh Trạch Đông và xã Hiệp Thành cũ)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường trong dự án	Chỉ giới xây dựng (m)	Giá đất 2020-2024 theo QĐ số 28/2021/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh 2023 theo QĐ số 40/2023/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh năm 2025
I	DỰ ÁN BẮC TRẦN HUỖNH (thuộc địa bàn Phường 1 cũ)				
1	Đường Nguyễn Công Tộc (trước Chợ Phường 1, đoạn: Trần Huỳnh - Châu Văn Đăng)	26,5	7.940	8.800	11.300
2	Đường Nguyễn Thái Học (đoạn: Trần Huỳnh đến Khu Đô thị mới)	26,5	6.700	7.400	11.100
3	Đường Châu Văn Đăng (đoạn: Lê Duẩn - Hết ranh Chợ)	19,0	5.300	5.900	7.300
4	Đường Châu Văn Đăng (đoạn: Hết ranh Chợ - Nguyễn Thái Học)	19,0	4.400	4.800	5.500
5	Đường Châu Văn Đăng (đoạn: Nguyễn Thái Học - Tôn Đức Thắng)	19,0	4.400	4.800	5.700
6	Đường Nguyễn Chí Thanh	17,0	3.170	4.400	5.400
7	Đường Trần Văn Tấn	17,0	3.170	4.400	5.400
8	Đường Nguyễn Thị Mười	17,0	3.170	4.400	5.400
9	Đường Dương Thị Sáu	17,0	3.170	4.400	5.400
10	Đường Lê Thị Hương	17,0	3.170	4.400	5.400
11	Đường số 5, số 13	15,0	2.650	4.000	4.800
12	Đường Nguyễn Thị Minh (Đường số 1-N2 cũ)	14,0	2.650	4.400	4.800
13	Đường Trương Thu Hà (Đường số 2-N2 cũ)	15,0	2.650	4.000	4.800
14	Đường Trương Văn An	10,0	2.700	3.800	4.600
15	Đường Trần Hồng Dân	13,0	2.700	3.900	4.600
16	Đường Nguyễn Văn Ưông (Trần Huỳnh - Châu Văn Đăng)	15,0	2.900	4.000	4.800
17	Đường Nguyễn Văn Ưông (Châu Văn Đăng - Tôn Đức Thắng)		2.700	3.800	4.600
18	Đường Ninh Thạnh Lợi (Trần Huỳnh - Châu Văn Đăng)	10,0	2.900	3.500	4.800
19	Đường Ninh Thạnh Lợi (Châu Văn Đăng - Tôn Đức Thắng)		2.700	3.200	4.600

20	Đường Phạm Thị Lan (Đường số 14 cũ)	10,0	2.470	3.800	4.600
21	Đường Huỳnh Văn Xã	10,0	2.470	3.800	4.600
22	Đường số 17	10,0	2.470	3.800	4.600
23	Đường Trần Văn Ôn (đường số 11 cũ)	15,0	2.650	4.000	4.800
II	DỰ ÁN KHU NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN (thuộc địa bàn Phường 1 cũ)				
1	Đường Nguyễn Công Tộc (Châu Văn Đặng - Tôn Đức Thắng)	26,5	5.300	6.400	8.480
2	Đường Nguyễn Công Tộc (Tôn Đức Thắng - Nguyễn Chí Thanh)	11,0	2.470	3.800	5.400
3	Đường Châu Văn Đặng (Lê Duẩn - Trương Văn An)	19,0	5.300	6.200	8.100
4	Đường Nguyễn Văn Ưông (nối dài) (số 4 cũ)	15,0	2.650	4.000	5.200
5	Đường Hồ Minh Luông (nối dài) (số 2 cũ)	13,0	2.470	3.900	5.000
6	Đường Trương Văn An (nối dài) (số 3 cũ)	13,0	2.470	3.900	5.000
7	Đường Nguyễn Chí Thanh (nối dài) (số 5 cũ)	17,0	2.470	4.400	5.600
8	Đường Đinh Thị Tùng (số 7 cũ)	13,0	2.470	3.900	5.000
9	Đường Phan Thị Phép (số 9 cũ)	10,0	2.470	3.800	4.800
10	Đường Lê Thị Thành (số 10 cũ)	10,0	2.470	3.800	4.800
11	Đường Lư Hòa Nghĩa (số 08 cũ)	10,0	2.470	3.800	4.800
III	DỰ ÁN BẾN XE - BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG (thuộc địa bàn Phường 7 cũ)				
1	Đường Nguyễn Thông	28,0	5.300	5.800	7.500
2	Đường Lê Thị Riêng (số 8 cũ)	28,0	5.300	5.800	7.500
3	Đường Nguyễn Trường Tộ	21,0	4.400	4.900	6.700
4	Đường Mậu Thân (số 7 cũ)	21,0	4.400	4.900	6.700
5	Đường Ung Văn Khiêm (số 12 cũ)	21,0	4.400	4.900	6.700
6	Đường Nguyễn Hồng Khanh	17,0	3.170	3.600	6.300
7	Đường Nguyễn Hữu Nghĩa	17,0	3.170	3.600	6.300
8	Đường Lê Đại Hành nối dài	11,0	2.300	2.900	4.700
9	Đường Nguyễn Văn Kinh (số 3 cũ)	11,0	2.300	2.900	4.700
10	Đường Bế Văn Đàn	11,0	2.300	2.900	4.700
11	Đường Kim Đồng	11,0	2.300	2.900	4.700
12	Đường Trần Bình Khuôl (số 11 cũ)	11,0	2.300	2.900	4.700

IV	DỰ ÁN KHU CƠ ĐIỆN CŨ (thuộc địa bàn Phường 1 cũ)				
1	Đường Nguyễn Chí Thanh	17,0	4.400	5.200	5.800
2	Đường Lê Thiết Hùng	17,0	3.500	4.500	5.600
3	Đường Nguyễn Thị Thủ	15,0	3.000	4.000	5.400
4	Đường Tô Minh Luyện	15,0	3.000	4.000	5.400
5	Đường Trần Văn Hộ	15,0	3.000	4.000	5.400
6	Đường Hoà Bình nối dài	15,0	3.000	4.000	5.400
V	DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHÍA NAM KHU HÀNH CHÍNH (thuộc địa bàn Phường 1 cũ)				
1	Đường Ngô Quang Nhã (đường sau trụ sở UBND tỉnh)	17,0	7.000	8.000	8.500
2	Đường Huỳnh Quảng	15,0	5.000	6.000	6.800
3	Đường Quách Thị Kiều	10,0	4.000	5.000	6.000
4	Đường Lương Định Của	10,0	4.000	5.000	6.000
5	Đường Trần Thị Khéo	10,0	4.000	5.000	6.000
6	Đường Lâm Thành Mậu	15,0	4.000	5.000	6.000
7	Đường Ngô Thời Nhiệm	15,0	4.000	5.000	6.000
8	Đường Nguyễn Bình Khiêm	15,0	4.000	5.000	6.000
9	Đường Trần Văn Sớm	15,0	4.000	5.000	6.000
10	Đường Hùng Vương (02 tuyến bên Quảng Trường Hùng Vương, đoạn từ Trần Huỳnh đến Nguyễn Tất Thành)	15,0	4.000	5.000	6.000
11	Đường Cù Chính Lan	10,0	4.000	5.000	5.000
12	Các tuyến đường nội bộ còn lại trong dự án	10,0	4.000	5.000	6.000
VI	DỰ ÁN KHU LÊ VĂN TÁM (thuộc địa bàn Phường 1 cũ)				
1	Các tuyến đường nội bộ trong dự án		6.700	7.300	8.200
VII	DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ MỚI PHƯỜNG 1 (thuộc địa bàn Phường 1 cũ)				
1	Đường Nguyễn Văn Linh	42,0	7.900	9.000	11.000
2	Đường 3 tháng 2	35,0	6.700	7.600	9.200
3	Đường Nguyễn Thái Học (nối dài)	26,5	5.300	6.200	9.000
4	Đường 19-5	26,5	5.300	6.200	9.000
5	Đường Bùi Thị Xuân	15,0	4.000	4.800	8.200
6	Đường Trần Quang Diệu	15,0	4.000	4.800	8.200
7	Đường Cao Triều Phát	15,0	4.000	4.800	8.200

8	Đường Nguyễn Thị Định	15,0	4.000	4.800	8.200
9	Đường Phan Đình Giót	15,0	4.000	4.800	8.200
10	Đường Lê Khắc Xương	15,0	4.000	4.800	8.200
11	Đường Lê Trọng Tấn	15,0	4.000	4.800	8.200
12	Đường Lâm Văn Thê	15,0	4.000	4.800	8.200
13	Đường Thích Hiền Giác	15,0	4.000	4.800	8.200
14	Đường Phan Ngọc Sến	15,0	4.000	4.800	8.200
15	Đường Nguyễn Việt Hồng	15,0	4.000	4.800	8.200
16	Đường Nguyễn Thái Bình	15,0	4.000	4.800	8.200
17	Đường Phạm Hồng Thám	15,0	4.000	4.800	8.200
18	Đường Văn Tiến Dũng	15,0	4.000	4.800	8.200
19	Đường Trần Văn Ôn	15,0	4.000	4.800	8.200
20	Đường Trần Đại Nghĩa	15,0	4.000	4.800	8.200
21	Đường Phạm Ngọc Thạch	15,0	4.000	4.800	8.200
22	Đường Tăng Hồng Phúc	15,0	4.000	4.800	8.200
23	Đường Hoàng Cầm	15,0	4.000	4.800	8.200
24	Các tuyến đường còn lại lộ giới	15,0	4.000	4.800	8.200
VIII	DỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHƯỜNG 5 (thuộc địa bàn Phường 5 cũ)				
1	Đường Hàm Nghi	34,0	5.300	6.000	8.600
2	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	30,0	4.400	5.000	7.800
3	Đường Đồng Khởi	26,5	4.600	5.300	7.600
4	Đường Bùi Thị Trường	22,5	4.400	5.000	7.200
5	Đường Lê Quý Đôn	22,5	4.400	5.000	7.200
6	Đường Lê Đại Hành	22,5	4.400	5.000	7.200
7	Đường Nguyễn Trung Trực	19,0	3.500	4.200	6.700
8	Đường Tôn Thất Tùng	17,0	3.170	3.600	5.900
9	Đường Trần Văn Trà	17,0	3.170	3.600	5.900
10	Đường Duy Tân	15,0	2.800	3.300	5.400
11	Đường Nguyễn Viết Xuân	15,0	2.800	3.300	5.400
12	Đường Nhạc Khị	15,0	2.800	3.300	5.400
13	Đường 6A	15,0	2.800	3.300	5.400
14	Đường Phạm Văn Khiết	15,0	2.800	3.300	5.400
15	Đường Nguyễn Thị Thơm	15,0	2.800	3.300	5.400
16	Đường Lê Thị Sáu	15,0	2.800	3.300	5.400
17	Đường Nguyễn Bình (Đường số 11B cũ)	15,0	2.800	3.300	5.400

18	Đường Hồ Minh Luông	15,0	2.800	3.300	5.400
19	Đường Bông Văn Dĩa	15,0	2.800	3.300	5.400
20	Đường Phó Đức Chính	15,0	2.800	3.300	5.400
21	Đường Mười Chức (Nọc Nặng cũ)	15,0	2.800	3.300	5.400
22	Đường Nguyễn Tri Phương	15,0	2.800	3.300	5.400
23	Đường Lê Thị Thê	15,0	2.800	3.300	5.400
IX	ĐỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐÀI PHÁT THANH CŨ (thuộc địa bàn Phường 7 cũ)				
1	Đường Lâm Thị Anh (số 13 cũ)	10.0 - 17.0	7.050	7.600	8.000
2	Đường Dương Văn Diệp (số 10 cũ)	10.0 - 17.0	7.050	7.600	8.000
3	Đường số 11	10,0	6.150	6.800	7.500
4	Đường số 4	7,0	5.300	5.800	6.700
X	ĐỰ ÁN KHU DU LỊCH NHÀ MÁT (thuộc địa bàn Phường Nhà Mát cũ)				
1	Đường C và C1 (đường Bạch Đằng nối dài ra biển)	42,0	3.500	4.500	5.500
2	Đường số 2, số 4 (vuông góc đường Bạch Đằng)	17,0	2.100	3.000	4.000
3	Các đường nội bộ còn lại trong dự án	15,0	1.750	2.500	3.500
XI	ĐỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ (02 HA) (thuộc địa bàn Phường 8 cũ)				
1	Đường số 5 và đường số 11, đường số 9	11,5	1.900	2.600	3.800
2	Đường số 12, đường số 6	15,0	2.100	3.200	4.600
3	Đường số 1	17,0	2.650	3.600	4.800
XII	ĐỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHƯỜNG 2 (thuộc địa bàn Phường 2 cũ)				
1	Đường Phan Văn Xoàn (số 6 cũ)	34,5	6.750	7.500	11.000
2	Đường Nguyễn Vĩnh Nghiệp (số 11 cũ)	24,0	5.300	6.000	8.500
3	Đường Ninh Bình (Trung tâm Phường 2)	24,0	7.200	8.000	8.500
4	Đường Nguyễn Thị Bùi (số 3 cũ)	15,0	4.200	5.000	7.000
5	Đường Nguyễn Bá Tội (số 13 cũ)	14,0	3.800	4.400	6.400
6	Đường Trần Văn Mẫn (số 3A cũ)	13,0	3.200	4.000	6.200
7	Đường Đoàn Thị Huê (số 3B cũ)	13,0	3.200	4.000	6.200
8	Đường Lê Văn Năm (số 1B cũ)	10,5	2.800	3.600	5.700
9	Đường Phạm Thị Út (số 1E cũ)	10,5	2.800	3.600	5.700
10	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (đường đối diện Kinh Hồ cũ, đoạn từ kênh 30/4 đến đường Ninh Bình)	14,0	4.000	4.800	6.500
11	Đường Lê Hồng Phong (số 8 + 14 cũ)	24,0	6.400	7.300	8.500

12	Đường Trần Thanh Viêt (số 1D cũ)	13,0	3.200	4.000	6.200
13	Đường Nguyễn Lương Bằng (số 12 cũ)	24,0	6.400	7.300	8.500
14	Đường Trần Văn Bình (số 1A cũ)	13,0	3.200	4.000	6.200
15	Đường Trần Hồng Dân (số 1 cũ)	16,0	4.900	5.700	7.200
16	Đường Nguyễn Thị Nho (số 5 cũ)	16,0	5.300	6.000	7.500
17	Đường Trương Hán Siêu (số 4 cũ)	15,0	4.900	5.600	6.800
18	Đường Trần Văn Đại (số 8A cũ)	24,0	6.400	7.300	8.500
19	Đường Châu Thị Tám (số 2 cũ)	15,0	4.900	5.600	7.000
20	Đường Hoa Lư (số 7 cũ)	13,0	3.200	4.000	6.200
21	Đường Phan Thị Khả (số 6A cũ)	13,0	3.200	4.000	6.200
22	Đường Nguyễn Công Thượng (số 6B cũ)	13,0	3.200	4.000	6.200
23	Đường Nguyễn Hồng Khanh (số 6C cũ)	13,0	3.200	4.000	6.200
24	Đường Tào Văn Tỵ (số 1C cũ)	10,5	2.800	3.600	5.700
25	Đường Tạ Thị Huê (số 11A cũ)	13,0	3.200	4.000	6.200
26	Đường Lê Thị Huỳnh (số 11B cũ)	13,0	3.200	4.000	6.200
27	Đường Lê Thị Mười (số 9 cũ)	13,0	3.200	4.000	6.200
28	Đường số 10	16,0		6.000	6.000
29	Đường 9A	16,0		6.000	6.000
30	Đường 5B	16,0		6.000	6.000
31	Đường 4B	16,0		6.000	6.000
XIII	DỰ ÁN KHU DÂN CƯ GIÁP KHU TÁI ĐỊNH CƯ BÊN XE BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG (KHU DÂN CƯ TRẢNG AN) (thuộc địa bàn Phường 7 cũ)				
1	Đường số 8; 11	28	6.000	7.500	9.900
2	Đường Đỗ Thị Bông (Đường số 6A cũ)	12	3.400	4.000	8.200
3	Đường Thạch Thị Nương (Đường số 8A cũ)	12	3.400	4.000	8.200
4	Đường Hồ Thị Nghi (Đường số 8B cũ)	12	3.400	4.000	8.200
5	Đường Ngô Thị Ba (Đường số 10 cũ)	14	3.800	4.300	8.400
6	Đường Trần Văn Lắm (Đường số 12 cũ)	14	3.800	4.300	8.400
7	Đường Nguyễn Thị Dệt (Đường số 16 cũ)	12	3.800	4.300	8.200
8	Đường Lê Thị Mạnh (Đường số 13A cũ)	12	3.400	4.000	8.200
9	Đường Hứa Thị Quán (Đường số 14 cũ)	15	3.900	4.300	8.500
10	Đường Nguyễn Thị Lượm (Đường số 15 cũ)	12	3.400	4.000	8.200
11	Đường Lý Thị Hui (Đường số 13 cũ)	12	3.400	4.000	8.200
12	Đường Nguyễn Việt Khái (Đường số 17 cũ)	12	3.400	4.000	8.200
13	Đường Huỳnh Thị Búp (Đường số 18 cũ)	14	3.800	4.300	8.400

14	Đường Tô Vĩnh Diện (Đường số 19, số 04 và 04B cũ)	14	3.800	4.300	8.400
15	Đường Nguyễn Thị Dân (Đường số 19A cũ)	12	3.400	4.000	8.200
16	Đường Trần Thị Viên (Đường số 19B cũ)	12	3.400	4.000	8.200
17	Đường Huỳnh Thị Hoa (Đường số 19C cũ)	12	3.400	4.000	8.200
18	Đường Nguyễn Thị Tiền (đường số 19D cũ)	16	3.400	4.000	8.600
19	Đường Nguyễn Thị Tròn (Đường số 23 cũ)	16	4.000	4.300	8.600
20	Đường Hoàng Thế Thiện (Đường số 25 cũ)	13	3.700	4.200	8.300
21	Đường Ngô Văn Ngô (Đường số 27 cũ)	13	3.700	4.200	8.300
22	Đường Lê Thị Đồi (Đường số 29 cũ)	12	3.400	4.000	8.200
23	Đường Nguyễn Thị Nở (Đường số 31 cũ)	14	3.800	4.300	8.400
24	Đường Lương Thị Tài (Đường số 31A cũ)	14	3.800	4.300	8.400
25	Đường Mạc Thị Nhân (Đường số 33 cũ)	12	3.400	4.000	8.200
26	Đường Nguyễn Thị Hoa (Đường số 33A cũ)	12	3.400	4.000	8.200
27	Đường số 2; 6	14	3.800	4.300	8.400
28	Đường số 14A, 14B	14	3.180	4.300	8.400
29	Đường Ung Văn Khiêm	21	3.180	4.900	9.100
30	Đường số 5, 5A, 7	12	3.180	4.000	8.200
31	Các tuyến đường Khu nhà ở xã hội	11	3.180	4.000	8.100
XIV	DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ TẬP TRUNG VÀ NHÀ Ở XÃ HỘI ĐÔNG CAO VĂN LẦU (thuộc địa bàn Phường 5 cũ)				
1	Đường số 11	10,0	1.600	2.500	2.500
2	Đường số 12	10,0	1.600	2.500	2.500
3	Đường số 13	10,0	1.600	2.500	2.500
4	Đường số 14	10,0	1.600	2.500	2.500
5	Đường số 15	10,0	1.600	2.500	2.500
6	Đường số 01	10,0	1500	2300	2.300
7	Đường số 02	10,0	1500	2300	2.300
8	Đường số 03	10,0	1500	2300	2.300
9	Đường số 07	10,0	1500	2300	2.300
10	Đường số 08	10,0	1500	2300	2.300
XV	DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HOÀNG PHÁT (thuộc địa bàn Phường 1 cũ)				

1	Đường Thị Châm (đường D1 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
2	Đường Huỳnh Thị Lãnh (đường D2 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
3	Đường Nguyễn Khuyến (đường D3 cũ)	28	4.400	5.200	9.200
4	Đường Lê Thị Bảy (đường D4 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
5	Đường Hồ Tùng Mậu (đường D5 cũ)	26,6	4.300	5.000	9.000
6	Đường Trương Thị Phụng (đường D6 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
7	Đường Võ Thị Tư (đường D7 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
8	Đường Lê Thị Nhơn (đường D8 cũ)	13	3.000	4.000	8.200
9	Đường Đào Thị Thanh (đường D9 cũ)	13	3.000	4.000	8.200
10	Đường Trần Thị Chính (đường D11 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
11	Đường Trần Thị Lang (đường D13 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
12	Đường D12	15	3.000	4.200	8.500
13	Đường Trần Thị Thanh Hương (đường D14 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
14	Đường Huỳnh Thị Đê (đường D15 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
15	Đường Nguyễn Thị Đương (đường D16 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
16	Đường Nguyễn Thị Sen (đường D17 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
17	Đường Nguyễn Thị Huệ (đường D18 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
18	Đường Nguyễn Thị Hải (đường D19 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
19	Đường Nguyễn Thị Cầu (đường D20 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
20	Đường Trần Thị Hạnh (đường D21 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
21	Đường Phạm Thị Chử (đường N2 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
22	Đường Nguyễn Thị Thiên (đường N3 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
23	Đường Mai Thị Đáng (đường N4 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
24	Đường Nguyễn Tiêm (đường N5 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
25	Đường Nguyễn Thị Đủ (đường N6 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
26	Đường Hồ Xuân Hương (đường N7 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
27	Đường Trương Thị Cương (đường N8 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
28	Đường Lê Thị Đồng (đường N9 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
29	Đường Nguyễn Thị Cúc (đường N10 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
30	Đường Lê Thị Nga (đường N11 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
31	Đường Nguyễn Minh Nhứt (đường N12 cũ)	15	3.000	4.200	8.500

32	Đường Lê Thị Quý (đường N13 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
33	Đường Dương Thị Hai (đường N14 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
34	Đường Nguyễn Chánh Tâm (đường N15 cũ)	15	3.000	4.200	8.500
35	Đường 19 tháng 5 (Đường 19/5)	26,5	4.300	5.000	9.000
36	Đường Nguyễn Văn Cừ (đường Vành Đai cũ)	33	5.200	6.100	9.500
37	Đường Võ Chí Công (đường A cũ)	35	6.700	7.500	9.800
38	Đường 3 tháng 2 (Đường 3/2)	35	5.500	6.300	9.800
39	Đường Nguyễn Văn Linh	42	7.900	8.500	11.000
40	Các đường nội bộ trong dự án (đã hoàn thiện hạ tầng)	15	3.000	4.200	8.500
XVI	DỰ ÁN KHU DÂN CƯ VINCOM (thuộc địa bàn Phường 7 cũ)				
1	Đường D2 (đường đầu nối ra đường Trần Huỳnh và đường Nguyễn Đình Chiểu)	13		10.000	10.000
2	Đường D1 và D4 (đường đầu nối ra đường Trần Huỳnh)	11-13		8.750	8.750
3	Đường nội bộ khu dân cư	11-13		6.200	6.200
XVII	DỰ ÁN KDC CHÍNH TRANG ĐÔ THỊ GÓC ĐƯỜNG HAI BÀ TRUNG - VÕ THỊ SÁU (thuộc địa bàn Phường 3 cũ)				
1	Đường số 01, đường 02 và đường số 03	9		6.000	6.000
XVIII	DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP TRÀ KHA (thuộc địa bàn Phường 8 cũ)				
1	Đường D1 (đường đầu nối ra đường Quốc lộ 1A và tuyến tránh)			3.600	3.600
2	Đường N1 và đường N2 (đường đầu nối ra đường D1)			3.200	3.200
3	Đường nội bộ đã hoàn thiện hạ tầng			2.800	2.800
XIX	DỰ ÁN KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO PHÁT TRIỂN TÔM BẠC LIÊU (thuộc địa bàn xã Hiệp Thành cũ)				
1	Đường N1 và đường N2 (đường trục giao thông chính)	28		1.600	1.600
2	Đường N3, đường N5 và đường N6 (đường trục giao thông đầu nối)	11		1.100	1.100
3	Đường nội bộ đã hoàn thiện hạ tầng	5,5		750	750

**PHỤ LỤC 02: Bảng giá đất ở trên địa bàn xã Gành Hào, xã Định Thành, xã An Trạch, xã Long
Điền và xã Đông Hải (thuộc địa bàn huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu cũ)**
(kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024 theo QĐ số 28/2021/Q Đ-UBND	Giá đất điều chỉnh 2023 theo QĐ số 40/2023/Q Đ-UBND	Giá đất điều chỉnh năm 2025
		Điểm đầu	Điểm cuối			
I	XÃ GÀNH HÀO (gồm Thị trấn Gành Hào và xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải cũ)					
	Khu vực thị trấn Gành Hào cũ					
	Phan Ngọc Hiền					
1		Bắt đầu từ xí nghiệp Đông Lạnh (đoạn bờ kè)	Đến bến phà Rạch Cóc	500	800	1.200
2		Bắt đầu giáp Đường Lê Thị Riêng (tuyến trụ sở ấp I)	Đến cầu Rạch Dược Giữa	1.500	2.700	2.700
3		Bắt đầu từ cầu Rạch Dược Giữa	Đến ngã ba cây xăng (giáp đường 19/5)	3.000	4.200	4.200
4		Bắt đầu từ ngã ba cây xăng (giáp đường 19/5) (Nhà ông Tô Văn Bé)	Đến cầu Chà Là	3.000	4.200	4.200
5		Bắt đầu từ cầu Chà Là (trên lộ)	Đến bến phà Rạch Cóc	2.000	3.200	3.200
	Đường Ngọc Điền					
6		Bắt đầu từ giáp Lê Thị Riêng (Biên Phòng Gành Hào)	Đến ngã 4 huyện ủy	2.500	3.700	3.700
7		Bắt đầu từ ngã 4 huyện ủy	Đến sông Gành Hào	3.100	4.500	4.500
8	Đường Lê Thị Riêng	Bắt đầu từ ngã 3 Mũi Dùi	Đến Bờ Kè (giáp nhà ông Nguyễn Văn Cây)	1.100	1.800	2.000
9	Đường 19 tháng 5	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiền (ngã ba cây xăng Kim Tiến)	Đến đường Lê Thị Riêng (Ngã 3 Mũi Dùi)	3.000	4.500	4.500

10	Đường 1 tháng 3	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiền (ngã ba Cảng Cá)	Đến giáp đường Ngọc Điền (cấp nhà ông Phạm Văn Đà)	1.200	1.900	1.900
11	Đường số 2	Bắt đầu từ ngã ba (Sáu Thoàng)	Đến ngã ba (nhà may Duy Phan)	1.500	2.150	2.150
12		Bắt đầu từ ngã ba (nhà may Duy Phan)	Đến giáp đường Ngọc Điền (nhà Sơn hót tóc)	2.500	4.200	4.200
13	Đường số 4	Đường hai bên nhà lồng chợ thị trấn		2.600	4.500	4.500
14	Đường số 8 (Hương Lộ)	Bắt đầu từ đường Lê Thị Riêng (Ngã 3 Mũi Dùi)	Đến giáp ranh xã Long Điền Tây (mé bên bờ kênh lộ làng)	600	1.000	1.000
15	Đường số 10 (lò heo)	Bắt đầu từ giáp đường Ngọc Điền	Đến Kênh Liên Doanh	550	830	830
16	Khu Trung tâm Thương mại thị trấn Gành Hào	Hai bên dãy nhà đối diện Lồng chợ Trung tâm Thương mại Gành Hào		3.200	5.200	5.200
17	Đường giáp ranh trụ sở UBND huyện	Bắt đầu từ giáp đường Phan Ngọc Hiền (Quán nước Điểm Hẹn)	Đến giáp đường bê tông	2.700	4.000	4.000
	Đường đối diện nhà các hộ dân					
18		Bắt đầu từ giáp Đường Phan Ngọc Hiền (Nhà May Thi)	Đến giáp đường bê tông	2.700	4.000	4.000
19		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trương Thị Thúy	Đến hết ranh đất nhà bà Huỳnh Thị Bích	1.800	2.650	2.650
20	Đường ấp 4	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Chạy (Đốc Cầu Liên Doanh)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Sáu	650	850	850
	Đường ấp 1					
21		Bắt đầu từ ranh đất Chùa Hải Tịnh	Đến ngã tư Trụ sở cũ	650	850	850
22		Bắt đầu từ ngã tư Trụ sở cũ	Đến hết ranh đất trường Tiểu học Chu Văn An	900	1.280	1.280
23		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Lụa	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Quốc Tuấn	650	850	850
24		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Hoàng Mến	Đến hết ranh đất nhà bà Văn Thị Bắc	650	850	850

25		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đọt	Đến hết ranh đất nhà ông Tiêu Phong Kim	650	850	850
26		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phong	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Hết	650	850	850
27	Đường số 5	Bắt đầu từ cầu Rạch Dược ngoài	Đến đường Phan Ngọc Hiền (ngã 3 cầu Rạch Dược Giữa)	1.300	1.700	1.700
28	Đường ông Sắc (ấp 2)	Bắt đầu cách đường Ngọc Điền 30 m	Đến ranh đất nhà ông Lê Văn Hải	2.500	3.650	3.650
	Đường ấp 2					
29		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trần Ngọc Bích	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Thất	500	700	700
30		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Phú	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Sáu	500	700	700
31		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Bằng	Đến ranh đất nhà bà Mai Thị Chi	500	700	700
32	Đường ấp 3 (dãy trước)	Bắt đầu từ hồ nước cũ của Xí Nghiệp đông lạnh	Đến ngã 4 huyện ủy	900	1.270	1.270
	Đường ấp 3 (dãy sau)					
33		Bắt đầu từ hồ nước cũ của Xí Nghiệp đông lạnh	Đến ngã huyện ủy	600	800	800
34		Bắt đầu từ ngã 4 cửa hàng xe Thành Mỹ	Đến sông Gành Hào	2.200	3.000	3.000
35	Đường ấp 1 đến ấp 3	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Cây (đường Lê Thị Riêng, điểm bờ kè tiếp giáp sông Gành Hào)	Đến Xí nghiệp đông lạnh	1.400	1.900	1.900
36	Đường ấp 5	Bắt đầu từ ngã ba Mũi Dùi	Đến giáp ranh xã Long Điền Tây (đường hương lộ 9)	600	800	1.000
37	Đường ấp 3	Bắt đầu từ khu sản xuất tôm giống (giáp đồn biên phòng Gành Hào)	Đến kênh Liên Doanh	800	1.050	1.050

38	Đường ấp 4	Khu tái định cư 2ha giáp ranh Chi cục Thi hành án, Công an huyện		600	800	800
39	Đường 2	Bắt đầu từ Hai bên dãy nhà lồng cũ (nhà bà Nguyễn Thị Chạy và bà Trần Thị Dung)	Đến tiếp giáp bờ kè	1.000	1.400	1.400
40	Đường ấp 4 (tiếp giáp sông Gành Hào)	Bắt đầu từ tiếp giáp bên phà Tân Thuận	Đến cầu Gạch Cóc	500	700	700
41	Đường ấp 4 giáp đường Phan Ngọc Hiền	Bắt đầu từ ngã 3 vật liệu xây dựng Hữu Lộc	Đến vòng xoay Cảng Cá Gành Hào	1.000	1.370	1.370
	Đường ấp 4 giáp đường 19/5					
42		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Hồng (giáp đường 19/5)	Đến hết ranh đất của ông Lê Văn Trắng	800	1.050	1.050
43		Bắt đầu từ ranh đất bà Huỳnh Kim Hoa (giáp đường 19/5)	Đến hết ranh đất của ông Lê Văn Trắng	800	1.050	1.050
44	Đường ấp 3 (01)	Bắt đầu từ đất ông Khuru Minh Luân (giáp đường Ngọc Điền)	Đến kênh Liên Doanh (đất ông Huỳnh Thanh Nguyên)	300	500	500
45	Đường ấp 2 (tiếp giáp dãy nhà phía sau chợ Gành Hào)	Bắt đầu từ bà Huỳnh Ngọc Liên (ngã ba đường số 12)	Đến nhà bà Trịnh Ngọc Diệp (tiếp giáp đường kênh ông Sắt)	1.000	1.300	1.300
46	Đường ấp 2 (02): 02 hẻm giáp 02 mặt hướng bắc và hướng nam của trụ sở UBND ấp 2	Bắt đầu Tiếp giáp đường số 13	Đến tiếp giáp bờ kè	1.000	1.300	1.300
	Đường ấp 2					
47		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trương Văn Lũy	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Minh Tâm	700	950	950
48		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Khuôn	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Dũng (tiếp giáp đường kênh Ông Sắt)	500	700	700

	Đường ấp 1					
49		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Ánh Phan (giáp bờ kè)	Hết ranh đất Trường tiểu học Chu Văn An	900	1.150	1.150
50		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Cội (giáp đường 23)	Đến hết ranh đất nhà ông Phan Minh Đức (giáp đường số 50, đường bổ sung)	600	800	800
51		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đợi	Đến hết ranh đất nhà bà Lê Thị Liên (giáp đường số 28)	400	630	630
52	Tuyến đường nhà ông Bền đồn biên phòng Ấp 1	Bắt đầu từ giáp đường từ nhà ông Huỳnh Văn Lựa đến nhà ông Trần Quốc Tuấn	Đến giáp đường từ Chùa Hải Tịnh đến nhà Trụ sở Ấp 1 cũ		280	280
53	Tuyến hẻm dãy nhà khu dân cư Ấp 1	Bắt đầu từ giáp đường từ nhà ông Huỳnh Văn Lựa đến nhà ông Trần Quốc Tuấn	Đến nhà ông Nguyễn Hồng Nhựt		280	280
54	Tuyến đường nhà ông Nguyễn Ngọc Ân Ấp 1	Bắt đầu từ giáp đường từ nhà ông Huỳnh Văn Lựa đến nhà ông Trần Quốc Tuấn	Đến đường từ Chùa Hải Tịnh đến nhà Trụ sở Ấp 1 cũ		280	280
55	Tuyến hẻm nhà ông Ba Đức, Ấp 1	Bắt đầu từ giáp đường lộ Làng (trụ sở ấp 1 cũ)	Đến nhà ông Phan Văn Đức		280	280
56	Tuyến hẻm nhà Bà Quý, Ấp 1	Bắt đầu từ đường từ nhà Cầu Rạch vượt giữa đến Cầu rạch vượt Ngoài	Đến nhà ông Đỗ Kim Phụng		280	280
57	Tuyến hẻm nhà Bé Sáu Ấp 1	Bắt đầu từ đường từ nhà Cầu Rạch vượt giữa đến Cầu rạch vượt Ngoài	Đến sau trường Chu Văn An		280	280
58	Tuyến hẻm nhà bà Mỹ, Ấp 1	Bắt đầu từ đường từ nhà Cầu Rạch vượt giữa đến Cầu Rạch vượt ngoài	Đến sau trường Chu Văn An		280	280
59	Tuyến hẻm giáp bờ kè Ấp 2	Bắt đầu từ đường bờ kè Cầu Rạch vượt ngoài đến bến phà Tân Thuận	Đến nhà ông Nguyễn Văn Định		280	280

60	Tuyến đường nhà ông Lê Phước Dũng , Ấp 2	Bắt đầu từ đường Ngọc Điền	Đến đường Mai Thị Kim Chi - Lê Văn Bàng		280	280
61	Tuyến hẻm nhà ông Trần Lợi, Ấp 2	Bắt đầu từ Đường Phan Ngọc Hiền (cầu rạch vượt giữa)	Đến đường 6 Thoàng - Duy Phan		280	280
62	Tuyến hẻm nhà ông Nguyễn Văn Út, Ấp 2	Bắt đầu từ nhà ông Trần Lợi đến nhà ông Nguyễn Văn Mười Hai	Đến nhà ông Ngô Văn Cường		280	280
63	Tuyến hẻm nhà ông Huỳnh Văn Song, Ấp 2	Bắt đầu từ Đường Phan Ngọc Hiền (cầu rạch vượt giữa)	Đến đường Kênh Ông Sắc		280	280
64	Tuyến hẻm nhà ông Phú Xuân, ấp 2	Bắt đầu từ đường Trần Ngọc Bích đến đập ông Phạm Văn Thất	Đến đường từ kênh ông Sắc đến nhà ông 5 Cu Le		280	280
65	Tuyến hẻm nhà ông Quyền, ấp 2	Bắt đầu từ đường Đường Ngọc Điền	Đến cuối hẻm		280	280
66	Tuyến hẻm nhà ông 8 Mẫn, Ấp 2	Bắt đầu từ đường Ngọc Điền	Đến đường Ngọc Điền		280	280
67	Tuyến hẻm khu tập thể giáo viên, ấp 3	Bắt đầu từ đường Ngọc Điền	Đến cuối hẻm		280	280
68	Tuyến hẻm, Ấp 3	Bắt đầu từ đường Hồ nước cũ xí nghiệp Đông Lạnh đến ngã 4 huyện ủy	Đến giáp nhà ông Phan Minh Nhứt		280	280
69	Tuyến hẻm cầu Liên Doanh, Ấp 3	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiền (cầu Liên Doanh)	Đến đường bờ kè Gành Hào từ phà Tân Thuận - Rạch Cốc		280	280
70	Tuyến hẻm Xóm Đào Lớn, ấp 4	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiền (cầu Chà Là)	Đến nhà ông Lý Thanh Phương		280	280
71	Tuyến hẻm Xóm Đào Nhỏ, ấp 4	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiền (cầu Chà Là)	Đến nhà bà Hồ Kim Anh		280	280
72	Tuyến hẻm trụ sở ấp 4 cũ, ấp 4	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiền (cầu Liên Doanh)	Đến đường bờ kè Gành Hào từ phà Tân Thuận - Rạch Cốc		280	280

73	Tuyến hẻm nhà ông 6 Đáng, ấp 4	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiền (cầu Chà Là)	Đến giáp đường 1 tháng 3 (đối diện TAND)		280	280
74	Tuyến hẻm nhà ông Đặng Văn Hải, ấp 4	Bắt đầu từ đường 1 tháng 3	Đến giáp nhà ông Đặng Văn Hải		280	280
75	Tuyến hẻm, ấp 4	Bắt đầu từ đường Huỳnh Kim Hoa đến Lê Văn Trắng	Đến đường nhà ông Quách Văn Túc		280	280
76	Tuyến hẻm, ấp 4	Bắt đầu từ đường 19 tháng 5	Đến đường Phan Ngọc Hiền		280	280
77	Tuyến hẻm khu dân cư, ấp 5	Bắt đầu từ đường Lộ Làng đến Kênh 3, xã Long Điền Tây	Đến giáp nhà ông Lâm Văn Đông		280	280
78	Tuyến đường Lô 8, ấp 5	Bắt đầu từ đường lộ 19 tháng 5	Đến giáp nhà ông Nguyễn Ngọc Thơ		280	280
79	Tuyến đường Kênh Chệt, ấp 5	Bắt đầu từ cầu Kênh Chệt	Đến giáp nhà ông Phạm Văn Thiều		280	280
80	Tuyến đường bờ Giá ấp 5	Bắt đầu từ đường Lộ Làng đến Kênh 3, xã Long Điền Tây	Đến giáp nhà ông Đoàn Văn Hổ		280	280
81	Tuyến đường Kênh 3, ấp 5	Bắt đầu từ đường Lộ Làng đến Kênh 3, xã Long Điền Tây	Đến kênh Chệt		280	280
	Các tuyến đường khu Nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ thị trấn Gành Hào (đã hoàn thiện hạ tầng đường)					
82	Đường số 14A				3.800	3.800
83	Đường số 13				4.000	4.000
84	Các tuyến đường còn lại				1.900	1.900
	Các tuyến đường khu dân cư Gành Hào					
85	Đường số 03				4.500	4.500
86	Các tuyến đường còn lại				4.000	4.000
	Khu vực xã Long Điền Tây cũ					
	Ấp Thuận Điền					
87		Bắt đầu từ cầu Treo	Đến hết ranh đất trường THCS Võ Thị Sáu	1.000	1.300	1.300

88		Bắt đầu từ hết ranh đất trường THCS Võ Thị Sáu	Đến giáp ranh xã Diên Hải	650	740	740
89		Bắt đầu từ lộ Long Hà (Cầu Khâu cũ)	Đến giáp ranh xã Diên Hải	300	330	330
90		Bắt đầu từ giáp với lộ nhựa Khâu - Kinh Tư	Hết ranh đất nhà bà Lâm Thị Vân (Vịnh Hóc Ráng)	300	330	330
	Ấp Canh Điền					
91		Bắt đầu từ cầu Treo	Đến cầu Vĩnh Cậy	500	550	550
92		Bắt đầu từ cầu Treo	Đến cầu Trung ương Đoàn	400	450	450
93	Ấp An Điền - Bình Điền	Bắt đầu từ đường Giá Rai - Gành Hào	Đến kinh 3 (giáp ranh thị trấn Gành Hào)	1.050	1.300	1.300
	Ấp Canh Điền					
94		Bắt đầu từ Phà Rạch Cóc (giáp ranh TT Gành Hào)	Đến phà Vàm Xáng (giáp ranh xã An Phúc)	1.000	1.250	1.400
95		Bắt đầu từ cầu Vĩnh Cậy	Đến hết ranh đất trường Tiểu học Trần Đại Nghĩa	300	350	350
96	Tuyến Kinh 2 (ấp Thanh Hải)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Mười	Đến hết ranh đất nhà Ông Võ Văn Viễn	250	280	280
97	Tuyến Kinh 3 (ấp Thanh Hải)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Đức	Đến hết ranh đất nhà ông Độ (Cầu TW Đoàn ấp Thanh Hải)	300	330	330
98	Tuyến Kinh 1 (ấp Thanh Hải)	Bắt đầu từ cầu Kinh (ấp Bình Điền)	Đến hết ranh đất trường TH Kinh I (ấp Thanh Hải)	300	330	330
99	Tuyến Hai Liêm (ấp An Điền)	Bắt đầu từ trường Tiểu Học Bình Điền	Đến hết ranh đất nhà ông Vũ Bình	250	280	280
100	Tuyến Ông Nham (ấp An Điền)	Bắt đầu từ ranh đất trại Giống Dương Hùng	Đến cầu TW Đoàn ấp An Điền	250	280	280
101	Tuyến Nách Ông Tường	Bắt đầu từ cầu Khâu (Trạm Y Tế)	Đến hết ranh đất nhà ông Hai Tòng	250	280	280
102	Tuyến Xóm Lá	Bắt đầu từ cầu Xóm Lá	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Nghị	250	280	280

103	Tuyến An Điền	Bắt đầu từ cầu Mười Chiến	Giáp ranh ấp Long Hà - Điền Hải	300	330	330
104	Tuyến Xóm Rầy	Bắt đầu từ cầu Xóm Lá	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Sự	250	280	280
105	Tuyến Lập Điền	Bắt đầu từ cầu Ông Hai Dẫn	Đến hết ranh đất nhà ông Trí Cụt	250	280	280
106	Tuyến Cây Mết	Bắt đầu từ cầu nhà Ông Lớn	Đến hết ranh đất nhà ông Tám Nhỏ	250	280	280
107	Tuyến Kinh Giữa	Bắt đầu từ cầu Trung ương đoàn Canh Điền	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Lực	300	330	330
108	Tuyến Kênh Ngang - Vườn Chim	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bùi Nhật Nam	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Màu	300	330	330
109	Tuyến Khai Hoang	Bắt đầu từ đường Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thái	250	280	280
110	Tuyến Kinh 1 (ấp Thanh Hải)	Bắt đầu từ ranh đất trường TH Kinh 1 (ấp Thanh Hải)	Đến hết ranh đất nhà ông Tạ Văn Thiều	250	280	280
111	Tuyến Canh Điền	Bắt đầu từ cầu Trung ương Đoàn	Đến cầu Vĩnh Cậ (Xóm lá)	350	380	380
112	Nách ông Tường (đoạn cuối)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông La Văn Tòng	Đến hết ranh đất nhà ông La Văn Bá	250	280	280
113	Tuyến Ô Rô	Bắt đầu từ cầu Trung Ương đoàn Canh Điền	Đến cầu Huyện Đoàn	250	280	280
114	Gạch Cóc - Khâu Giồng	Bắt đầu từ cầu Gạch Cóc	Đến cầu Khâu Giồng	250	280	280
115	Trường TH Trần Đại Nghĩa - BP Lam Điền	Bắt đầu từ ranh đất trường TH Trần Đại Nghĩa	Đến bến phà Kênh Xáng	250	280	280
116	Lô 6 - Tập đoàn dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Hội	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đạt	250	280	280
117	Cầu huyện Đoàn - BP Vàm Xáng	Bắt đầu từ cầu huyện Đoàn	Bến phà Vàm Xáng	250	280	280
118	Đồng cóc, ấp Vĩnh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lớn	Đến hết ranh đất nhà ông Vui	250	280	280
119	Kênh Hội đồng Ty - Cầu Rau Muống	Bắt đầu từ kênh Hội đồng Ty	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Cự	250	280	280

120	Nách nhà ông Tường - Kênh thầy 5 Vi Rô	Bắt đầu từ cầu nách Ông Tường	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Minh Đầu	250	280	280
121	Nhà ông 6 Màu - Nhà ông Sĩ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Màu	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Sĩ	250	280	280
122	Hóc Ráng - Huy Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Xuân	Đến Huy Điền	250	280	280
123	Tuyến Bà Tham	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Hên	Đến hết ranh đất nhà ông 9 Hữu	250	280	280
124	Tuyến Lập Điền - Công Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Tấn Đức	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Tặng	250	280	280
125	khu vực 11 nhà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Dũng	Đến hết ranh đất nhà bà Vưu Thị Hương	250	280	280
126	Tuyến 7 Tho - Hăng nước đá ông Sơn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 7 Tho	Đến hết ranh đất Hăng nước đá ông Sơn	250	280	280
127	Kinh Trà Côn	Bắt đầu từ cầu Trà Cuôn	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Bình	250	280	280
128	Tuyến Vàm kinh Chệt - nhà ông Sơn	Bắt đầu từ Vàm kinh Chệt	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Sơn	250	280	280
129	Tuyến nhà ông 6 Sĩ - Kênh chùa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Sĩ	Đến bến phà Kênh Chùa	250	280	280
130	Đường Hộ Phòng- Gành Hào	Bắt đầu từ cầu kênh Chùa giáp ranh xã Long Điền	Đến phà Vàm Xáng (giáp ranh xã An Phúc)		900	1.200
II	XÃ ĐÔNG HẢI (gồm xã Long Điền Đông và xã Long Điền Đông A, huyện Đông Hải cũ)					
	Khu vực xã Long Điền Đông cũ					
	Ấp Bửu II					
131		Bắt đầu từ ngã tư Chợ Cống Xì	Đến 200m hướng về Cầu Trường Điền (hộ Mã Thanh Đoàn)	1.000	1.800	1.800
132		200m hướng về Cầu Trường Điền (Hộ Trần Văn Tâm)	Đến cầu Trường Điền	600	950	950
133		Bắt đầu từ ranh đất hộ Mã Thanh Đoàn	Đến hết ranh đất hộ Trần Văn Tâm	700	1.100	1.100

134		Bắt đầu từ cầu Trường Diền	Đến cầu Phước Diền	400	600	600
	Ấp Bửu Đông					
135		Bắt đầu từ cầu Trường Diền	Đến quý Diền (Bửu Đông)	300	500	500
136		Bắt đầu từ cống Tư Đàn	Đến đê Biển Đông	400	600	600
	Ấp Bửu I, ấp Bửu Đông					
137		Bắt đầu từ cầu Hai Được	Đến giáp Lộ Xóm Lung Cái Cùng	350	530	530
138		Bắt đầu từ ranh đất trường THCS Lê Quý Đôn	Đến giáp Lộ nhựa Bửu I	400	600	600
	Đường Cống Xì - Kinh Tư					
139		Bắt đầu từ ngã tư Cống Xì	Đến 200m hướng về Kinh Tư (Hộ Phạm Thanh Hải)	1.000	1.800	1.800
140		Từ 200m hướng về Kinh Tư (Hộ Phạm Thanh Hải)	Đến giáp ranh xã Diền Hải	600	950	950
141		Bắt đầu từ cầu qua UBND xã	Đến ranh đất nhà Ông Nguyễn Thành Được	600	900	900
142		Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Thành Được	Đến Đê Biển Đông	400	600	600
143	Ấp Bửu II, ấp Trường Diền	Bắt đầu từ cầu Trường Diền	Đến cầu Đầu Bờ	250	280	280
144	Ấp Minh Diền, ấp Trung Diền	Bắt đầu giáp ranh xã Long Diền	Đến cầu Lầm Thiết-cầu Trung Diền (cũ)	250	280	280
145	Ấp Cái Cùng-Vĩnh Diền, Bửu II, Trường Diền	Bắt đầu giáp ranh xã Vĩnh Thịnh (đê Biển Đông)	Đến giáp ranh xã Diền Hải	400	520	520
146	Ấp Bửu I, Bửu II	Bắt đầu từ ngã 4 Chợ Cống Xì	Đến cầu Hai Được	650	850	850
147	Ấp Bửu II	Bắt đầu từ ngã Tư Cống Xì	Đến cầu qua Ủy ban xã	650	900	900
148	Hòa Đông (ấp Trung Diền)	Bắt đầu từ cầu Phước Diền (ấp Trung Diền)	Đến giáp ranh xã Long Diền	330	420	420
149	Lộ nhựa Xóm Lung - 2 Được	Bắt đầu từ Lộ Nhựa	Đến đê Trường Sơn	250	280	280

150	Đường Đào (ấp Cái Cù - Bửu 1)	Bắt đầu từ cầu Tám Hồng (cấp lộ nhựa)	Đến đê Trường Sơn	250	280	280
151	Tuyến đập đá Lầm Thiết (ấp Bửu 1-Minh Điền)	Bắt đầu từ cầu Lầm Thiết	Đến cầu Trường Điền	320	380	380
152	Đường Năm Lén (ấp Bửu Đông)	Bắt đầu từ cầu Năm Lén	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiêu	250	280	280
153	Tuyến Ông Đàn - Út Chiêu (ấp Bửu Đông)	Bắt đầu từ cầu Ông Đàn	Đến ranh đất nhà Ông Nguyễn Văn Chiêu	250	280	280
154	Đường Kinh Giữa (ấp Bửu 1)	Bắt đầu từ cầu Kinh Giữa (ấp Bửu 1-Bửu 2)	Đến hết ranh đất nhà Ông Ngô Văn Nừng	250	280	280
155	Đường Trại mới (ấp Trường Điền)	Bắt đầu từ đê Biển Đông	Đến cầu đê Trường Sơn	250	280	280
		Bắt đầu từ cầu Đầu bờ (lộ nhựa)	Đến đê Trường Sơn	250	280	280
156	Đường đê Trường Sơn (ấp Cái Cù, Vĩnh Điền, Bửu 2, Trường Điền)	Bắt đầu Giáp ranh Kinh Xáng xã Vĩnh Thịnh	Đến giáp ranh xã Điền Hải	400	530	530
157	Tuyến Trung Điền cũ - Cầu Phước Điền	Bắt đầu từ cầu Phước Điền (ấp Trung Điền - Bửu Đông)	Đến giáp đường đản nhà Ông Nguyễn Văn Chiêu	250	280	280
158	Đường Hai Vũ	Bắt đầu từ cầu Hai Vũ	Đến cầu Kinh Ngang Hòa Đông	300	340	340
159	Tuyến Kênh Ngang - Hòa Đông	Bắt đầu từ cầu Kênh Ngang	Đến lộ Hòa Đông	250	280	280
160	Tuyến Cầu Lầm Thiết	Bắt đầu từ cầu Lầm Thiết	Đến cầu Kênh Ngang	250	280	280
161	Tuyến Đầu Cầu Phước Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Khiêm	Đến hết ranh đất nhà ông Sơn Văn Ký (ấp Trung Điền)	250	280	280
162	Đường Đập đá - Lâm Thiết (ấp Minh Điền - Trung Điền - ấp Bửu I)	Bắt đầu từ cầu Trường Điền	Đến hết ranh đất Trường THCS Lê Quý Đôn	300	340	340

163	Tuyến đường Ao Lớn	Bắt đầu từ cầu Ao Lớn	Đến giáp Kênh Đập Đá	250	280	280
164	Tuyến đường Kênh Giữa (2 Minh) ấp Vĩnh Điền	Bắt đầu từ cầu nhà Liều ấp Bửu I	Đến cầu Đường Đào (2 Lâm)	250	280	280
165	Tuyến đường số 3 lớn ấp Bửu II	Bắt đầu từ đê Biển Đông	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thuần	250	280	280
166	Tuyến đường ruộng muối ấp Trường Điền	Bắt đầu từ cầu Đầu Bờ (Nguyễn Sơn Lợi)	Đến hết ranh đất nhà bà Lê Trúc Phương	250	280	280
Khu vực xã Long Điền Đông A cũ						
	Ấp Mỹ Điền					
167		Bắt đầu từ ngã ba Ngân Điền	Đến cầu Mỹ Điền	600	800	800
168		Bắt đầu từ cầu Mỹ Điền	Đến hết ranh đất nhà Ông Trần Văn Út	700	870	870
169		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Trần Văn Út	Đến hết ranh đất Nhà mồ	400	520	520
170		Bắt đầu từ cầu Mỹ Điền	Đến cầu ông Đốc	300	350	350
171		Bắt đầu từ ranh chợ Mỹ Điền	Đến Ba Ngựa ấp 1	250	280	280
172	Tuyến Miếu Ông Tà	Bắt đầu từ ranh đất Miếu Ông Tà	Đến cầu Mỹ Điền 3	250	280	280
	Ấp Hiệp Điền					
173		Bắt đầu từ cổng tư Đàn	Đến Đầu voi Xóm Lung	400	460	460
174		Bắt đầu từ Càng Bà Cồng	Đến mũi Giá giáp Long Điền	250	280	280
175		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đàn	Đến Hòa Đông - Long Điền	250	280	280
176	Ấp 1	Bắt đầu từ Đầu voi Xóm Lung	Đến Rạch Bà Già	250	280	280
	Ấp 2					
177		Bắt đầu từ Cầu ông Chiến	Đến hết ranh đất nhà máy Sáu Luôn	250	280	280
178		Bắt đầu từ Cầu Đục Thịnh	Đến cầu Hai Cầm	250	280	280

179	Ấp 3	Bắt đầu từ Đầu lộ nhựa ấp III-bến phà Việt Trung	Đến lộ nhựa ngã 3 Ngân Điền	250	280	280
	Ấp 4					
180		Bắt đầu từ ranh Trường Tiểu học 4A	Đến hết ranh Trường Tiểu học 4B-Trụ sở ấp 4	250	280	280
181		Bắt đầu từ Cầu lộ cũ - đường Chín Tém	Đến Rạch Bà Già	250	280	280
182	Tuyến 2 Phụng - Trịnh Văn Tám	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 2 Phụng	Đến hết ranh đất nhà ông Trịnh Văn Tám	250	280	280
183	Ấp Châu Điền - Ngân Điền	Bắt đầu giáp ranh xã Long Điền	Đến ngã ba Ngân Điền	400	450	450
	Ấp Châu Điền - Phước Điền					
184		Bắt đầu từ Ngã ba Châu Điền	Đến cầu Phước Điền	400	450	450
185		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoàn	Đến Chà Là-Long Điền, ra cầu 6 Nghiep	250	280	280
186	Tuyến Xóm Chùa (ấp Phước Điền)	Bắt đầu từ ranh đất Trường THCS Long Điền Đông B	Đến hết ranh đất nhà ông 5 Chơ	250	280	280
III	XÃ LONG ĐIỀN (gồm xã Long Điền và xã Điền Hải, huyện Đông Hải cũ)					
	Khu vực xã Long Điền cũ					
187	Khu vực chợ Cây Giang	Bắt đầu từ Trạm cấp nước sạch	Đến Đình Thần (giáp Trường TH Nguyễn Bình Khiêm)	1.200	1.700	1.700
	Cây Giang - Châu Điền					
188		Bắt đầu từ Đình Thần (giáp Trường TH Nguyễn Bình Khiêm)	Đến đầu cầu Chín Bình	800	1.200	1.200
189		Bắt đầu từ cầu Chín Bình	Đến giáp ranh xã Long Điền Đông A	500	730	730
	Hương lộ Giá Rai-Gành Hào					
190		Bắt đầu từ cầu Rạch Rắn (Giáp ranh Phường 1)	Đến cầu Rạch Giồng	750	1.100	1.200
191		Bắt đầu từ cầu Rạch Giồng	Đến Cầu Tư Cò	700	1.000	1.000

192		Bắt đầu từ cầu Tư Cồ	Đến giáp ranh xã Điền Hải	1.500	1.800	2.000
193	Cầu Rạch Rấn - Cầu Vịnh	Bắt đầu từ cầu cầu Rạch Rấn	Đến Cầu Vịnh	500	700	700
194	Áp Rạch Rấn - Thanh Trị	Bắt đầu từ cầu Vịnh	Đến kinh Xáng Hộ Phòng	400	600	600
195	Thanh An - Cây Dương	Bắt đầu từ cầu Miếu Bà Thủy	Đến Cầu Đường Đào	300	340	340
196	Đường Long Điền Tiền	Bắt đầu từ đầu đường Long Điền Tiền (giáp Giá Rai - Gành Hào)	Đến Cầu Ngã Tư	400	450	450
197	Thanh II - Cây Dương	Bắt đầu từ cầu Ngã Tư	Đến Cầu Đường Đào	350	400	400
198	Hòa I - Đại Điền	Bắt đầu từ đầu đường Giá Rai - Gành Hào	Đến Cầu Thanh Niên	250	280	280
199	Đại Điền - Công Điền	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến Cầu Trường THCS Phan Ngọc Hiển	250	280	280
200	Đường lộ Cây Dương A - Kênh Tư Cồ	Bắt đầu từ cầu 5 Duyên	Đến giáp lộ Gành Hào - Hộ Phòng	250	280	280
201	Đường Giá Cắn Bảy	Bắt đầu từ đầu đường Giá Rai - Gành Hào	Đến giáp ranh Phường 1	250	280	280
202	Đường lộ khóm 6	Bắt đầu từ ranh đất Miếu Bà Thủy	Đến giáp phường Hộ Phòng	250	280	280
203	Đường Chà Là	Bắt đầu từ giáp Lộ chợ Cây Giang	Đến đường cống Chín Tài	250	280	280
		Bắt đầu từ đường cống Chín Tài	Đến giáp xã Long Điền Đông	250	280	280
204	Đường Cầu Đình	Bắt đầu từ giáp lộ Chợ Cây Giang	Đến giáp ranh ấp 4, xã Long Điền Đông A	250	280	280
205	Tuyến Thọ Điền	Bắt đầu từ giáp đường Giá Rai - Gành Hào	Đến giáp co nhà Ba Trưởng	250	280	280
206	Đường GTNT Công Điền - Mười Xứ, xã Long Điền	Bắt đầu từ ngã ba 10 Xứ	Đến giáp ranh nhà Ông Bảy Xù	250	280	280
207	Đường GTNT Hòa Thanh - Thanh II, xã Long Điền	Bắt đầu từ cầu Hòa Thanh	Đến Long Điền Tiền, lộ nhựa	250	280	280

208	Tuyến Đan Thanh 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Châu Thanh Đồi	Đến Ngã 3 Sông Công Điền	250	280	280
209	Đường Hộ Phòng-Gành Hào	Bắt đầu từ Ấp Đầu Lá	Đến cầu kênh Chùa ấp Cây Dương A	500	900	900
	Khu vực xã Điện Hải cũ					
	Tuyến Giá Rai-Gành Hào					
210		Bắt đầu từ giáp ranh xã Long Điền	Hết ranh đất Cây xăng Phương Hùng (hai bên)	2.000	2.500	2.500
211		Bắt đầu từ hết ranh đất Cây xăng Phương Hùng	Đến hết ranh đất Trường mẫu Giáo	2.500	3.500	3.500
212		Bắt đầu từ hết ranh đất Trường mẫu Giáo	Đến cầu Trại Sò	1.500	2.500	2.500
213		Bắt đầu từ cầu Trại Sò	Đến hết ranh đất nhà Bia tường niệm xã Điện Hải (Gò Cát)	1.500	2.500	2.500
214		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Bia tường niệm xã Điện Hải (Gò Cát)	Đến hết ranh khu đất Điện lực Đông Hải	1.500	2.000	2.000
215		Bắt đầu từ hết ranh khu đất Điện lực Đông Hải	Đến giáp ranh xã Long Điền Tây	500	1.000	1.200
216	Long Hà - Khâu	Bắt đầu từ đầu lộ HTX ấp Long Hà	Đến giáp ranh xã Long Điền Tây	300	500	500
	Kinh Tư - Khâu					
217		Bắt đầu từ tiếp giáp Lộ Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà bà Tô Thị Khiêm	1.700	2.500	2.500
218		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà bà Tô Thị Khiêm	Đến đầu lộ mới	1.500	2.000	2.000
219		Bắt đầu tiếp giáp Lộ Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà ông Lâm Hoàng Điệp	2.000	3.000	3.000
220		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Lâm Hoàng Điệp	Đến tiếp giáp lộ cũ Kinh Tư - Khâu	1.500	2.500	2.500
221		Tiếp giáp lộ cũ Kinh Tư - Khâu	Đến giáp ranh xã Long Điền Tây	1.000	1.300	1.300
222	Kinh Tư - Long Điền Đông	Bắt đầu từ giáp Hương lộ	Đến cầu Kinh Tư 2	1.200	1.800	1.800
		Bắt đầu từ cầu Kinh Tư 2	Đến giáp ranh xã Long Điền Đông	600	1.050	1.050

	Ấp Bờ Càng - Doanh Điền					
223		Bắt đầu từ giáp ranh đường Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà 5 Vinh	320	380	400
224		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà 5 Vinh	Đến hết ranh đất nhà bà Hường	280	300	350
225	Đường dự án muối	Bắt đầu từ kinh Dân Quân	Đến trạm Bơm số 3	300	350	400
226	Đê Trường Sơn (Ấp Gò Cát)	Bắt đầu từ ngã 3 Chùa Linh Ứng (đê Trường Sơn)	Đến giáp ranh xã Long Điền Đông	400	480	520
227	Ấp Gò Cát	Bắt đầu từ công ty Tôm giống số 1	Đến cầu Gò Cát (Nhà ông Nguyễn Hoàng Vũ)	500	680	680
228	Đường dự án muối	Bắt đầu từ cầu Trại Sò	Đến chùa Linh Ứng	330	390	500
229	Đê Trường Sơn - Gò Cát - Long Điền Đông	Bắt đầu từ giáp ranh xã Long Điền Đông	Đến kênh Huyện Kệ	400	540	600
230	Đường Trước UBND huyện (mới)	Bắt đầu từ vòng xoay nhà ông Trục	Đến vòng xoay nhà bà Tuyết	2.000	2.800	2.800
231	Đường 2 dãy nhà thu nhập thấp (nhà ở xã hội)	Hết tuyến		1.000	1.850	1.850
232	Đường Cầu Cháy	Bắt đầu từ giáp ranh đường Giá Rai - Gành Hào	Đến giáp ranh xã Long Điền Tây	300	380	380
	Đường tránh Tư Cồ - chùa Linh Ứng					
233		Bắt đầu từ giáp đường Giá Rai - Gành Hào (ấp Diêm Điền)	Đến sông Kênh Tư - Khâu		1.500	1.500
234		Bắt đầu từ giáp sông Kênh Tư - Khâu	Đến kênh Trại Sò		800	800
235		Bắt đầu từ kênh Trại Sò	Đến đường Giá Rai - Gành Hào (ấp Long Hà)		500	500
IV	XÃ AN TRẠCH (gồm xã An Trạch và xã An Trạch A, huyện Đông Hải cũ)					

	Khu vực xã An Trạch cũ					
236	Thành Thường-Thành Thường A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Luyến giáp lộ nhựa tuyến An Trạch - Định Thành	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Dũng (Vàm Bộ Buổi)	420	490	490
237	Văn Đức A-Văn Đức B-Anh Dũng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tính	Đến hết ranh trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh	300	330	330
238	Văn Đức B Hoàng Minh A-Hoàng Minh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Dũng	Đến hết ranh trường Tiểu học Hiệp Thành (Hoàng Minh)	300	330	330
239	Văn Đức A-Văn Đức B-Hiệp Vinh	Bắt đầu từ ranh đất trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đến kênh Điền Cô Ba	250	280	280
240	Ấp Hoàng Minh A	Bắt đầu từ cầu nhà bà Tạ Thị Gấm	Đến kênh Hiệp Thành	250	280	280
241	Thành Thường-Văn Đức A	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Ca Thị Bánh	Đến giáp ranh Cây Thè, xã Định Thành	500	570	570
242	Ấp Hiệp Vinh	Bắt đầu từ ngã Ba ấp Anh Dũng	Đến cầu treo giáp ranh xã An Trạch A	250	280	280
243	Đường GTNT Văn Đức A, xã An Trạch	Bắt đầu từ giáp lộ nhựa 3m5 (Nhà ông Tạ Văn Sáng)	Đến cầu ngã 3 lâu	300	340	340
		Bắt đầu từ cầu ngã 3 Lầu	Đến Ấp Lung Xình	250	280	280
	Khu vực xã An Trạch A cũ					
244	Đường liên ấp Thành hướng B đến ấp Thành Thường C	Bắt đầu từ cầu Vàm Bộ Buổi (ấp Thành Thường B)	Đến cầu Kênh Bảy Gõ (ấp Thành Thường C)	350	480	480
245	Đường liên Ấp Thành Thường B đến ấp Ba Mến	Từ Đình Nguyễn Trung Trực (Thành Thường B)	Đến cầu ngã ba Kênh Tây (Ba Mến)	300	400	400
246	Ấp Ba Mến A	Bắt đầu từ cầu Treo (Ba Mến A)	Đến hết ranh đất nhà ông Ngô Văn Sở (Ba Mến A)	250	280	280
247	Ấp 1, Đường kênh Giáo Quang	Bắt đầu từ Trường Tiểu Học Giáo Quang	Đến Cầu 10 Nghĩa	250	300	300

248	Đường liên ấp Ba Mến đến Ấp 2	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã	Đến kênh nhà nước	250	350	350
249	Ấp 2, Kênh Nhà Nước	Bắt đầu từ kênh 6 Thước (Nhà ông Lý Văn Mến)	Đến cầu Láng Đước (Nhà ông Võ Văn Lén)	250	280	280
250	Ấp Ba Mến đến ấp Quyết Chiến, Quyết thắng	Bắt đầu từ Đầu Họa Đồ	Đến Xóm Trà Thê, Gạch ông qua Trường học Kênh Xáng	250	300	300
251	Tuyến Kênh Xáng Hộ Phòng - Gành Hào	Bắt đầu từ giáp ranh Khóm 3 - phường Hộ Phòng	Đến Cây Xăng Ấp 2	250	300	300
252	Đường GTNT Vàm Bò Buổi - Kênh Tây, xã An Trạch A	Bắt đầu từ Lộ nhựa	Đến cầu Kênh Tây	350	370	370
253	Tuyến Kênh Giữa	Bắt đầu từ Lộ đal giáp đường bê tông 3,5 mét	Đến nhà ông Đường Văn Thừa	300	320	320
254	Chệt Khọt - Bùng Bình - Giá Rít	Bắt đầu từ Cầu Chệt Thọt	Đến Ngã Ba nhà ông Lê Minh Đáng, nhà ông Huỳnh Văn Tánh	300	320	320
255	Tuyến Gạch Ong - Trà Thê	Bắt đầu từ nhà ông Trần Văn Nghiệp	Đến nhà ông Tạ Văn Ngọc		280	280
256	Ấp Thành Thương B, kinh Lung Nhất	Bắt đầu từ nhà bà Trần Bé Hai	Đến nhà ông Đào Văn Khởi		280	280
257	Ấp Ba Mến A, Phía Bắc Kinh Tây	Bắt đầu từ Nhà ông Nguyễn Văn Khởi	đến Nhà bà Nguyễn Thị Chín		280	280
258	Ấp 1, Kinh Sáu Thước Nhỏ	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Cuối	Đến nhà bà Lê Ngọc Thắm		280	280
259	Ấp 1, kinh Ba Tỉnh	Bắt đầu từ nhà ông Đào Văn Út	Đến nhà ông Nguyễn Minh Vương		280	280
260	Ấp Quyết Chiến, Kinh Ba Tỉnh	Bắt đầu từ Miếu Ba Tỉnh	Đến Cầu Vàm kinh Ba Tỉnh		280	280
261	Ấp 2, kinh Trà Ké	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Dương	Đến nhà ông Lê Văn Chinh		280	280
262	Ấp 2, Kinh Thanh Niên	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Cường	Đến nhà ông Võ Văn Cận		280	280

263	Ấp Ba Mến	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Nghét	Đến nhà ông Huỳnh Văn Rợ nối dài ấp Thành Thường B		280	280
264	Ấp Ba Mến, tuyến Kinh Cùng	Bắt đầu từ nhà bà Nguyễn Thị Luyến	Đến nhà bà Giả Thị Ảnh		280	280
265	Tuyến Chệt Bắc	Bắt đầu từ trụ sở ấp Ba Mến A	Đến nhà ông Trần Thanh Sơn		280	280
266	Ấp 2	Bắt đầu từ Trường tiểu học Giáo Quang	Đến kênh Sáu Thước Lớn		280	280
267	Ấp Quyết Thắng, Giá Rít	Bắt đầu từ nhà ông Lương Văn Út	Đến Tạp Hóa xanh Ngọc Lan		280	280
V	XÃ ĐỊNH THÀNH (gồm xã Định Thành, xã An Phúc và xã Định Thành A, huyện Đông Hải cũ)					
	Khu vực xã Định Thành cũ					
	An Trạch - Định Thành - An Phúc					
268		Bắt đầu từ cầu Bà Tòa (giáp ranh xã An Phúc)	Đến cống ông Thường (ấp Lung Chim)	500	500	500
269		Bắt đầu từ cống ông Thường (ấp Lung Chim)	Đến cống ngang lộ (giáp đất Hai Tài, ấp Cây Thè)	600	600	600
270		Bắt đầu từ cống ngang lộ (giáp đất Hai Tài, ấp Cây Thè)	Đến cống Sáu Chuẩn (Giáp ranh xã An Trạch)	500	500	500
	Lung Chim - Cây Giá					
271		Bắt đầu Giáp đường An Trạch - Định Thành -An Phúc	Đến cầu ngã Ba Miếu	450	450	450
272		Bắt đầu từ cầu ngã Ba Miếu	Đến cầu Tư Độ	300	300	300
273		Bắt đầu từ cầu Tư Độ	Đến ngã ba Long Phú	300	300	300
274		Bắt đầu từ ngã ba Long Phú	Đến nhà ông Út Dân (giáp xã An Trạch)	300	300	300
	Tuyến Lung Xìn					
275		Bắt đầu từ Cống Sáu Tiều	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Dấu		260	260

276		Bắt đầu từ cổng chào ấp Lung Xình	Đến Cổng chào ấp Cây Thẻ		260	260
	Tuyến Xóm Chùa - Lung Chim					
277		Bắt đầu từ Thánh tịnh Hắc Long Môn	Đến Cầu Hai Sang ấp Cây Giá		300	300
278		Bắt đầu từ nhà ông Lê Văn Toàn	Đến trụ sở Ấp Lung Chim		300	300
279	Tuyến Kinh Xáng - Chòi Mòi	Bắt đầu từ Cầu Ba Tòa (giáp ranh xã An Phúc)	Đến Cầu xã Thàng (Ngã ba Long Phú)		280	280
280	Tuyến Trạm cấp nước - Xóm chùa - Lung Chim	Bắt đầu từ giáp đường An Trạch - Định Thành - An Phúc	Đến tiếp giáp tuyến Xóm chùa - Lung Chim (Nhà ông Lê Văn Toàn đến trụ sở ấp Lung Chim)		600	600
	Khu vực xã Định Thành A cũ					
281	Kinh Xáng Cống	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ba Nhạc-ấp Lung Rong (Giáp ấp 4, xã Tắc Vân, Thành phố Cà Mau)	Đến ngã 3 Đầu Xáng cống, ấp Kinh Xáng	300	420	420
282	Đường Lung Lá - Cây Sộp, xã Định Thành A	Bắt đầu từ UBND xã Định Thành A	Đến cầu BT (Ngã 3 Cây Sộp)	250	310	310
283	Tuyến Đầu Xáng Cống - Phân Màu - Cái Xu	Bắt đầu từ Miếu Bà	Đến cống Cái Xu	250	300	300
284	Tuyến kênh Sáng - kênh Ngang	Bắt đầu từ Đầu Kênh Sáng	Đến hết Kênh Ngang		280	280
285	Tuyến kênh Phan Mẫu - Lung Lá	Bắt đầu từ đầu Cầu Phan Mẫu	Đến rạch Lung Lá		280	280
286	Tuyến rạch Láng Xéo	Bắt đầu từ Cầu Lung Rong	Đến Cầu Hùng Liều		280	280
	Khu vực xã An Phúc cũ					
	An Trạch - Định Thành - An Phúc - Gành Hào (ĐT.982)					

287		Bắt đầu từ cầu Cái Keo (mới)	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phước	600	720	720
288		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phước	Đến Cầu Bà Tòa	500	600	600
289		Bắt đầu từ Cầu Cái Keo	Đến Vàm Xáng	500	600	600
An Phúc - Định Thành ĐH.55						
290		Bắt đầu từ cầu Cái Keo	Đến cầu Hai Miên	500	600	600
291		Bắt đầu từ cầu Hai Miên	Đến cầu Xã Thàng	250	375	375
Đồng Cái Keo						
292		Bắt đầu từ cầu Cái Keo (mới)	Đến hết ranh đất nhà ông Tô Văn Giàu	300	340	340
293		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Tô Văn Giàu	Đến Nhà ông Trần Liên An		280	280
Tuyến Xã Thàng - Mười Chì						
294		Bắt đầu từ cầu Xã Thàng	Đến ranh đất ông Trần Văn Sơn	250	280	280
295		Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sơn	Cầu Mười Chì	250	375	375
296	Đường Kênh Đê xã An Phúc	Bắt đầu từ cầu Rạch Bần	Đến kinh 773 Phước Thắng	250	375	375
297	Vàm Sáng - 6 Thước	Bắt đầu từ đường nhựa ĐT.982	Đến kênh Sáu Thước	250	280	280
298	Đầu kênh Cái Keo - Hết kênh Huyện Tịnh	Từ đầu kênh Cái Keo	Đến hết kênh Huyện Tịnh	250	280	280
Kênh Hai Nhiệm						
299		Bắt đầu từ Cầu Phước Thắng A	Đến hết ranh đất nhà ông Hà Hồng Thanh	250	280	280
300		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bùi Văn Năm	Đến ranh đất nhà ông Tống Văn Thái		250	250
301	Kênh số 1	Bắt đầu từ ranh trường THCS Lương Thế Vinh (Điêm lẻ - ấp Minh Thìn)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Lực	250	280	280

302	Cống Đá	Bắt đầu từ Cầu Trung Ương Đoàn	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Linh	250	280	280
303	Cự Gà (Đường An Phúc - An Trạch: ĐH.53)	Bắt đầu từ Cầu Cự Gà	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thức (giáp xã An Trạch)	250	280	280
304	Tuyến Khúc Chéo - Giếng Sen - 5 Quờn	Bắt đầu từ Cầu Khúc Tréo	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Quờn	250	280	280
305	Kênh Góc Khai	Bắt đầu từ Cầu Góc Khai	Đến Cầu Ba Hòa	250	375	375
		Bắt đầu từ Cầu Ba Hòa	Đến Chùa Lá	250	280	280
306	Lung Su	Bắt đầu từ Cầu Lung Su	Đến kênh Nhà nước (giáp xã An Trạch)	250	280	280
307	Ngã Tư Lung Su - Kênh số 1	Bắt đầu từ Cầu Hội Đồng Hương	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khởi	250	280	280
308	Lợi Điền	Bắt đầu từ Cầu Lợi Điền	Đến bến phà ông Trần Văn Hiền	250	280	280
309	Ngã Tư Lợi Điền - Kênh số 1	Bắt đầu từ Cầu Bắc Lợi Điền	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Quán	250	375	375

PHỤ LỤC 03: Bảng giá đất ở trên địa bàn xã Hòa Bình (gồm thị trấn Hòa Bình, xã Vĩnh Mỹ A thuộc địa bàn huyện Hòa Bình cũ và xã Long Thạnh thuộc địa bàn huyện Vĩnh Lợi cũ), xã Vĩnh Mỹ và xã Vĩnh Hậu (thuộc địa bàn huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu cũ)
(kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024 theo QĐ số 28/2021/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh 2023 theo QĐ số 40/2023/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh năm 2025
		Điểm đầu	Điểm cuối			
I	XÃ HÒA BÌNH (gồm thị trấn Hòa Bình, xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình cũ và xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi cũ)					
	<i>Khu vực thị trấn Hòa Bình cũ</i>					
	Đường Lê Thị Riêng (Trung tâm chợ)					
1		Quốc lộ 1 (Chốt đèn đỏ)	Đến cầu Hoà Bình 2 (Phía TT thương mại)	4.500	6.500	6.500
2		Quốc lộ 1 (Chốt đèn đỏ)	Đến hết Cầu Hoà Bình 2 (Phía nhà 2 Nghiêm)	4.500	6.500	6.500
	Quốc lộ 1					
3		Bắt đầu từ cầu Cái Tràm (Giáp ranh H. Vĩnh Lợi)	Đến đường Trần Huỳnh (Nhà ông Hồng Đông)	2.900	3.700	3.700
4		Bắt đầu từ đường Trần Huỳnh (Nhà ông Hồng Đông)	Đến đường Trần Văn Lắm (Nhà ông Tôn Khoa)	3.800	5.200	5.200
5		Bắt đầu từ đường Trần Văn Lắm (Nhà ông Tôn Khoa)	Đến đường Lê Thị Riêng (Đèn xanh đèn đỏ)	4.500	5.700	5.700
6		Bắt đầu từ đường Lê Thị Riêng(Đèn xanh đèn đỏ)	Đến cầu Địa Chuối	3.800	5.200	5.200
7		Bắt đầu từ qua cầu Địa Chuối	Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ B	2.300	3.400	3.400

8	Hẻm 1 (Đường nhà ông Đoàn Thanh Bắc)	Quốc lộ 1A	Bờ sông kênh Bạc Liêu- Cà Mau	300	400	400
9	Đường Nhac Khi (đường vào Láng Giài)	Quốc lộ 1A lộ dưới	Đến cầu Láng Giài	400	550	550
10	Đường Bà Sen	Bắt đầu từ trụ sở ấp Láng Giài	Đến giáp ranh xã Minh Diệu	300	400	400
11	Đường Nguyễn Trung Trực (đường vào Láng Giài A)	Quốc lộ 1A lộ trên	Đến cầu Láng Giài	400	550	550
12	Hẻm 3 (nhà ông Suốt)	Quốc lộ 1A	Bờ sông kênh Bạc Liêu - Cà Mau	300	400	400
13	Đường 30/4 (đường Trại tạm giam)	Quốc lộ 1A	Đến trại tạm giam	800	1.200	1.200
14	Đường Trần Huỳnh	Quốc lộ 1A	Đến bờ sông Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	800	1.200	1.200
15	Đường Trần Huỳnh (Nội Ô Khu Dân Cư)	Quốc lộ 1A	Đến bờ sông Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	800	1.200	1.200
16	Đường cặp Huyện Ủy	Quốc lộ 1A	Đến chùa cũ	600	1.000	1.000
17	Đường Lê Quý Đôn (Đường Trg. Tiểu học Hòa Bình A)	Quốc lộ 1A	Đến Bờ sông Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	800	1.200	1.200
18	Hẻm 2 (Lộ nhà ông Tư Thắng) ấp thị trấn A1	Quốc lộ 1A	Kênh Chùa cũ- Hẻm nhà ông Thầy Ngô Hán Uý	320	380	380
19	Đường Trần Văn Lắm - Đường Sân vận động (ấp thị trấn A)	Quốc lộ 1A	Đến bờ sông kênh Xáng Bạc Liêu- Cà Mau	550	850	850
20	Hẻm 4 (Lộ tề cặp Bưu Điện) ấp thị trấn A1	Quốc lộ 1A	Đến hết ranh đất nhà ông Sơn Lợi	400	600	600
21	Đường cặp Hội Đông Y ấp thị trấn A	Quốc lộ 1A	Đến bờ sông kênh Xáng Bạc Liêu - Cà Mau	750	1.000	1.000

22	Hẻm 6 (Hẻm Phòng Tài chính cũ) Ấp thị trấn A1	Bắt đầu từ phòng Tài chính cũ	Đến hết ranh đất nhà ông Quận	300	420	420
23	Hẻm 8 (Đường nhà ông Bùi Huy Chúc) Ấp thị trấn A1	Quốc lộ 1A	Đến kênh Chùa cũ	300	400	400
24	Hẻm nhà bà Ky	Quốc lộ 1A	Đến hết ranh đất nhà ông Trường	300	400	400
25	Hẻm 10 (Đường Hoà Bình-Minh Diệu)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Chấn	Đến giao lộ	400	800	800
Đường Trần Văn Hộ (Lộ Hòa Bình - Minh Diệu)						
26		Quốc lộ 1A(Đèn xanh đèn đỏ)	Đến giao lộ	800	3.000	3.000
27		Bắt đầu từ giao lộ (ngã ba nhà ông Hào)	Đến cầu Hàng Bần	620	1.800	1.800
28		Cầu Hàng Bần	Đến giáp ranh xã Minh Diệu	350	1.000	1.000
29	Đường 19/5 (Đường quay hàng Thanh niên)	Quốc lộ 1A	Đến kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	3.500	4.000	4.000
30	Đường 1/5 (Đường chợ giữa)	Bắt đầu từ ranh đất nhà thầy Quý (Quốc lộ 1)	Đến cổng chợ mới	3.500	4.000	4.000
31	Hẻm 7 (Đường nhà Bác sĩ Lầu)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bác sĩ Lầu (Quốc lộ 1)	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Phước (lộ Kênh Xáng CM-BL)	350	400	400
32	Hẻm 9 (Đường cặp Chùa Mới) Ấp thị trấn B	Quốc lộ 1A	Đến kênh Xáng Bạc Liêu - Cà Mau	350	450	450
33	Đường cặp Bệnh Viện	Quốc lộ 1A	Đến hết ranh đất nhà ông Bùi Văn Tươi	300	600	600
34	Hẻm 12 (Cầu Đĩa Chuối) Ấp thị trấn B1	Quốc lộ 1A	Đến giáp ranh ấp 15, xã Vĩnh Mỹ B	280	320	320
35	Hẻm 16 (Đường nhà ông Bành Út)	Quốc lộ 1A	Đến hết ranh đất nhà bà Thạch Thị Phước	280	320	320

	Đường 3/2 (Đường cấp Kênh Xáng)					
36		Bắt đầu từ cầu chợ Hoà Bình	Đến chùa Hòa Bình mới	750	900	900
37		Bắt đầu từ cầu chợ Hoà Bình	Đến sân vận động (ngã ba đường Trần Văn Lắm)	750	900	900
38		Bắt đầu từ sân vận động (ngã ba đường Trần Văn Lắm)	Đến hết ranh Khu Dân Cư ven sông	520	650	650
39		Bắt đầu hết ranh Khu Dân Cư ven sông	Đến vựa cát đá ông Hiệp	400	500	500
40	Đường Nhà Ba Công	Bắt đầu từ ranh đất trường mầm non Hoa Hồng	Đến đường Lò Gạch (Nhà Sáu Giáo)	500	800	800
41	Lộ giáp khu Lò Gạch	Bắt đầu từ ranh đất nhà Hai Niên	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Công Giả	400	480	480
42	Đường nhà ông Liêu Tài Ngóanh	Bắt đầu từ sân vận động	Đầu lộ vào chợ Hòa Bình (nhà ông Bắc)	400	550	550
43	Bảy Tập Kết	Bắt đầu từ sông kênh Xáng Bạc Liêu Cà Mau	Đến hết ranh đất nhà ông Cao Cừ	480	600	600
44	Đường Đông Thắng	Bắt đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực	Đến hết ranh đất nhà ông Nhàn	300	400	400
45	Đường Cựa Gà	Bắt đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực	Đến hết ranh đất nhà ông Vũ	280	350	350
46	Lộ nhà ông Phước	Bắt đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực	Đến hết ranh đất nhà ông Một	280	400	400
	Đường nhà ông Năm Thanh					
47		Bắt đầu giáp đường Trần Văn Hộ	Đến hết ranh đất Ấp thị trấn A1	300	500	500
48		Bắt đầu hết ranh đất Ấp thị trấn A1	Đến cầu Đoàn Thanh Niên Láng Giải	300	400	400
49	Tuyến đường sau chùa cũ	Bắt đầu từ cầu Sơn Lợi	Đến chùa cũ	300	350	350

50	Đường Chùa cũ- Láng Giài	Bắt đầu từ cầu Lâm Út	Đến đường Nhạc Khi (Láng Giài)	400	600	600
51	Áp Thị trấn B	Bắt đầu giáp hẻm 9	Đến hết ranh đất nhà ông Lược (QL1)	350	400	400
52	Đường vào trụ sở Ấp thị trấn B	Bắt đầu giáp đường Trần Văn Hộ	Đến trụ sở ấp thị trấn B	300	800	800
53	Hẻm cấp nhà ông Hai Nghiêm	Bắt đầu giáp đường Lê Thị Riêng	Đến hết ranh đất nhà bà Điệp	320	400	400
54	Đường kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Bắt đầu từ giáp ranh xã Long Thạnh (huyện Vĩnh Lợi)	Đến kênh 6 Tập (xã giáp ranh xã Vĩnh Mỹ A)	450	550	550
55	Đường kênh 30/4	Bắt đầu từ ranh đất Trại cây Năm Hiên	Đến Ấp Toàn Thắng - Vĩnh Hậu	300	500	500
Đường Lê Thị Riêng (Đường đi Vĩnh Hậu)						
56		Bắt đầu từ cầu Hoà Bình 2	Đến hết ranh đất điện lực	460	3.000	3.000
57		Bắt đầu hết ranh đất Điện Lực	Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ A	400	1.200	1.200
Đường Phan Thị Tư (Lộ Hoà Bình - Vĩnh Mỹ A)						
58		Bắt đầu từ ngã ba đường Lê Thị Riêng	Đến hết ranh đất trường Mầm Non Hoàng Oanh	400	2.000	2.000
59		Đến hết ranh đất trường Mầm Non Hoàng Oanh	Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ A	400	1.000	1.000
60	Áp Chùa Phật	Bắt đầu từ cầu Dương Châu	Đến kênh ông Bầu	300	380	380
61	Tuyến Xóm Chạy	Bắt đầu từ lộ Hoà Bình - Vĩnh Mỹ A	Đến hết ranh đất nhà ông Sơn Xưa	300	380	380
62	Rạch Miếu Bà	Bắt đầu từ cầu Cái Tràm	Đến kênh Cái Phóc	300	400	400
63	Kênh 18 Thước (ấp Thị trấn A1 ấp Láng Giài)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Cô Hạnh	Đến hết ranh đất nhà Cô Ba	250	300	300

		Bắt đầu từ kênh 18 thước	Đến giáp áp 21, xã Minh Diệu		280	280
64	Tuyến đường Ấp Láng Giải A - giáp xã Long Thạnh	Bắt đầu từ nhà ông Sáu Nhỏ	Đến hết ranh đất nhà ông Tám Quý		280	280
	Khu vực xã Vĩnh Mỹ A cũ					
	Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A (lộ giao thông nông thôn)					
65		Bắt đầu từ cầu chợ	Đến cầu ông Nghĩa	400	480	480
66		Bắt đầu từ cầu chợ	Đến cầu Bánh Bò	400	480	480
67		Bắt đầu từ cầu chợ	Đến hết ranh đất Trg. Tiểu học Vĩnh Mỹ A1	350	400	400
68		Bắt đầu từ cầu chợ	Đến cầu Miếu Thành Hoàng	400	450	450
69		Bắt đầu từ cầu chợ	Đến nghĩa địa Phước Hải	400	450	450
70		Bắt đầu từ cầu chợ	Đến Chùa Hưng Mỹ Tự	350	390	390
71		Bắt đầu từ ngã tư Đình	Đến ngã 3 hết ranh đất nhà ông Độ		450	450
	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh					
72		Bắt đầu từ ngã tư nghĩa địa Phước Hải	Đến cầu Ông Sang	350	420	420
73		Bắt đầu từ cầu ông Sang	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thịnh		350	350
74		Bắt đầu từ cầu 6 Tập	Đến nghĩa địa Phước Hải	400	480	480
75		Bắt đầu từ ngã tư nghĩa địa Phước Hải	Đến cầu Tào Lang	400	430	430
76		Bắt đầu từ cầu Tào Lang	Đến cầu rạch Vinh	300	350	350
77		Bắt đầu từ cầu rạch Vinh	Đến cảng cầu cảng Bà Cồng	280	330	330

78		Bắt đầu từ cầu rạch Vinh	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thịnh		280	280
79		Bắt đầu từ cầu Sáu Tập (ấp 15a)	Đến ngã Ba Xóm Lung	450	480	480
80		Bắt đầu từ ranh đất trường TH Vĩnh Mỹ A 2	Đến giáp ấp Vĩnh Bình-Xã Vĩnh Thịnh	300	350	350
81		Bắt đầu từ ngã 3 Xóm Lung	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thịnh	300	350	350
82		Bắt đầu từ ngã Ba nhà ông Ruộng	Đến nhà thờ ấp Châu Phú	300	350	350
83		Bắt đầu từ ngã 3 nhà ông Quân	Đến nghĩa địa Đất Thánh (hết ranh đất ông Lê Văn Lâm)	250	280	280
84		Bắt đầu từ cầu 5 Đẩu	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiến		280	280
85		Bắt đầu từ cầu Lung Lớn	Đến ranh đất nhà ông Tăng Bảy		280	280
86		Bắt đầu từ cầu ông Rắn	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chính		280	280
87		Bắt đầu từ cầu Ông Vạn	Đến giáp kênh Vĩnh Thành		280	280
88		Bắt đầu từ cầu Kênh Ngang (ấp Vĩnh Tiến)	Đến cầu kênh Ngang (ấp Vĩnh Tân)		280	280
89		Bắt đầu từ cầu Châu Phú	Đến giáp ngã ba kênh ông Liếm		280	280
90		Bắt đầu từ cầu ông Tuấn	Đến lộ Hòa Bình - Vĩnh Mỹ A	350	450	450
91		Bắt đầu từ ngã tư Đình	Đến cầu ông Nghĩa	400	430	430
Ấp Vĩnh Tiến						
92		Đập Cây Trương (giáp ranh Thị trấn Hòa Bình)	Đến cầu Lung Lớn, xã Vĩnh Hậu	400	460	460

93		Bắt đầu từ ngã ba cầu Bánh bò (Châu Phú)	Đến hết ranh đất nhà ông Phan Văn Phần	250	280	280
	Đường liên ấp xã Vĩnh Mỹ A					
94		Bắt đầu từ cầu 5 Thanh	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiến	250	280	280
95		Bắt đầu từ cầu 5 Thanh	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Hoàng Dũng	250	280	280
96	Ấp Vĩnh Tân	Bắt đầu từ cầu Ông Rần	Đến hết ranh đất nhà ông Tăng Bảy	250	280	280
	Ấp Xóm Lớn					
97		Bắt đầu từ cầu Cái Huru	Đến cầu 3 Chư	250	300	300
98		Bắt đầu từ cầu 3 Chư	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chính	250	280	280
99		Bắt đầu từ ngã 3 Xóm Lung (Tu muối củ)	Đến cầu Cây Vong	300	350	350
100		Bắt đầu từ cầu Tào Lang	Đến giáp ngã 3 kênh Tào Lang - kênh 5 Đẩu		280	280
101		Bắt đầu từ cầu 3 Chư	Đến hết ranh đất của ông Nguyễn Công Khanh		280	280
102		Bắt đầu từ cầu Bà Thở	Đến cầu ông 5 An		280	280
103		Bắt đầu từ cầu 3 Bình	Đến hết ranh đất nhà ông Đoàn Văn Vui		280	280
104		Bắt đầu từ cầu ông Nghị	Đến cầu Đám Lá		280	280
105		Bắt đầu từ cầu Út Lác	Đến hết ranh đất ông Trần Quốc Thái		280	280
106		Bắt đầu từ cầu Bà Lan	Đến hết nhà ông Hùng		280	280
107		Bắt đầu từ cầu 4 Chà	Đến hết ranh đất bà Nguyễn Thị Trang		280	280
108	Đường Lê Thị Riêng (Đường đi Vĩnh Hậu)	Bắt đầu từ ranh thị trấn Hòa Bình	Đến Cầu Lung Lớn	400	1.200	1.200

	Khu vực xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi cũ					
	Quốc lộ 1 (đoạn đi qua Phường 7 đến hết Phường 8 trên địa bàn Thành phố Bạc Liêu cũ)					
109		Bắt đầu từ cầu Sập (Cầu Dàn Xây)	Đến ngã 3 Huy Liệu	2.400	3.400	3.400
110		Bắt đầu từ ngã 3 Huy Liệu	Đến ranh đất trường tiểu học Nguyễn Du	2.300	2.700	2.700
111		Bắt đầu từ ranh đất trường tiểu học Nguyễn Du	Đến cầu Cái Tràm	2.400	3.400	3.400
112	Đường ven Kênh Xáng Bạc Liêu - Cà Mau bên Quốc Lộ 1 (trừ các tuyến đường đã có giá)	Bắt đầu từ cầu Sập	Đến cầu Cái Tràm (giáp ranh huyện Hòa Bình)	550	620	620
113	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến trạm Y tế xã Long Thạnh	700	800	1.500
	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa					
114	(đoạn bắt đầu từ trạm Y tế xã Long Thạnh đến giáp ranh huyện Hòa Bình cũ, theo địa giới hành chính xã Hòa Bình)	Bắt đầu từ trạm Y tế xã Long Thạnh	Đến đường vào trụ sở mới xã Vĩnh Hưng	650	720	1.200
115	Lộ tẻ bờ sông Cầu Sập	Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Quý tín dụng)	Đến cây xăng Minh Hoàng	750	820	820
	Lộ ấp Trà Khứa					
116		Bắt đầu từ cầu Trà Khứa	Đến ranh nhà văn hóa ấp Trà Khứa	650	740	740
117		Bắt đầu từ ranh nhà văn hóa ấp Trà Khứa	Đến hết ấp Trà Khứa (Nhà ông Châu)	550	600	600
118	Lộ ấp Trà Khứa	Bắt đầu từ cầu Trà Khứa	Đến cầu Bà Thuận	350	380	380
	Lộ Béc Hen Lớn - Tân Long - Tràm Một					

119		Bắt đầu từ giáp ranh phường 8, thành phố Bạc Liêu	Đến cổng Cầu Sập	700	770	770
120		Bắt đầu từ cổng Cầu Sập (ngã tư đường)	Đến giáp xã Châu Thới	450	480	550
121	Lộ Béc Hen lớn-Cây Điều	Bắt đầu từ cổng Cầu Sập	Đến cầu 5 Râu	350	380	380
122	Đường Cái Tràm A2-P. Thạnh 2	Bắt đầu từ cái Tràm A2 (Miếu Bà)	Đến sông Dàn Xây	550	600	600
123	Đường vào Đình Tân Long	Bắt đầu từ Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Đến đình Tân Long	400	440	500
124	Đường vào Đình Tân Long	Bắt đầu từ Đình Tân Long	Đến chùa Ông Bồn	300	340	340
	Lộ Bàu Rán					
125		Bắt đầu từ cầu 7 Cung	Đến Chợ Cái Tràm (QL1)	300	340	340
126		Bắt đầu từ cổng 7 Phát	Đến ngã tư 7 Lốc	350	380	380
127	Lộ Thới Chiến	Bắt đầu từ cầu Ông Khém	Đến cầu Thanh Niên	350	380	380
128	Lộ Béc Nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Lê Văn Thu	Đến hết ranh đất nhà ông Quách Văn Giá	300	340	340
129	Lộ nhánh nhà ông Trương Văn Núi	Bắt đầu từ Lộ Năm Cua - Cầu Sập	Đến giáp lộ tẻ bờ sông Cầu Sập	700	770	770
130	Lộ Cái Tràm A1 (song song QL1)	Bắt đầu từ trường Tiểu học	Đến chùa Ông Bồn	450	490	490
131	Đường nhánh Cái Tràm A1-Phước Thạnh 1	Các Tuyến đường nhánh từ Quốc Lộ 1	Đến sông Bạc Liêu	550	600	600
132	Đường Phước Thạnh 1	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Nhà ông Nguyễn Thành Thiệt)	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Dừa	550	600	600
133	Đường Cái Tràm A 2	Bắt đầu từ Miếu Bà	Đến hết ranh đất nhà ông Đặng Văn Phước	300	340	340
134	Đường Cái Tràm A 2	Bắt đầu từ cầu Ông Phước	Đến kênh 8 Thước (PT2)	250	280	280
135	Đường Long Hà (Cái Tràm 2)	Bắt đầu từ cầu Nguyễn Thành Ký	Đến giáp ranh Hòa Bình	300	340	340
136	Đường Dàn Xây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tho	Đến kênh 8 thước (đất ông Phan Thanh Bình)	300	340	340

137	Đường kênh ông Cẩn	Bắt đầu từ cầu ông Cẩn	Đến kênh 8 Thước (Nhà bà Lê Thị Kim Ba)	300	340	340
138	Đường Cây Điều	Bắt đầu từ cầu 5 Râu	Đến nhà ông Lê Văn Ngừa	300	340	340
139	Đường Béc Hen Nhỏ - Trà Khứa	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến cầu bà Thuận	300	340	340
140	Đường Tân Long - Béc Hen Lớn	Bắt đầu từ cầu 6 Tầng	Đến cầu ông Rê	350	380	380
141	Đường Tân Long - Hòa Linh	Bắt đầu từ cống 6 Lợi	Đến cầu 7 Cung	350	380	380
142	Đường Hòa Linh - Bàu Ráng	Bắt đầu từ ngã tư Bảy Lốc	Đến cầu 7 Cung	350	380	380
143	Đường Hòa Linh	Bắt đầu từ chợ Cái Tràm	Đến cầu ông Huỳnh	300	340	340
144	Đường Béc Hen Lớn	Bắt đầu từ cầu ông Rê	Đến cầu ông Hường	350	380	380
145	Đường Béc Hen Nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bùi Văn Tách	Đến hết ranh đất nhà ông Mã Văn Hấu	300	340	340
146	Đường Béc Hen Nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mã Văn Hấu	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Tuyết Hân	300	340	340
147	Đường Béc Hen Nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mã Văn Hấu	Đến hết ranh đất nhà ông Quách Văn Giá	300	340	340
148	Đường Béc Hen Nhỏ	Bắt đầu từ cầu ông Dững	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Hai	250	280	280
149	Lộ Kênh bà Hai Sinh	Bắt đầu từ Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Đến nhà ông Ngô Hoàng Oanh		340	340
150	Lộ Hòa Linh - Bàu Ráng	Bắt đầu từ cầu ông Huỳnh	Đến cầu Ông Hiền		340	340
151	Lộ Cây Điều - Tràm Một	Bắt đầu từ Cầu Út Đèo	Đến cầu ông Liêm		280	280
152	Lộ kênh 8 Thước	Bắt đầu từ lộ Dàn Xây (nhà ông Phan Thanh Bình)	Đến đường Cái Tràm A2		280	280
II	XÃ VĨNH HẬU (gồm xã Vĩnh Thịnh, xã Vĩnh Hậu A và xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình cũ)					
	Khu vực xã Vĩnh Thịnh cũ					
153	Tuyến lộ Xóm Lung-Cái Cùng	Bắt đầu từ cầu Đê Trường Sơn- ấp Vĩnh Lạc	Đến giáp ấp Vĩnh Hội - Xã Vĩnh Mỹ A	300	400	400

154	Chợ Công Cái Cù	Bắt đầu từ đê Trường Sơn	Đến cầu Chữ Thập Đỏ	800	1.100	1.100
155	Lộ dưới ấp Vĩnh Lạc	Bắt đầu từ cầu qua sông Cái Cù	Đến cầu Chữ Thập Đỏ	380	450	450
156	Đường Trường An	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Tiến	Đến đê Trường Sơn	300	370	370
157	Đường Kinh Tế	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa	Đến đê Trường Sơn ấp Vĩnh Mới	400	460	460
158	Đường Giồng Nhãn-Gành Hào	Bắt đầu từ cầu Đê Trường Sơn- ấp Vĩnh Lạc	Đến giáp ấp Vĩnh Mẫu - Xã Vĩnh Hậu	400	450	450
159	Tuyến Kênh Bảy Hồng	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Bình	Đến Ấp Vĩnh Hòa	250	280	280
160	Đường Kinh 4 ngang trụ sở xã cũ	Bắt đầu từ cầu ấp Vĩnh Lập	Đến cầu Vĩnh Hòa	350	400	400
161	Tuyến 500	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lạc	Đến Ấp Vĩnh Mới	250	280	280
162	Tuyến lộ nhựa	Bắt đầu từ cầu Chữ Thập Đỏ	Đến Lộ Đê Đông	350	390	390
163	Đường Vĩnh Hòa	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa	Đến Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A	250	280	280
164	Tuyến Đê Đông	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lạc, xã Vĩnh Thịnh	Đến Cầu Mương I	350	380	380
165	Tuyến lộ Vĩnh Hòa - Vĩnh Kiều	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa giáp ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A	Đến cầu Lung Lớn ấp Vĩnh Thạnh- xã Vĩnh Hậu	250	280	280
166	Tuyến đường Kim Em	Bắt đầu từ kênh ấp Vĩnh Hòa	Đến mương I (giáp xã Vĩnh Hậu)	250	280	280
167	Tuyến Ông Tà	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Mới	Đến mương I (giáp xã Vĩnh Hậu)	250	280	280
168	Đường Bình Tiến	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Tiến	Đến giáp cầu Vĩnh Thành- xã Vĩnh Mỹ A	250	280	280
169	Đường hậu cơ quan	Đê Trường Sơn	Đến hạt Kiểm lâm liên huyện (ấp Vĩnh Lạc)	360	400	400

170	Đường Công Đá	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lập	Đến kênh 7 Hồng (ấp Vĩnh Bình)	250	280	280
171	Tuyến đường kênh Đốc Thiện	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Bình	Đến Ấp Vĩnh Hòa	250	280	280
172	Đường Kinh Tế	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa	Đến đê Trường Sơn ấp Vĩnh Mới (phía bên sông)	350	390	390
173	Tuyến sau hậu	Bắt đầu từ đường vô Trạm Y tế xã	Đến kênh Trường Sơn	250	280	280
174	Tuyến cặp kênh Trường Sơn	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Lạc	Đến đến lộ sau hậu	250	280	280
175	Tuyến cầu thừa kênh cạn	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lập	Đến ấp Vĩnh Hòa	250	280	280
176	Tuyến đường mương 4	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Mới (đường Giồng Nhãn - Gành Hào)	Đến đê Đông (Vĩnh Mới)	250	280	280
177	Tuyến đường mương 7	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Tiến (đường Giồng Nhãn - Gành Hào)	Đến đê Đông (Vĩnh Tiến)	250	280	280
178	Tuyến đường Lái Hai	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	Đến kênh 500 (ấp Vĩnh Mới)	250	280	280
179	Tuyến đường Nông Trường	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	Đến kênh Học Máu (ấp Vĩnh Mới)	250	280	280
180	Tuyến đường Mương I	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào (ấp Vĩnh Mới)	Đến cầu nhà ông Trần Hòa Bình (ấp Vĩnh Kiều)	250	280	280
181	Tuyến đường Sưa Đũa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Minh	Đến tuyến đường Kim Em	250	280	280
182	Tuyến đường Vĩnh Hòa (phía bên sông)	Bắt đầu từ cầu kênh Ông Tà	Đến Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A		280	280
183	Tuyến Đường điện gió	Bắt đầu từ đường Đê Đông	Đến Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A		300	300
Khu vực xã Vĩnh Hậu A cũ						
184	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Hậu	Đến giáp ranh Phường nhà Mát	600	800	800

185	Đường Đê Đông (Đê Biển)	Bắt đầu từ giáp ranh Phường nhà Mát	Đến giáp ranh xã Vĩnh Hậu	500	600	600
186	Tuyến Kênh 7 (Phía Tây)	Đê Đông	Đến giáp Kênh Giồng Me ấp 17	350	400	400
187	Đường Kênh 9 (Phía Tây)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà năm Ánh	Đến giáp lộ Cây Gừa	350	400	400
188	Tuyến phía Đông Kênh 12	Bắt đầu từ cầu 12 (đường Giồng Nhãn - Gành Hào)	Đến giáp trụ sở ấp Cây Gừa	350	400	400
189	Tuyến phía Tây kênh 12	Bắt đầu từ Cầu Kênh 12	Đến nhà ông Huỳnh Văn Hiền (ấp 13 xã Vĩnh Hậu)		350	350
190	Tuyến Đường Cây Gừa	Bắt đầu từ ấp Cây Gừa	Đến hết ranh đất nhà ông Lộc giáp Phường 2	250	280	280
191	Tuyến Đường Cây Gừa - Giồng Tra	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Phước Sơn	Đến cầu Thanh Niên	250	280	280
192	Tuyến phía Bắc Giồng Tra	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến kênh Cây Mết giáp Phường 8	250	280	280
193	Đường Kênh 7(phía Đông)	Bắt đầu từ đường Giồng Nhãn -Gành Hào	Đến giáp Kênh Giồng Me ấp 17	250	280	280
194	Tuyến Kênh 9 (Phía Đông)	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến đường Giồng Nhãn - Gành Hào	350	380	380
195	Tuyến Đông Kênh 12	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến cầu Kênh 12	600	600	600
196	Tuyến Tây Kênh 12	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến cầu Kênh 12	300	350	350
197	Tuyến Tây Giồng Tra	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Lộc ấp Cây Gừa	Đến giáp cầu nhà ông Lượm (ấp Giồng Tra)	250	280	280
198	Chợ tạm ấp 15	Bắt đầu từ chợ tạm ấp 15	Đến cầu Kênh 1 ấp 15	250	280	280
199	Đê Đông kênh 6 ấp 15	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến kênh 2 ấp 15	250	280	280
200	Kênh ranh ấp 17	Bắt đầu từ kênh 7	Đến kênh 9	250	280	280

201	Khu dân tộc Khmer	Bắt đầu từ đường Giồng Nhãn -Gành Hào	Đến kênh 1 ấp 6	250	280	280
202	Lộ bê tông phía Nam kênh Giồng Tra	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tấn Đạt	250	280	280
203	Lộ bê tông kênh 1 ấp 16	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Khiết	Đến giáp Vườn Chim	250	280	280
204	Lộ bê tông kênh Cựa Gà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hiền	Đến giáp kênh 5 ấp 12	250	280	280
205	Lộ bê tông kênh giáp ranh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông tám Hoàng	Đến giáp kênh phường 2	250	280	280
206	Kênh 4 Ấp 15	Bắt đầu từ kênh Trường Sơn	Đến đê Đông	250	280	280
207	Kênh 6 Ấp 17	Bắt đầu từ giáp Kênh số 7	Đến giáp nhà ông Dư	250	280	280
208	Lộ bê tông kênh 7	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thu Ba	Đến giáp kênh 9	250	280	280
209	Phía Tây kênh số 4 ấp 15	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nghĩa	Đến giáp kênh Trường Sơn 2	250	280	280
210	Lộ bê tông (Kênh 130)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nghĩa	Giáp đê Đông	250	280	280
211	Phía Tây cầu Dân Xây	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Xuân	Giáp kênh Giồng Me - cây Dừa	250	280	280
212	Lộ bê tông	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Giáp nhà ông Tô Thành Lâm	250	280	280
213	Lộ bê tông khu 37ha ấp Cây Gừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đào	Giáp kênh số 9	250	280	280
214	Tuyến kênh 10 (phía đông)	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến đường Giồng Nhãn - Gành Hào		350	350
215	Tuyến kênh 11 phía đông kênh 12	Bắt đầu từ kênh 130	Đến giáp kênh Trường Sơn 2		350	350
216	Tuyến Vành Đai Sân Chim	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Quang	Đến giáp nhà ông Tiểu		350	350

217	Tuyến đường phía đông kênh 9	Bắt đầu từ nhà ông Chính	Đến giáp nhà ông Nga		350	350
Khu vực xã Vĩnh Hậu cũ						
Đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu						
218		Bắt đầu từ cầu Lung Lớn	Đến cây xăng ông Vạn	360	600	600
219		Bắt đầu từ cây xăng ông Vạn	Đến kênh 5M4	450	800	800
220		Bắt đầu từ kênh 5M4	Đến đê Đông	360	600	600
221	Lộ Đê Đông	Bắt đầu từ giáp xã Vĩnh Hậu A	Đến kênh mương I (nhà ông Hàn Lê)	500	600	600
222	Đường Giồng Nhân-Gành Hào	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Hậu A	Đến kênh mương I (nhà ông Hai Bắc)	500	800	800
Tuyến đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu (phía Đông Kênh)						
223		Bắt đầu từ giáp Thị trấn Hòa Bình	Đến cầu 3 Thân	250	280	280
224		Bắt đầu từ ranh đất nhà 9 Hiến	Đến kênh 130	250	280	280
225	Đường Toàn Thắng	Bắt đầu từ ranh đất trường tiểu học Vĩnh Hậu C	Đến kênh 12	300	360	360
226	Đường Miếu Toàn Thắng - Cái Tràm	Bắt đầu từ kênh Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến giáp ranh Vĩnh Hậu A	250	280	280
227	Đường Lung Lớn	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến mương I nhà ông Hàn Lê	350	400	400
228	Đường Cầu Trâu	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh mương I	310	350	350
229	Đường Mương 6	Bắt đầu từ kênh 5m4	Đến kênh 130	250	280	280
230	Đường Mương 8	Bắt đầu từ kênh Trường Sơn	Đến kênh 130	250	280	280

231	Đường Kênh Tế II	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	250	280	280
232	Đường Kênh Làng Huru	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	250	280	280
233	Đường Nam Kênh Trường Sơn	Bắt đầu từ cầu Xã	Đến kênh Mương 1	300	350	350
234	Đường 5M4	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh 8	250	280	280
235	Đường ấp Thống Nhất	Bắt đầu từ đê Trường Sơn II	Đến đê Đông	250	280	280
III	XÃ VĨNH MỸ (gồm xã Minh Diệu, xã Vĩnh Bình và xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình cũ)					
	Khu vực xã Minh Diệu cũ					
	Tuyến đường ấp 21					
236		Bắt đầu từ giáp ranh thị trấn Hoà Bình	Đến nhà ông Nghiêm	500	800	800
237		Bắt đầu từ nhà ông Nghiêm	Đến nhà ông Thông	700	1.000	1.000
238		Bắt đầu từ cầu xã Minh Diệu	Đến chùa Địa Chuối đường đi xã Vĩnh Bình	320	450	450
239	Tuyến đường ấp Ninh Lợi	Bắt đầu từ nhà ông Thông	Đến cầu Đoàn Thanh Niên	450	800	800
240	Đường Trảng Bèo	Bắt đầu từ cầu nhà ông Dương Văn Thạch	Đến hết ranh đất nhà Ngô Thị Út Hồng (giáp ranh xã Vĩnh Hưng-Vĩnh Lợi)	250	280	280
	Tuyến đường ấp 21					
241		Bắt đầu từ cầu giữa (nhà ông Nguyễn Văn Kỳ)	Đến cầu Thanh Niên (nhà ông Trang Văn Út)	250	280	280
242		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm	Đến giáp ấp Thị trấn B-Thị trấn Hoà Bình	250	280	280
243	Tuyến đường Ấp 33	Bắt đầu từ cầu xã Minh Diệu	Đến cầu Cẩm Vân	320	450	450

244	Tuyến xóm Trại	Đầu cầu nhà ông 3 Oai	Đến vòm Xã Xín (nhà ông Nhường)	250	280	280
245	Lộ nhựa ấp Trà Co -Hậu Bồi	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hai Kia	Đến hết ranh đất nhà ông Thái Hoàng Giang	300	300	300
246	Đường Cầu Miếu ấp 33, ấp 36	Bắt đầu từ cầu Miếu ấp 33	Đến cầu nhà bà Lù	250	280	280
247	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Bảy Phát	Đến cổng nhà ông Bảo (Giáp ranh xã Vĩnh Hưng)	500	800	800
248	Tuyến ấp 36	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ba Đước	Đến Ấp 38 giáp Láng Giài	250	350	350
249	Tuyến ấp 33	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Kiều	Đến ngã tư Trà Co (nhà ông Kía)	250	500	500
250	Tuyến cầu Ba Bồi	Bắt đầu từ cầu Bà Bồi	Đến hết ranh đất nhà bà Tú Anh	250	300	300
251	Tuyến ấp Trà Co	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chiến	Đến đầu cầu Tư Quân	250	280	280
252	Tuyến Ninh Lợi	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 3 Huy	Đến hết ranh đất nhà ông Chệt	250	280	280
253	Tuyến ấp Cá rô - 37	Bắt đầu từ cầu ông Cảnh	Đến hết ranh đất nhà ông 3 Thiện	250	280	280
254	Tuyến ấp Trà Co – Hậu Bồi	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chiến	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Huấn	250	280	280
255	Tuyến Hậu Bồi 1- Hậu Bồi 2	Bắt đầu từ đầu cầu nhà Sáu Lương	Đến đầu cầu nhà ông Mạnh	250	280	280
256	Tuyến Hậu Bồi 2	Bắt đầu từ đầu cầu nhà ông Mạnh	Đến đầu cầu nhà ông Trường	250	280	280
257	Tuyến ấp 37	Bắt đầu từ cầu nhà Sơn Đình	Đến cầu nhà ông Tùng, Giáp xã Long Thạnh (Vĩnh Lợi)	250	280	280
258	Tuyến ấp 38	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chót (Ngã tư Bàu Sen)	Đến hết ranh đất nhà ông Đèo	250	280	280
259	Đường ấp Hậu Bồi I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bộ	Đến hết ranh đất nhà ông Út Chiến	250	280	280

260	Đường ấp 37	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sơn	Đến hết ranh đất nhà ông Lộc	250	280	280
261	Ấp Nam Hưng	Bắt đầu từ cầu nhà ông Oai	Đến hết ranh đất nhà ông Đoàn Văn Thanh	250	280	280
262	Ấp Nam Hưng-ấp Cá rô	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hậu	Đến cầu ông Phạm Thanh Hải	250	280	280
263	Ấp Hậu Bồi 1	Bắt đầu từ cầu Đoàn	Đến hết ranh đất nhà ông Gọn	200	260	260
264	Ấp 36	Bắt đầu từ Miếu ấp 36	Đến hết ranh đất nhà bà Chín Hiệm	200	260	260
265	Ấp Cá rô-ấp 36	Bắt đầu từ cầu Chùa	Đến cầu ông Ân	200	260	260
266	Tuyến đường Củi, Ấp 37 - 38	Bắt đầu từ cầu ông Ba Thành	Đến nhà ông Long	200	260	260
267	Ấp 37-ấp 36	Bắt đầu từ cầu Tư Khiêu	Đến cầu ông Sung	300	400	400
268	Ấp Trà Co	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ứng	Đến hết ranh đất nhà ông Dũng	200	260	260
269	Tuyến đường ấp Trà Co - Hậu Bồi II	Bắt đầu từ nhà Bà Màu	Đến nhà Bà Út		280	280
270	Tuyến đường Cá rô, Ấp Cá rô	Bắt đầu từ cầu nhà ông Tư Hạnh	Đến nhà ông Khởi (cầu Tư Thiện)		260	260
271	Tuyến đường ấp Trà Co - Cá rô	Bắt đầu từ cầu Xà Nâu	Đến nhà ông Đường		260	260
Khu vực xã Vĩnh Mỹ B cũ						
Quốc lộ 1						
272		Bắt đầu từ giáp ranh Thị trấn Hòa Bình	Đến hết ranh đất Nhà Thờ	2.100	3.000	3.000
273		Bắt đầu từ hết ranh đất Nhà thờ	Đến cầu số 2	2.300	2.800	2.800
274		Bắt đầu từ cầu số 2	Đến cầu số 3	2.500	3.000	3.000
275		Bắt đầu từ cầu số 3	Đến cầu Xóm Lung	1.800	2.400	2.400

276	Lộ tẻ tránh dốc cầu số 2	Quốc lộ 1	Đến giao lộ (ngã 3)	3.000	3.800	3.800
277	Lộ cũ	Quốc lộ 1	Đến giao lộ (Ngã 3)	1.000	1.400	1.400
	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long					
278		Bắt đầu từ giao lộ (Ngã 3)	Đến cổng Tư Lù	900	1.200	1.200
279		Bắt đầu từ cổng Tư Lù	Đến giáp xã Vĩnh Bình	750	900	900
280	An Khoa – An Thành	Quốc lộ 1	Đến cầu ông Ớt	400	520	520
	An Khoa – An Thành					
281		Bắt đầu từ cầu ông Ớt	Đến hết ranh đất nhà ông Tới	250	300	300
282		Bắt đầu từ cầu ông Ngươn	Đến cầu ông Kim	250	300	300
283		Bắt đầu từ cầu ông Kim	Đến giáp thị trấn Hòa Bình	250	300	300
284		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tới	Đến kênh ông Đơn	250	300	300
285		Bắt đầu từ kênh ông Đơn	Đến cầu Nhà ông 6 Hoài	250	300	300
286		Bắt đầu từ cầu Nhà ông Thắng	Đến cầu Thanh Niên	250	300	300
287	Đường xóm Lung- Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ cầu xóm Lung	Đến cầu Tư Chứa	250	300	300
	Đường Chệt Niêu- Đồng Lớn 2					
288		Bắt đầu từ cầu Chệt Niêu	Đến cầu Vĩnh Phong 21	350	440	440
289		Bắt đầu từ cầu Vĩnh Phong 21	Đến giáp ranh thị xã Giá Rai	250	300	300
290		Bắt đầu từ cầu Nhà ông Thi	Giáp ranh thị xã Giá Rai	250	300	300

291	Đường Đài Loan	Quốc lộ 1	Đến kênh HB 24	300	360	360
Bờ đông kinh Vĩnh Mỹ - Phước Long						
292		Quốc lộ 1	Đến cổng cầu số 2	300	400	400
293		Bắt đầu từ cổng cầu số 2	Đến giáp ranh xã Vĩnh Bình	250	400	400
294		Bắt đầu từ cổng chào HB24	Đến cầu nhà ông Đồi	250	300	300
Đường Cày						
295		Bắt đầu từ cầu 3 Cuôi	Đến cầu Cây Dương	250	300	300
296		Bắt đầu từ cầu nhà ông Tùng	Đến cầu nhà ông Ngươn	250	300	300
297		Bắt đầu từ cầu Nhà ông Việt	Đến hết ranh trụ sở HTX Vĩnh Cường	250	300	300
Tuyến Hàng Me						
298		Bắt đầu từ cầu số 3	Đến cầu Út Duy	250	300	300
299		Bắt đầu từ cầu Út Duy	Đến cầu Cây Dương	250	300	300
300		Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Công Tiến	250	300	300
301		Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Hải	250	300	300
302	Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Thuyền	Đến cầu nhà bà Sương	250	300	300
303	Tuyến bờ kinh Vĩnh Phong 21	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hưng	Đến cầu Hàng Me	250	300	300
304	Tuyến đường cày	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Thất	Đến nhà ông Huỳnh Văn Khuôl		300	300
305	Tuyến kênh Vĩnh Phong 21 (bờ Nam)	Bắt đầu từ cầu Út Duy	Đến nhà ông Lý Văn Chạy		300	300

306	Tuyến sau nhà thờ	Bắt đầu từ giáp Quốc Lộ 1A (nhà Ông Chính)	Đến giáp Quốc lộ 1A (nhà ông Tuấn)		300	300
Tuyến An Khoa - An Thành						
307		Bắt đầu giáp lộ An Khoa - An Thành	Đến nhà ông Võ Văn Nam		280	280
308		Bắt đầu từ cầu Ông Kim	Đến nhà ông Danh Khel		280	280
309	Tuyến cây Dương - Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ cầu nhà ông Ngô Đồng Xia	Đến kênh 900		280	280
310	Tuyến Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Thanh Sang	Đến nhà ông Huỳnh Minh Hiền		280	280
311	Tuyến Đồng Lớn 2	Bắt đầu từ Cầu Trường Học	Đến nhà bà Đặng Thị Lụa		280	280
312	Tuyến đường Xóm Lung - Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ cầu Láng Tranh	Đến nhà ông Nguyễn Ngọc Tinh		280	280
313	Tuyến NT	Bắt đầu từ cầu Ba Châu	Đến kênh TNNĐ		280	280
314	Tuyến Hàng Me	Bắt đầu giáp cầu Ông Te	Đến cầu nhà ông Thành		280	280
315	Tuyến NT	Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành	Đến giáp kênh Vĩnh Phong 17		280	280
Xã Vĩnh Bình cũ						
Vĩnh Mỹ - Phước Long						
316		Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Mỹ B	Đến hết ranh đất nhà bà Dương Ánh Tuyết	700	880	880
317		Từ hết ranh đất nhà bà Dương Ánh Tuyết	Đến Lộ tẻ 18-19	1.000	1.250	1.250
318		Bắt đầu từ lộ tẻ 18-19	Đến giáp ranh huyện Phước Long	700	880	880
319	Lộ tẻ	Bắt đầu từ lộ Vĩnh Mỹ-Phước Long	Đến hết ranh đất nhà ông Cường	700	800	800
320	Lộ tẻ	Bắt đầu từ cầu Bàu Săng	Đến công Bảy Quân	700	800	800

321	Lộ tẻ đi Minh Diệ	Bắt đầu từ cầu Bàu Sàng 2	Đến cầu Chùa Đĩa Chuối	310	380	380
322	Lộ Kế Phòng-Mỹ Phú Nam	Bắt đầu từ cầu Bàu Sàng 2	Đến trụ sở ấp Mỹ Phú Nam	310	380	380
323	Tuyến Kênh HB 16	Bắt đầu từ kênh HB 16 (đầu kênh)	Đến kênh HB 16 (cuối kênh)	310	380	380
324	Tuyến Kênh HB 18	Bắt đầu từ cầu ông Minh (kênh HB 18)	Đến kênh HB 18 (cuối kênh)	250	280	280
325	Lộ Minh Hòa	Bắt đầu từ cầu nhà ông Đầy	Đến cầu Trung Ương Đoàn	310	380	380
326	Lộ Thanh Hưng II- Mỹ Phú Nam	Bắt đầu từ cầu Trung Ương Đoàn	Đến giáp xã Hưng Phú	250	280	280
327	Đường Cây Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà 2 Miên	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyệt	250	280	280
328	Tuyến Cây Đông Cựa Gà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mót	Đến hết ranh đất nhà bà Lài	250	280	280
329	Lộ Minh Hòa	Bắt đầu từ cầu Trung Ương Đoàn	Đến giáp kênh HB	250	280	280
330	Lộ tẻ Thanh Sơn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lắm	Đến giáp Vĩnh Mỹ B	250	280	280
331	Tuyến ấp Thanh Sơn	Bắt đầu từ cầu Chùa Đĩa Chuối	Đến hết ranh đất nhà ông 4 Dứt (giáp Vĩnh Mỹ B)	250	280	280
332	Lộ tẻ ấp 17-20	Bắt đầu từ cầu Đình 17-20	Đến hết ấp 20 (giáp xã Phong Thạnh Đông)	250	280	280
333	Tuyến Kênh Vĩnh Phong ấp 17	Bắt đầu từ ranh đất kho đạn	Đến ngã 3 cầu Châu	280	350	350
334	Tuyến đường ấp 17	Bắt đầu từ ngã 3 cầu Châu	Đến cầu Bàu Sàng	280	350	350
335	Lộ tẻ ấp Thanh Sơn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lắm	Đến giáp Vĩnh Mỹ B	250	280	280
336	Đường 18-19	Bắt đầu từ cổng nhà 7 Quân	Đến giáp xã Phong Thạnh Đông (Giá Rai)	400	480	480
337	Lộ Ninh Lợi	Bắt đầu từ cầu Chùa Đĩa Chuối	Đến cầu Trung Ương Đoàn	310	380	380

338	Đường Thanh Sơn	Bắt đầu từ cầu Trung Ương Đoàn	Đến hết ranh đất nhà ông Tuấn	250	280	280
339	Lộ 19	Bắt đầu từ trụ sở ấp 19	Đến hết ranh đất nhà ông Linh	250	280	280
340	Đường Mỹ Phú Nam	Bắt đầu từ cầu Nhà ông Nghiệp	Đến kênh Thủy nông nội đồng	250	280	280
341	Tuyến đường 17 - 19	Bắt đầu từ Cầu Trâu	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Đông		280	280
342	Tuyến đường ấp Ninh Lợi	Bắt đầu từ nhà ông Khô	Đến nhà ông Danh Vệ		280	280
343	Tuyến đường Ấp Kế Phòng - Minh Hòa	Bắt đầu từ nhà ông Đây	Đến nhà ông Trưởng		280	280
344	Tuyến đường 18 - 19	Bắt đầu từ chùa Ấp 18	Đến nhà ông Bét		280	280

PHỤ LỤC 04: Bảng giá đất ở trên địa bàn xã Hồng Dân, xã Vĩnh Lộc, xã Ninh Thạnh Lợi và xã Ninh Quới (thuộc địa bàn huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu cũ)
(kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính:

1.000đ/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024 theo QĐ số 28/2021/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh 2023 theo QĐ số 40/2023 /QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh năm 2025
		Điểm đầu	Điểm cuối			
I	XÃ HỒNG DÂN (gồm thị trấn Ngan Dừa, xã Lộc Ninh và xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân cũ)					
	Khu vực thị trấn Ngan Dừa cũ					
	ẤP NỘI Ô					
	Khu 1A					
1		Bắt đầu từ ngã Ba lộ chợ Ngan Dừa (Vòng Xuyên)	Đến đầu cầu Lúng Mới (lộ trước Phô)	3.500	4.400	4.400
2		Bắt đầu từ Đầu cầu Lún	Đến giáp Trường Tiểu học A	1.900	2.500	2.500
3		Bắt đầu từ Đầu cầu Lún	Đến hết ranh đất ông Hồ Công Uẩn (Giáp ấp Thông Nhất)	1.600	2.300	2.300
	Khu 1B					
4		Bắt đầu từ ngã Ba lộ chợ Ngan Dừa (Vòng xuyên)	Đến lộ Trần Hưng Đạo	2.200	2.600	2.600
5		Bắt đầu từ trường Tiểu Học A (Lộ sau)	Đến lộ Trần Hưng Đạo	1.400	2.000	2.000
6		Bắt đầu từ ranh đất ông Út Bé	Đến giáp ranh Trại của Tám Tương (trên lộ và mé sông)	1.100	1.500	1.500
7		Bắt đầu từ cổng Trường Tiểu học A	Đến giáp Lộ trước (đến ranh đất ông Trịnh Văn Y)	1.700	2.100	2.100

8		Bắt đầu từ giáp ranh Trại cửa Tám Tương	Đến giáp ấp Bà Gông (hết ranh đất ông Trần Văn Bé Phía trên lộ và mé sông)	800	1.100	1.100
	Khu 2					
9		Bắt đầu từ ranh đất ông Trang Hoàng Ân	Đến hết ranh đất Chùa Phật	2.000	2.500	2.500
10		Bắt đầu từ ranh đất bà Trần Thị Nô	Đến Hết ranh đất ông Danh lợi (giáp Kênh Xáng cầu mới đường Thống Nhất II)	1.100	1.500	1.500
11		Bắt đầu từ ranh đất ông Tăng Văn Nhân	Đến ranh đất Miếu Quan Đế (Chùa ông Bồn)	3.500	3.800	3.800
12		Bắt đầu từ ranh đất Miếu Quan Đế (Chùa ông Bồn)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Khởi An	2.000	2.700	2.700
	Đoạn giáp khu hành chính					
13		Bắt đầu từ ranh đất nhà Nguyễn Khởi An	Đến giáp lộ Thống Nhất II	1.500	2.000	2.000
14		Bắt đầu từ ranh đất ông Văn Tỷ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Toàn Ân	2.100	2.700	2.700
15	Khu III	Bắt đầu từ đầu cầu Lún	Đến ngã tư Kinh Xáng Trung tâm y tế	850	1.200	1.200
	Đoạn từ cầu lún đến đầu kinh nhỏ					
16		Bắt đầu từ đầu cầu Lún khu III	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Minh Hải	850	1.200	1.200
17		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Tền	Đến đầu cầu Kinh Nhỏ	680	820	820
18		Bắt đầu từ đầu cầu kinh nhỏ khu III (theo kênh nhỏ)	Đến chùa Hưng Kiến Tự	600	800	800

	Đoạn từ cầu Lún đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang (Giáp lộ Kinh Nhỏ)					
19		Bắt đầu từ 0 m	Đến 30 m	850	1.000	1.000
20		Bắt đầu từ 30 m tiếp theo	Đến 60 m	600	800	800
21		Bắt đầu từ 60 m tiếp theo	Đến ranh đất ông Nguyễn Văn Sang	400	650	650
	ẤP XÈO QUAO					
22	Đường Trèm Trèm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất bà Dương Thị Thanh (đọc theo sông Cái Trầu)	Đến hết ranh đất Đình thần Trung Trục	350	350	350
	ẤP BÀ HIÊN					
23		Bắt đầu từ ranh tái định cư	Đến trụ sở ấp Bà Hiên	500	720	1.800
24		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Tuyết Thắng	Đến Miếu Bà Hiên	450	580	640
25		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ca Văn Quang	Đến ngã tư Bà Gòg (đến ranh đất ông Trần Tuấn Mạnh)	300	370	370
26		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuấn Mạnh	Đến giáp khu tái định cư (hết ranh đất ông Lương Văn Được)	350	420	420
	Khu tái định cư					
27		Đường Hai Bà Trưng (từ kênh xáng)	Đến rạch Ngan Dừa - Tà Ben	850	1.000	2.200
28		Dãy nhà tiếp giáp hệ thống thoát nước vòng sau hậu đường Hai Bà Trưng		700	880	1.300
29		Dãy nhà dành cho hộ có thu nhập thấp (Lô III)		550	730	1.100

	ẤP TRÈM TRỆM					
30	Bờ đông	Bắt đầu từ ranh đất Trung tâm y tế	Đến hết ranh đất Chùa Hưng Kiến Tự	600	700	700
31	Bờ Tây					
32		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Nghĩa	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Oanh	250	280	280
33		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Oanh	Đến hết ranh Miếu Rạch Chùa	420	460	460
	Đường Trèm Trèm - Xẻo Quao					
34		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Bình Đăng	Đến ngã ba Vàm Xáng (hết ranh đất bên đò ông bảy Đực)	350	350	350
35		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sơn Hồng Bảy	Đến hết ranh đất ông Võ Văn So	290	350	350
36	Đường Trèm Trèm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Thị Thanh	Đến hết ranh đất Bảy Đực	300	300	300
37	Bờ Bắc rạch Chùa	Cầu Trung Ương đoàn	Đến hết ranh ông Lâm Dù Cạc	250	280	280
	ẤP THỐNG NHẤT					
38		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Thề	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Bê	1.300	1.800	1.800
39		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Sáu	Đến Cầu Kè	700	1.100	1.100
40		Bắt đầu từ Cầu Kè	Đến Bến phà (hết ranh đất bà Hương)	620	800	800
41	Đường Trần Hưng Đạo	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Út Nhỏ (tuyến lộ Thống Nhất II)	Đến Bến Phà Vàm Ngan Dừa	600	600	720
	ẤP BÀ GÒNG					

42		Bắt đầu từ ngã tư Bà Gông (từ ranh đất ông Trương Kim Nám)	Đến giáp Khu 1B Nội Ô (giáp ranh đất ông Trần Văn Bé)	700	820	820
43		Bắt đầu từ cầu 19 tháng 5	Đến ngã Tư Bà Gông (đến ranh đất ông Quách Văn Siêu)	480	550	550
44		Bắt đầu từ ngã Tư Bà Gông (từ ranh đất Trường Tiểu Học)	Đến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	600	680	680
45		Bắt đầu từ ranh đất nhà Lê Thị Tinh	Đến hết ranh nhà ông Danh Khen (chuồng dơi)	250	280	280
46		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Danh Khen	Đến ranh xã Ninh Hòa	250	280	280
47	Cầu Bụi Dừa	Bắt đầu từ ranh đất ông Dương Thanh Văn	Đến cầu Bụi Dừa	250	280	280
48	Rạch Tà Ben	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Thanh Văn	Đến rạch Bà Hiên	250	280	280
Đoạn từ Cầu kè đến lộ Thống Nhất II						
49		Bắt đầu từ đầu lộ (giáp lộ Thống Nhất)	Đến 60m	700	800	800
50		Bắt đầu từ 60m tiếp theo	Đến giáp lộ Thống Nhất II	550	620	620
Đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà						
51		Bắt đầu từ bến phà Vàm Ngan Dừa	Đến hết ranh đất ông Sáu Bùi	450	530	530
52		Bắt đầu từ hết ranh đất ông Sáu Bùi	Đến hết ranh đất ông Trịnh Văn Tổng	380	430	430
53		Bắt đầu từ cầu ông Ba Mậu	Đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà	300	380	380
Khu Trung tâm hành chính (Trừ khu Trung tâm Thương mại)						
54	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Bình Khiêm	2.500	3.350	3.350

55	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	2.500	3.350	3.350
56	Đường Bùi Thị Trường	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	2.500	3.350	3.350
57	Đường Trần Hưng Đạo	Đầu cầu Ngan Dừa	Đường Lộc Ninh	2.500	3.350	3.350
58	Đường Nguyễn Huệ	Bắt đầu từ cầu 19 tháng 5	Đường Võ Thị Sáu	2.500	3.350	3.350
59	Đường Trần Văn Bảy	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	2.500	3.350	3.350
60	Đường Lê Thị Riêng	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Bình Khiêm	2.500	3.350	3.350
61	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Thị Riêng	Đường Nguyễn Bình Khiêm	2.500	3.350	3.350
62	Đường Trần Kim Túc	Đường Trương Văn An	Đường Nguyễn Bình Khiêm	2.300	3.150	3.150
63	Đường Trương Văn An	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	2.300	3.150	3.150
64	Đường Phùng Ngọc Liêm	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Hưng Đạo	2.300	3.150	3.150
65	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Thị Riêng	2.300	3.150	3.150
66	Đường Thị Châm	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Thị Riêng	2.300	3.150	3.150
67	Đường Nguyễn Thị Mười	Đường Bùi Thị Trường	Đường Nguyễn Đình Chiểu	2.500	3.150	3.150
68	Đường Trần Văn Tấn	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lộc Ninh	2.300	3.150	3.150
69	Đường Nguyễn Thị Năm	Đường Trần Kim Túc	Đường Trần Văn Tấn	2.300	3.150	3.150
70	Đường Lộc Ninh	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Hưng Đạo	2.300	3.150	3.150
71	Đường Chu Văn An	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	2.300	3.150	3.150

72	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	2.300	3.150	3.150
73	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	2.300	3.150	3.150
74	Đường Nguyễn Trung Trực	Đầu đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Hưng Đạo	2.300	3.150	3.150
75	Đường Nguyễn Du (đường số 01)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Duẩn	2.300	3.150	3.150
	Đoạn nối giữa đoạn từ Cầu Lún đến Trung Tâm Y tế huyện Hồng Dân (Đường Ngô Quyền)					
76		Bắt đầu từ 0 km (đầu đường)	Đến đường dẫn cầu Gia Diễn (Lê Văn Đông)	700	800	800
77		Bắt đầu từ giáp ranh đất bồi thường đường dẫn cầu Gia Diễn (đất ông Lê Văn Đông)	Đến hết đường Ngô Quyền	550	620	620
	Khu III					
78	Đoạn nối giữa đường Ngô Quyền với lộ kênh nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Vui	Đến ranh đất bà Nguyễn Thị Ly	400	480	1.200
	Đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II					
79		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Thị Bé Sáu	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mười	1.400	1.700	1.700
80		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Mười	Đến hết sân Tennis	980	1.200	1.200
81		Bắt đầu từ hết ranh đất sân Tennis	Đến lộ Thống Nhất II	700	800	800
	Từ cầu Kinh nhỏ (quán Vinh Hạnh) đến Đình thần Nguyễn Trung Trực					
82		Bắt đầu từ cầu Kênh nhỏ	Đến cầu Chùa Ngan Dừa	440	500	500
83		Bắt đầu từ cầu Chùa Ngan Dừa	Đến hết đất ông Võ Văn So	370	420	420

84		Bắt đầu từ cầu Đoàn Thanh Niên	Đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	300	380	380
	Ngan Dừa -Ninh Hòa - Ninh Quới					
85		Bắt đầu từ lộ Thống Nhất II	Đến cầu Mới Bà Gông	600	700	700
86		Bắt đầu từ cầu Mới Bà Gông	Đến hết ranh thị trấn (Bãi rác)	500	580	580
87		Bắt đầu từ dốc cầu Gia Diễn	Đến ngã 4 đường Ngô Quyền	600	700	700
88	Trèm Trèm giáp Nội Ô	Bắt đầu từ Ngã Tư Ngô Quyền	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Nhiệm		1100	1100
89	Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất ông Lương Văn Được	Đến ranh đất ông Trần Quốc Nghiêm		800	800
90	Rạch Chùa	Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Thanh Tuấn	Đến ranh đất ông Trần Quốc Dũng		320	320
	Khu vực xã Lộc Ninh cũ					
	Ấp kênh xáng					
91		Bắt đầu từ cầu kênh Xáng (Miếu Ông Bồn)	Đến cổng Chèo	850	900	900
92		Bắt đầu từ cổng Chèo	Đến hết ranh đất Cây xáng Hoàng Quân	650	730	730
93		Bắt đầu từ ranh đất Cây xáng Hoàng Quân	Đến giáp Kinh thủy lợi ông Ca Văn Ngọc	500	600	600
94		Bắt đầu từ kênh thủy lợi ông Ca Văn Ngọc	Đến giáp xã Ninh Hoà (Cầu bà Hiên)	400	470	470
95		Bắt đầu từ cầu kênh Xáng (Miếu Ông Bồn)	Đến ranh đất Hăng nước đá Út Nhỏ	700	750	750
96	Ấp Đầu Sáu Đông	Bắt đầu từ Miếu Ông Bồn	Đến rạch đường Trâu (cổng Ông Cọn)	500	550	550
97	Ấp Đầu Sáu Đông	Bắt đầu từ rạch đường Trâu (cổng Ông Cọn)	Đến Cầu chùa Đầu Sáu	400	450	450
	Ấp Kênh Xáng					

98		Bắt đầu từ ranh đất Hăng nước đá Út Nhỏ	Đến hết ranh đất Hăng Nước đá Trần Tấn	550	600	600
99		Bắt đầu từ hết ranh đất Hăng nước đá Trần Tấn	Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Tan	500	550	550
100		Bắt đầu từ hết ranh đất ông Lâm Văn Tan	Đến Cầu Tám Tụi	400	450	450
101		Bắt đầu từ giáp cầu Tám Tụi	Đến giáp xã Vĩnh Lộc (hết ranh đất ông Hàng Văn Sinh)	300	350	350
102	Kênh Xáng Đầu Sáu Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lâm Thị Dũng	Đến ranh đất nhà bà Thị Diện	750	810	810
103	Đường dẫn Cầu Lộc Ninh - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Du	Đến giáp móng cầu Lộc Ninh - Ngan Dừa	750	810	810
104	Áp Đầu Sáu Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thị Diện	Đến giáp ranh xã Ninh Hòa	250	280	280
105	ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi	Bắt đầu từ ranh đất Trụ sở xã (giáp cầu ông Tân)	Đến hết ranh đất ông Lê Hoàng Chư	760	760	760
106	Áp Bà Ai I	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Lê Hoàng Chư	Đến cầu ông Lý Hoàng Thọ	390	440	440
107	Áp Bà Ai I, Tà Suôi	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hà Thị Sớm	Đến hết cầu nhà Năm Hiền	270	300	300
108	ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phương	Đến hết ranh đất ông Phôn (giáp xã NTL)	550	550	550
109	Áp Bà Ai I	Bắt đầu từ cầu 12000 (ranh ông Dện)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc	250	280	280
110	Áp Bà Ai I, II, Cai Giảng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lý Hoàng Thọ	Đến hết ranh đất Chùa Thành Thất	390	430	430
Áp Kênh Xáng, Đầu Sáu Tây						
111		Bắt đầu từ kênh Xáng (nhà ông Đình)	Đến hết ranh ông Danh Khum	250	280	280

112		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Văn Bình	Đến giáp ranh xã Ninh Hòa	250	280	280
113	Ấp Đầu Sáu Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Danh Khum	Đến giáp kênh Xáng Hòa Bình	250	280	280
114	ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi	Bắt đầu từ kênh 12000	Đến hết ranh đất ông Dện	500	500	500
115	Phước Hoà	Bắt đầu từ cầu Trường học Phước Hoà	Đến giáp thị trấn Phước Long (hết ranh đất ông Đoàn Văn Cơ)	300	340	340
116	Ấp Cai Giăng	Bắt đầu từ cầu ông Phôn	Đến hết ranh đất Chùa Cai Giăng (giáp xã Vĩnh Lộc)	300	340	340
117	Ấp Tà Suôi, Bình Dân	Bắt đầu từ cầu Tà Suôi (từ ranh đất ông Nguyễn Văn Sỏi)	Đến hết ranh đất ông Phan Minh Hoàng	300	340	340
118	Ấp Đầu Sáu Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Danh Phên	Đến giáp cầu Bà Ai 1 (Cầu Sắt)	280	300	300
119	ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Dện (Cầu kênh Xáng Hòa Bình)	Đến hết ranh đất ông Lưu Văn Súa	500	500	500
120	Ấp Bà Ai I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Văn Súa	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Cua	400	440	440
121	Ấp Bà Ai I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Cua	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đồng	350	380	380
122	Ấp Bà Ai I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đồng	Đến hết ranh đất ông Võ Hoàng Thọ	300	330	330
123	Ấp Bình Dân, Tà Suôi, Bà Ai I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Quel (kênh 6.000)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc (Bờ đông Kênh Hoà Bình)	300	330	330
124	Ấp Bình Dân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hai Hoàng	Đến giáp xã Ninh Hoà (đối diện nhà ông Danh Phal)	300	330	330

125	Ấp Cai Giăng - Phước Hoà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Cang	Đến hết ranh đất ông Đoàn Văn Cơ (đầu kênh 6.000)	300	330	330
126	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Phạm Văn Cả	Đến giáp cầu Trường học Phước Hoà	250	280	280
127	Ấp Bà Ai I	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã (giáp cầu ông Tân)	Đến cầu Thanh Niên (Rạch thầy Cai)	590	620	620
128	Ấp Tà Suôi	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên(rạch thầy Cai)	Đến cầu 1000 (ranh đất Nguyễn Văn Sura)	420	450	450
129	Ấp Cai Giăng	Bắt đầu từ cầu ông 7 Nhỏ	Đến giáp kênh 3 tháng 2	250	280	280
130	Tuyến Vĩnh Ninh - Ấp Kinh Xáng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đức	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc	250	280	280
Khu vực xã Ninh Hòa cũ						
Tuyến lộ 63 (DT78)						
131		Bắt đầu từ ranh đất Trạm Y tế	Đến Giáp ranh xã Ninh Quới A (Cầu 3.000)	350	380	380
132		Bắt đầu từ cầu 6.000 (Ninh Thạnh II)	Đến hết ranh đất bà Lê Thị Hương (giáp cầu 7.000)	400	450	450
133		Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Phi (cầu 7.000)	Đến Giáp ranh xã Lộc Ninh (hết ranh đất ông Trần Văn Bá)	360	400	400
Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới						
134		Bắt đầu từ ngã Ba cầu chữ Y	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Đức	400	440	440
135		Bắt đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng	Đến giáp thị trấn Ngan Dừa	300	340	340

136		Bắt đầu từ ngã ba cầu chữ Y	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Mừng	400	440	440
137		Bắt đầu ranh đất Lê Hoàng Thoại	Đến cầu Xéo Tràm	300	340	340
138		Bắt đầu từ cầu Xéo Tràm	Đến cầu Ninh Quới (cầu Ba Hùng)	300	340	340
Khu vực Cầu chữ Y						
139		Bắt đầu từ ngã ba Cầu Chữ Y	Đến hết ranh đất bà Võ Thị Mừng (Phía Đông)	400	440	440
140		Bắt đầu từ ngã ba Cầu Chữ Y	Đến hết ranh đất ông Võ Văn Đức (phía tây về Thị trấn Ngan Dừa)	400	440	440
141		Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Hoàng Thoại (về Ninh Quới)	Đến Cầu Xéo Tràm	300	340	340
142		Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng (về Thị trấn Ngan Dừa)	Đến Cống Bảy Ú	300	340	340
143	Tuyến Ninh Thạnh II - Tà Ky - Ninh Phước (phía có lộ nhựa)	Bắt đầu từ cầu 8.000 Ninh Thạnh II, bờ có lộ nhựa (từ ranh bà Cam)	Đến giáp Kênh Xáng Hoà Bình hết ranh đất bà Nguyễn Thị Cẩm)	250	280	280
Tuyến Ninh Phước - Tà Ốc - Ninh Thạnh II						
144		Bắt đầu từ ranh đất Trường Trương Vĩnh Ký (ngã 3 Ninh Phước) - Bờ Tây	Đến cầu 3.000 - ranh đất ông Hai Đại	250	280	280
145		Bắt đầu từ ranh đất ông Mười Sộp	Đến Cầu Bà Hiên thị trấn Ngan Dừa	260	300	300
Lộ nông thôn						
146		Bắt đầu từ cầu Chín Khanh (Ninh Thạnh I)	Đến Cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	250	280	280

147		Bắt đầu từ cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Mèo	250	280	280
148		Bắt đầu từ cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	Đến hết ranh đất ông Bảy Tý	280	310	310
149		Bắt đầu từ cầu Chữ Y - Bắt đầu từ ranh đất Huỳnh Văn Phận	Đến Cầu Ngan Châu	250	280	280
150		Bắt đầu từ ranh đất ông Lương Văn Cường	Đến hết ranh đất bà Đặng Thị Bé Hai	250	280	280
151		Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Rít	Đến Cống Lá Viết	280	300	300
152	Đường vành đai sông cái	Bắt đầu từ ranh đất Trần Phong Sắc (Vĩnh An)	Đến Cầu Ba Hùng (giáp Ninh Quới)	300	340	340
	Tuyến ngã tư Ninh An-Ninh Quới					
153		Bắt đầu từ ranh đất ông Võ Văn Hát	Đến Cầu ngã tư Ninh An (hết ranh đất bà Trần Thị Thích)	250	280	280
154		Bắt đầu từ cầu Rọc Lá (Ranh đất ông Võ Văn Nở)	Đến cầu Trung ương Đoàn (hết ranh đất ông Lương Văn Cường)	250	280	280
155		Bắt đầu từ trường Tuệ Tĩnh	Đến Cầu Xẻo Rô (hết ranh đất ông Phan Văn Danh)	250	280	280
156	Tuyến Út Xù	Bắt đầu từ cầu 6 Vạn (Ninh Thạnh I)	Đến hết ranh đất Danh Vân (Tà Ben)	250	280	280
157	Tuyến kênh Trương Hồ	Bắt đầu từ cầu Trương Hồ (Ninh Phước)	Đến hết ranh đất Trần Văn Tính (Trương Hồ)	250	280	280
	Tuyến Ninh Thạnh II - Tà Ky - Ninh Phước (phía không có lộ nhựa)					
158		Bắt đầu từ cầu 8.000 (bờ Tây Ninh Thạnh II)	Đến Cầu ông Tiếp (Tà Ky)	250	280	280
159		Bắt đầu từ cầu ông Tiếp (bờ Đông)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Út Chính - Kênh Xáng Hòa Bình	250	280	280

	Tuyến Kênh Xáng Hoà Bình					
160		Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Chiến Hiền (bờ Đông)	Đến hết ranh đất ông Danh Phan	250	280	280
161		Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Hậu (giáp TT Phước Long, bờ Tây)	Đến Giáp ranh xã Lộc Ninh (đất ông Trần Văn Chánh)	250	280	280
	Ấp Vĩnh An					
	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m					
162		Bắt đầu từ giáp ranh đất ông 2 Lũy (Tà Ben)	Đến giáp ranh đất ông Huỳnh Văn Khải (Vĩnh An)	250	280	280
163		Bắt đầu từ cầu Quốc Dân	Cầu Bảy Tâm	250	280	280
164		Nguyễn Văn Hồng - Bờ Đông	Đến hết ranh đất nhà bà Phan Thị Đẹp (ngã tư Sáu Bàng)	250	280	280
165		Bắt đầu nhà ông Lê Văn Trắng (ngã tư Sáu Bàng)	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Thành Công (giáp ranh Ninh Quới A)	250	280	280
166	Tuyến kênh Xẻo Tràm	Bắt đầu từ cầu Xẻo Tràm (Trà Men)	Đến cống Xẻo Tràm	250	280	280
167	Ấp Ninh Thạnh II	Bắt đầu từ cầu 6000 (nhà ông Bùi Văn Nho)	Đến hết ranh nhà ông Đặng Văn Vọng	250	280	280
168	Tuyến Hào Hai	Bắt đầu từ cầu Hào Hai (Nhà ông Nguyễn Văn Vũ)	Đến hết ranh nhà ông Lê Văn Nghĩa (8 Nghĩa)	250	280	280
169	Ấp Tà Ky - Tuyến Kinh Cùg	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Nhiệm	Đến hết ranh nhà ông Phan Văn Bòn	250	280	280

170	Ấp Tà Ky - Tuyến Xóm Lá	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Hoàng Huỳnh	Đến kênh 9000 giáp ranh xã Lộc Ninh	250	280	280
171	Tuyến Kênh Ranh (Ninh Định -Ninh An)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trương Thị Hộ	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Tới	250	280	280
172	Tuyến 9000	Bắt đầu từ ranh đất Công An Huyện	Đến nhà ông Phan Út Lớn		280	280
II	XÃ NINH QUỚI (gồm xã Ninh Quới và xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân cũ)					
	<i>Khu vực xã Ninh Quới cũ</i>					
	Ấp Phú Tân					
173		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Phương	Đến cầu 30 tháng 4	450	490	540
174		Bắt đầu từ cầu 30 tháng 4	Đến cầu Bà Âu	250	280	500
175		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Sách	Đến hết ranh đất ông Quách Văn Tạo	360	390	530
176		Bắt đầu từ ngã tư chợ Ninh Quới (Nguyễn Ngọc Ẩn)	Đến hết ranh đất ông Trịnh Văn Ty	360	400	400
177		Bắt đầu từ cầu chợ Ninh Quới	Đến hết ranh đất công	400	440	1.150
178		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sử Văn Khuyên	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quận	350	390	390
179		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Thủy	Đinh thần Nguyễn Trung Trực	280	300	300
180		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Khanh	Đến 1/2 ranh đất ông Danh Chanh	250	280	280
181		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Thủy	Đến hết ranh đất ông Trần Hoàng Em	280	300	300

182		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trần Thị Hai (cầu giáp ranh Ninh Hòa)	Đến hết ranh Thái Đức Hồng	350	390	390
183	Ấp Ninh Phú	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Giỏi	Đến Đình thần Nguyễn Trung Trục	280	300	300
184	Ấp Ninh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuyết Dương	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thề (Cầu giáp Ninh Quới A)	280	300	300
185	Ấp Ninh Bình	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Thếp	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Dọt	280	300	300
186	Ấp Ngọn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Còn	Đến hết ranh ông Đặng Văn Thạch	280	300	300
187	Ấp Vàm	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Thạch	Đến cầu Bà Âu	280	300	300
	Ấp Ninh Điền					
188		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Diệp Văn Út	Đến hết ranh đất ông Phan Văn Còn	280	300	300
189		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trương Văn Thắng	Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Lô	280	300	300
190		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Be	Đến hết ranh đất ông Chiến	280	300	300
191	Ấp Ninh Thành	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Quận	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thuần	280	300	300
192	Ấp Ninh Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Sơn	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thuần	260	280	280
193	Kênh Trà Đốt	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Ngự	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Văn	260	280	280
194	Tuyến Lung Phèn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Thu	Đến hết ranh đất ông 6 Chem	280	300	300
	Ấp Ngọn					
195		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Tư (Tư Rút)	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Nghị (Bờ Tây)	250	280	280

196		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Tư (Tư Rút)	Đến hết ranh đất ông Huỳnh Trung Liên	280	300	300
197		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 2 Trà	Đến hết ranh đất ông Trần Hoàng Thọ	280	300	300
	Ấp Ninh Tân					
198		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Nghị (Bờ Tây)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sự	280	300	300
199		Bắt đầu từ cầu 2 Ân	Hết ranh thửa đất ông Nguyễn Văn Cuối	280	300	300
	Ấp Ngan Kè					
200		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Hùng Dũng	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Hường	280	300	300
201		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 7 Lạc	Đến hết ranh đất ông 7 Nỹ	280	300	300
202	Tuyến Kênh Ngan Kè	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Chí Nguyên	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Giới	280	300	300
203	Ấp Xóm Tre	Bắt đầu từ cầu 7 Cầm	Hết ranh thửa đất ông 6 Tiến	280	300	300
204	Tuyến Cây Me	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 4 Ngàn	Kênh Cây Me	280	300	300
205	Ấp Ninh Thành	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Trứ	Đến ranh đất ông Lâm Mười Lớn	280	300	300
	Khu vực xã Ninh Quới A cũ					
206	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Vinh (ông 7 Chành)	Đến hết ranh đất Bà Nguyễn Thị Lan	600	650	650
207	Bờ bắc Kênh Quản Lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ giáp ranh đất Bà Nguyễn Thị Lan	Đến ấp Phước Hoà Tiên - Thị trấn Phước Long	500	570	570
208	Đường bờ bắc Kênh Quản lộ	Bắt đầu từ trạm giao thông đường thủy huyện Hồng Dân	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Ri (ấp Ninh Lợi)	500	570	570

209	Đường bờ nam Kênh QL (Chợ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Tài	Đến cầu Rạch Cũ (ông Lý Ích)	1.500	1.750	1.750
	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)					
210		Bắt đầu từ chùa Hưng Thiên Tự	Đến hết ranh đất ông Lưu Minh Trung	500	560	560
211		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Minh Trung	Đến hết ranh đất kho lương thực	450	520	520
212		Bắt đầu từ hết ranh đất kho lương thực	Đến giáp ranh phường 3, TX. Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng	400	450	450
213		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Xiểu	Hướng Cầu Sập giáp cầu 3 Đê	500	560	560
214		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ba Hòn	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Hùng	450	520	520
215	Kênh xóm Chùa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Châu	Đến Quản Lộ Phụng Hiệp	300	340	340
216	Đường lộ hậu sau chợ	Bắt đầu từ trụ Sở xã Ninh Quới A (Trụ Sở cũ)	Đến đường Cầu Mới Ninh Quới A	1.000	1.150	1.150
	Đường Phía Tây Ninh Quới - Cầu sập					
217		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phải	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Luôn	1.000	1.150	1.150
218		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Liệt	Đến hết ranh đất ông Diệp Bình Hồng	900	1.000	1.000
219		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Khải	Đến hết ranh ông Nguyễn Văn Việt	800	860	860
220		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Đặng	Đến cầu Chín Tôn (giáp huyện Phước Long)	700	760	760
	Đường Phía Tây Ninh Quới A - Ngan Dừa					
221		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hiệp	Đến cầu 3 Gió	500	550	550
222		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Ủ	Đến Ninh Thạnh II xã Ninh Hoà (cầu 3.000)	350	380	380

	Đường Phía Đông Ninh Quới - Ngan Dừa					
223		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Phiếng	Đến hết ranh đất ông Lê Thanh Hải	500	550	550
	Đường phía Bắc Ninh Quới A - Vĩnh Quới - Sóc Trăng					
224		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Biểu	Đến giáp ranh xã Vĩnh Quới, Ngã Năm, Sóc Trăng	350	380	380
	Đường phía Đông Ninh Quới A - Ngan Dừa					
225		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Vân	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Đức	400	440	440
226		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Điện	Đến hết ranh đất ông Trương Văn Hải	320	360	360
227		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Mai Thị Vân	Kênh Mười Sộp	300	350	350
	Các tuyến lộ nhựa 2m					
228		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ	Đến hết ranh đất ông Huỳnh Thanh Dân (ấp Ninh Tiến)	250	280	280
229		Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Sắc	Đến Nhị tỳ Ninh Hiệp (giáp ranh xã Mỹ Quới)	300	330	330
230		Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Lệ	Đến Chùa Chệt Sĩa (giáp ranh xã Mỹ Quới)	250	280	280
231		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đỗ Thị Sáng	Đến hết ranh đất ông Lê Văn Diêu (ấp Ninh Hiệp)	300	330	330
232		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Đăng Thêm	Đến hết ranh đất ông Hồng Văn Khởi (Vàm tư Tảo)	250	280	280
233		Bắt đầu từ cầu Chín Diêu	Đến hết ranh đất ông Danh Thượng (Ninh Chùa)	250	280	280
234		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Phương	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quang (cầu 3 Tài)	250	280	280

235		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mai Văn Sanh	Đến hết ranh đất ông Lê Bửu Trang	350	380	380
	Đường cầu mới Ninh Quới A					
236	Đoạn nối giữa đường Ngan Dừa - Ninh Quới A (Lộ 63)	Bắt đầu từ 0m (tính từ mép Lộ 63)	Đến hết ranh đất Miếu ông Bồn	500	560	1.344
237	Đoạn nối giữa đường Ninh Quới A - Cầu sập	Bắt đầu từ 0m (tính từ mép lộ đường Ninh Quới A - Cầu Sập)	Đến cầu Mới Ninh Quới A	700	780	780
238	Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ ranh đất ông Ba Ta	Đến cống Hai Quan	600	680	680
239	Đường Dẫn Cống âu thuyền	Bắt đầu từ cống Âu Thuyền	Đến cống phân ranh mặn ngọt: Cầu Sập - Ninh Quới	350	390	390
240	Đường Lộ Hậu	Bắt đầu từ đường Cầu Sập - Ninh Quới	Đến cầu Rạch Cũ	500	560	560
241	Đường Lộ Mới trụ sở xã Ninh Quới A	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã Ninh Quới A (từ ranh nhà ông Thọ)	Đến đường Cầu Sập - Ninh Quới (chợ mới)	1.000	1.150	1.150
242	Kênh 3/2	Bắt đầu từ cầu 3/2	Đến hết ranh đất nhà bà Cao Thị Ngân		280	280
243	Kênh ba Đồng	Bắt đầu từ cầu 3 Tài	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngọc		280	280
244	Cầu 7 Mai	Bắt đầu từ ranh đất bà Võ Thị Anh Đào	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn On		280	280
245	Kênh Le Le (đường phía Nam)	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Thanh Hải	Đến hết ranh đất ông Đặng Thành Việt		280	280
246	Kênh Le Le (đường phía Bắc)	Bắt đầu từ ranh đất bà Lê Thị Tú Em	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Phấn		280	280
247	Kênh Le Le (đường phía Nam)	Bắt đầu từ ranh đất ông Phạm Văn Nghiệp	Đến hết ranh đất ông Trần Thanh Hải		280	280

248	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Đăng	Đến hết ranh đất ông Cao Trung Đương		280	280
249	Kênh 6 Tào	Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Nhuận	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Thúc		280	280
250	Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Vũ Phưởng	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Xem		280	280
III	XÃ NINH THẠNH LỢI (gồm xã Ninh Thạnh Lợi và xã Ninh Thạnh Lợi A, huyện Hồng Dân cũ)					
	Khu vực xã Ninh Thạnh Lợi cũ					
	Tuyến Ninh Thạnh Lợi - xã Toàn					
251		Bắt đầu từ ranh đất Trụ sở UBND xã (ông Phạm Văn Bạch)	Đến hết ranh đất chùa Bửu lâm	500	560	1.330
252		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Nho	Đến hết ranh đất ông Võ Văn Chùng	300	450	450
253		Bắt đầu từ ranh đất bà Ngô Diệu Dễ	Đến hết ranh đất ông Võ Văn Oai	300	400	400
254		Bắt đầu từ ranh đất bà Đào Thanh Phương	Đến hết ranh đất ông Lục Văn Nghị	300	350	350
255		Bắt đầu từ ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Huyền	Đến cầu Vàm Xẻo Gừa	300	300	300
256		Bắt đầu từ ranh đất bà Phạm Thị Lạc (đối diện trụ sở UBND xã)	Đến hết ranh đất ông Đinh Văn Giới	450	490	490
	Tuyến Ninh Thạnh Lợi - xã Toàn					
257		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Răng	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Khanh (đầu kênh)	350	390	390
258		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Thuận (đầu kênh 13.000)	Đến hết ranh đất ông Lê Văn Sĩ (đầu kênh 14.000)	280	300	300

259		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Tùng (đầu kênh 14000)	Đến hết ranh đất ông Trần Bách Chiến	250	280	280
260		Bắt đầu từ ranh đất Trụ sở UBND xã	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mới	500	560	560
261		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quách Văn Lãng	Đến hết ranh đất ông Trần Xiêm	450	490	490
262		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quách Văn Khải	Đến giáp cầu kênh 10.000 (Kos Thum) Danh Cáo	400	450	450
263		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Hoàng Phên (đầu kênh 10.000)	Đến hết ranh đất ông Danh Hoàng Phên (kênh 6.000 giáp xã Phước Long)	350	380	380
264		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Phạm Thị Lạc (đối diện trụ sở UBND xã)	Đến hết ranh đất ông Ngô Diệu Liêm	450	490	490
265		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Thành	Đến hết ranh đất ông Quách Văn Nghiêm (đầu kênh 13.000)	350	390	390
266		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Quốc Bảo	Đến đầu Kênh 12.000 (giáp xã Ninh Thạnh Lợi A)	300	350	350
267	Khu Trung tâm chợ xã	Bắt đầu từ ranh đất ông Võ Văn Nghi (đọc theo tuyến Lộ Ninh - Ninh Thạnh Lợi)	Đến hết ranh đất ông Tăng Thanh Bình	500	550	550
Tuyến lộ nội bộ xã						
268		Từ Ngã ba lộ nội bộ (giáp phần đất ông Lưu Hùng Liệt)	Đến trước ngã ba lộ chợ (nhà ông Nguyễn Hoàng Tân)	700	770	770
269		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiến	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hay	700	770	770

270	Tuyến vàm Xẻo Gừa -Cái Chanh -Cạnh đèn	Bắt đầu từ giáp móng cầu vàm Xẻo Gừa - Cây Cui qua ấp Cây Cui	Đến hết ranh đất ông Trương Thanh Hà (cầu Kênh 14.000)	250	280	280
	Tuyến Cạnh đèn - Phó Sinh					
271		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông bảy Nhờ (đầu kênh Dân Quân - giáp ranh xã Ninh Thạnh Lợi A)	Đến ranh đất ông Trương Minh Hùng	400	450	450
272		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trương Minh Hùng	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Nghĩa (đầu kênh 14.000)	350	390	390
	Tuyến Kênh Dân Quân					
273		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quách Văn Nam	Đến hết ranh đất ông Lê Văn Tuấn	400	450	450
274		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Lê Văn Tuấn	Đến ranh đất ông bảy Nhờ (cầu kênh Dân Quân - giáp ranh xã NT Lợi A)	350	390	390
275	Tuyến Kênh 3/2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khải	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Bó (đầu kênh ông Danh Kẹo) Phía Tây	300	340	340
	Tuyến kênh 3/2 (phía đối diện lộ 3/2)					
276		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Điền Côn - (đầu kênh ông Danh Kẹo) - phía Đông	Đến hết ranh đất ông Phạm Phước Hương	250	280	280
277		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Bó (dọc theo kênh ông Kẹo)	Đến hết ranh đất ông Quách Văn Chiến	250	280	280
278		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trần Mỹ Án (cầu kênh ranh)	Đến cầu kênh Cộng Hòa Giáp xã Lộc Ninh (hết ranh đất ông Lại Văn Nhịn)	300	340	340
	Tuyến Kênh Ranh					

279		Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Quốc Toàn (giáp cầu kênh ranh)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hải	350	380	380
280		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Thanh Hiền	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Khoa (đầu kênh Bùng Bình)	300	380	380
281		Bắt đầu từ ranh cầu Bùng Bình	Đến hết ranh đất Trg. TH Nguyễn Văn Huyền (Ngô Kim)	280	300	300
282	Tuyến Kênh Ranh	Bắt đầu từ phần đất ông Phạm Ngọc Diệp	Đến ranh đất ông Trương Quang Ba	250	280	280
283	Tuyến kênh Cộng Hoà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thành (kênh Cai Giăng Vàm)	Hết ranh đất ông Trần Văn Cang - Đầu kênh 6.000 (giáp xã Phước Long)	380	420	420
Tuyến Cai Giăng - Vàm Chùa - Ngô Kim - Cây Cui						
284		Bắt đầu từ ranh đất Trần Văn Uẩn (điểm áp Cai Giăng)	Đến hết ranh đất ông Trần Quốc Lâm (Cầu Xã Sang)	350	380	380
285		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Quốc Thống (cầu Xã Sang)	Đến hết ranh đất ông Trương Quang Ba (cầu kênh ranh)	300	330	330
286	Tuyến Kênh Dân Quân	Bắt đầu từ đầu kênh ông Yêm (giáp xã NTLợi A)	Đến hết ranh đất ông Lý Văn Vũ - Giáp ranh Ninh Thạnh Lợi A	250	280	280
287	Tuyến Kênh 6.000 Phía Bắc	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Danh Hoàng Phên (Cầu kênh 6.000)	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Cang (kênh Cộng Hòa)	300	330	330
Tuyến Kênh 7.000 (áp Cai Giăng + Ninh Thạnh Đông)						
288		Bắt đầu từ hết ranh đất ông Nguyễn Văn Chiến - đầu cầu 7.000 (Bờ Tây)	Đến hết ranh đất ông Thái Văn Bạch	300	340	340

289		Bắt đầu từ hết ranh đất ông Thái Văn Bạch (đầu cầu kênh 7.000 - Bờ Đông)	Đến hết ranh đất ông Trần văn Quân	280	320	320
	Kênh 8.000 (ấp Cai Giăng)					
290		Bắt đầu từ hết ranh đất Bà Võ Thị Diệu (bờ Tây)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lòi	300	340	340
291		Bắt đầu từ hết ranh đất ông Võ Văn Buôl (đầu cầu kênh 8000 - Bờ Đông)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quân	280	300	300
	Tuyến Kênh 9.000 (ấp Kos thum)					
292		Bắt đầu từ hết ranh đất ông Tăng Bình (Bờ Tây)	Đến hết ranh đất ông Mười Nhỏ	280	300	300
293		Bắt đầu từ hết ranh đất bà Trần Thị Luối (bờ Đông)	Đến hết ranh đất ông Châu Văn Hội	280	300	300
	Tuyến Kênh 10.000 (ấp Kos Thum)					
294		Bắt đầu từ hết ranh đất ông Danh Mộ	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Xuân Hồng (phía tây kênh Cộng Hòa)	250	280	280
295		Bắt đầu từ hết ranh đất ông Tăng Đờ Ra	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Xuân Hồng (hướng đông kênh Cộng Hòa)	300	330	330
296	Tuyến Kênh Cai Giăng (hai bên)	Từ hết ranh đất ông Trần Xón	Đến hết ranh đất ông Cao Văn Thành	280	300	300
	Tuyến Kênh xã Sang					
297		Từ hết ranh đất ông Danh Cáo (ấp KosThum)	Đến giáp ranh đất ông Trần Quốc Thống (cầu Xã Sang)	300	330	330

298		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thị Đậm (ấp KosThum) - Bờ Tây	Đến hết ranh đất ông Trần Quốc Lâm (cầu Xã Sang)	250	280	280
	Tuyến Tà Hong					
299		Từ ranh đất ông Danh Cảnh (ấp Kos Thum) - Bờ Tây	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Quân (hướng Tây kênh Cộng Hòa)	400	440	440
300		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Nhiếp (ngang chùa Kos Thum) - Bờ Đông	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nguyễn (đầu kênh 7.000)	300	340	340
	Tuyến Vành đai Kos Thum Ninh Thạnh Tây					
301		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quách Văn Bình	Đến hết ranh đất ông Đặng Hữu Tâm	300	340	340
302		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Ánh (đọc theo lộ nhựa)	Đến ranh đất nhà ông Danh Xương (cầu chùa Kos Thum)	400	450	450
303		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quách Kía	Đến hết ranh cầu Giác Dao (Tăng Bạch)	300	330	330
304		Bắt đầu từ ranh đất Lý Văn Liếp (đọc theo xóm 3)	Đến hết ranh đất ông Danh Nhị	280	300	300
305		Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Khêl	Đến hết ranh đất ông Danh Thol	280	300	300
	Tuyến Bùng Bình ấp Xẻo Gừa					
306		Bắt đầu từ ranh đất nhà Lê Văn Tú (Vàm Xẻo Gừa)	Đến hết ranh đất bà 9 Ky	250	280	280
307		Bắt đầu từ ranh đất nhà của ông Nguyễn Văn Đèo	Đến hết ranh đất của ông Sáu Sài - Cầu Bùng Bình	250	280	280
	Tuyến Kênh Hào Xĩa					

308		Bắt đầu từ ranh đất ông 3 Em (Đầu kênh)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Trang (cuối kênh)	250	280	280
309		Bắt đầu từ ranh đất nhà của ông Nguyễn Văn Hôn (Đầu kênh)	Đến hết ranh đất ông Thu (cuối kênh)	250	280	280
	Tuyến kênh Cây Mết					
310		Bắt đầu từ cầu ông Út Quấn (áp Cây Mết)	Đến hết ranh đất bà Nguyễn Thị Bé Năm (Cai Giăng)	250	280	280
311		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Thừa	Đến hết ranh đất ông Từ Văn Như (giáp kênh Cai Giăng)	250	280	280
	Tuyến Kênh Đồn					
312		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Thịnh	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Tuấn	250	280	280
313		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Nghĩa	Đến hết ranh đất ông Lê Hoàng Hiến	250	280	280
314	Kênh Tập Đoàn	Cầu ông Yêm	Đến giáp ranh Ninh Thạnh Lợi A	250	280	280
315	Kênh 12.000	Bắt đầu từ ranh nhà ông Trần Hồng Dân (cầu Kênh 12000)	Đến giáp ranh Ninh Thạnh Lợi A (cầu bà Chưng)	250	280	280
	Tuyến Kênh 14					
316		Bắt đầu từ đất ông Trần Thanh Hóa (bờ Đông)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lâm		280	280
317		Bắt đầu từ đất ông Nguyễn Thanh Tạo (bờ Tây)	Đến giáp ranh đất ông Lê Văn Biểu		280	280
	Tuyến Kênh 15					

318		Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Sĩ (bờ Đông)	Đến ranh đất ông Trương Văn Chính		280	280
319		Bắt đầu từ ranh đất bà Nguyễn Thị Ngọc Thu (bờ Tây)	Đến ranh đất ông Trần Văn Nghĩa		280	280
	Khu vực xã Ninh Thạnh Lợi A cũ					
	Kênh Cạnh Đền - Phó Sinh					
320		Bắt đầu từ cầu Kênh Dân Quân	Đến giáp Cổng chào xã Phước Long (đất ông Khuê)	350	380	380
321		Bắt đầu từ ngã tư Cạnh Đền (từ ranh đất ông Huỳnh Văn Hà)	Đến cầu kênh dân quân (hết ranh đất bà Mát)	400	440	440
322		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Nhờ (cầu kênh Dân Quân)	Đến kênh 6.000 (hết ranh đất ông Nguyễn Văn Của giáp xã Phước Long)	350	380	380
	Tuyến Cạnh Đền					
323		Bắt đầu từ ngã tư cạnh đền (từ ranh đất ông 7 Cừ)	Đến đường dẫn vào cơ quan xã (Giáp ranh đất bà Nguyễn Thị Cẩm Như)	400	430	430
324		Đến đường dẫn vào cơ quan xã (Giáp ranh đất bà Nguyễn Thị Cẩm Như)	Từ ranh đất Chùa Phong Lợi Tự	350	380	380
325		Bắt đầu từ ranh đất Chùa Phong Lợi Tự	Đến Cầu kênh Dân Quân (hết ranh đất ông Sáu Dộp)	350	380	380
326	Kênh Ninh Thạnh Lợi	Bắt đầu từ kênh 12000 (từ ranh đất ông Út Lồng Đền)	Đến Cầu kênh 6.000 giáp xã Phước Long (Vũ Thanh Tòng)	300	340	340
327	Kênh 20 ấp Thống Nhất-kênh 8.000	Bắt đầu từ cầu Kênh Ngan (từ ranh đất bà Đỗ Thị Húl)	Đến giáp Kênh xáng Xã Thoàn (hết ranh đất trường Trần Kim Túc)	300	340	340

328	Kênh 8.000	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Năm Hèm	Đến Cầu Kênh Ngan (hết ranh đất bà Nguyễn Thị Qui)	350	390	390
329	Kênh ông Yêm	Bắt đầu từ cầu kênh thủy lợi giáp xã Ninh Thạnh Lợi (Danh U'ol)	Đến Kênh 13.000 (Danh Dẹp)	300	340	340
	Kênh Dân Quân					
330		Từ Cầu Kênh Dân Quân (từ ranh đất nhà ông Thanh)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Thành Nghiệp	350	380	380
331		Bắt đầu từ hết ranh đất ông Nguyễn Thành Nghiệp	Đến hết ranh đất Miếu ông Tà	300	330	330
332	Kênh 12.000	Bắt đầu từ ranh đất Ông Tám Dô	Đến giáp ranh đất xã Ninh Thạnh Lợi (hết ranh đất ông Danh Huol)	250	280	280
333	Kênh 6.000	Bắt đầu từ kênh xáng Nhà Lầu (từ ranh đất ông ba Quẩn)	Đến giáp ranh xã Phước long (cột mốc ranh xã Phước Long)	350	380	380
334	Tuyến Bắc Kênh Dân Quân	Bắt đầu từ cầu Kênh Dân Quân (Hết ranh đất bà Mát)	Đến hết ranh đất ông Hai Hùng	350	380	380
335	Tuyến Kênh Cạnh Đèn	Bắt đầu từ cầu Kênh Dân Quân (từ ranh đất bà Thủy)	Đến Kênh Tập Đoàn (hết ranh đất Huyện đội)	300	340	340
336	Tuyến Phía Bắc Kênh 6.000	Bắt đầu từ kênh 6.000 (từ ranh đất ông Khánh)	Đến kênh xáng Xã Thoàn (hết ranh đất ông Vũ Thanh Tòng)	300	340	340
337	Tuyến kênh 10.000	Bắt đầu từ kênh Xã Thoàn - từ ranh đất nhà ông Nguyễn Việt Hải	Đến Bưu điện Văn hóa - ấp Nhà Lầu 1	250	280	280
IV	XÃ VĨNH LỘC (Gồm xã Vĩnh Lộc và xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân cũ)					
	Khu vực xã Vĩnh Lộc cũ					
	Chợ Cầu Đò					

338		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đinh Thị Tuyết	Đến hết ranh đất ông Bùi Văn Minh	850	940	2.100
339		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Văn Mùi	Đến cầu Trạm Y Tế	710	800	850
340		Bắt đầu từ đội Thuế (từ ranh đất đội thuế xã)	Đến hết ranh đất bà Nguyễn Hồng Nhan	850	940	2.200
341		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Hoàng Nay	Đến hết ranh đất bà Nguyễn Hồng Tươi	580	700	700
342		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Út Ba	Đến hết ranh đất nhà bà Hoàng Kim Oanh (tính cả 2 bên)	500	700	700
343		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đinh Văn Tâm	Cầu Ngan Dọp	300	340	340
344		Bắt đầu từ cầu Ngan Dọp	Đến Cầu nhà Võ Thị Á	300	500	500
345		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Thanh Giáp	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Thành Trung (khu chữ U)	850	920	920
	Đường Liên xã					
346		Bắt đầu từ ngã 3 - ranh đất ông Phạm Văn Sự	Đến Cầu Trắng Hoà Bình	350	500	500
347		Bắt đầu từ cầu Trắng Hoà Bình	Đến Cầu Chùa Sơn Trắng	280	350	350
348		Bắt đầu từ cầu Chùa ấp Sơn Trắng	Đến Giáp xã Lộc Ninh	280	350	350
349	Tuyến đường Trèm Trèm	Bắt đầu từ trụ sở ấp Sơn Trắng	Đến hết ranh đất ông Đồng Văn Xuyên (cuối lộ)	250	280	280
350	Tuyến Lung Chích	Bắt đầu từ cầu Lung Chích	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Lực - Kênh Xáng Hòa Bình	250	280	280
351	Tuyến kênh Tây Ký	Bắt đầu từ cầu Trắng Hoà Bình	Đến hết ranh đất ông Tượng	250	280	280

352	Bờ Tây kênh Tây Ký (hướng Đông)	Bắt đầu từ ranh đất nhà máy xay xát lúa gạo ông Đơ	Đến hết ranh đất ông Sáu Lùng	250	280	280
353	Kênh Sóc Sáp	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chín Đức	Đến ngã tư Sóc Sáp	250	280	280
354	Kênh Chín Cò	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuấn Nhi	Đến hết ranh đất trường tiểu học Nhựt Cầm	250	280	280
355	Kênh Lộ xe	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Nững	Đến hết ranh đất ông Hà Văn Thắng	250	280	280
356	Tuyến rạch Bà AI	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Lùng	Đến hết ranh đất nhà ông Lưu Văn Xuân	250	280	280
Kênh Xáng Hòa Bình						
357		Bắt đầu từ ranh đất ông Mung	Đến hết ranh đất nhà ông Hà Văn Vẹn (tính hai bên Kênh Xáng)	250	280	280
358		Bắt đầu từ trạm Y Tế	Hết ranh đất nhà ông Phong	300	340	340
359	Kênh Ngang	Bắt đầu từ lộ Chín Cò ranh đất ông Nguyễn Quốc Tuấn	Đến hết ranh đất nhà Ông Được	250	280	280
360	Kênh Tư Bời	Bắt đầu từ kênh Xáng Hoà Bình	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Phong	250	280	280
361	Kênh Vĩnh Ninh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hồ Văn Nhàn	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Phương - giáp xã Lộc Ninh	250	280	280
362	Kênh Ba Quy	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Hòa	Cầu Ba Quy	250	280	280
363	Tuyến Lộ Xe - Cựa Gà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Công Định	Đến giáp móng cầu Võ Thị Á (giáp xã Vĩnh Lộc A)	250	300	300
364	Tuyến Hai Thiệu	Bắt đầu từ cầu Hai Cát	Đến kênh Xáng Hòa Bình	250	280	280

365	Tuyến Kênh Trạm Y Tế	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Hạnh	Đến hết ranh đất nhà ông Định Văn Dũng	250	400	400
366	Lộ Mới đoạn nối Vĩnh Lộc - Vĩnh Lộc A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Ngọc	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Phương	250	500	500
367	Tuyến đường Cột	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 8 Nên	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Thi	250	280	280
Khu vực xã Vĩnh Lộc A cũ						
Tuyến khu vực chợ						
368		Bắt đầu từ ranh đất ông Ba Thắng (ngã ba vào chợ)	Đến Cầu Chùa	2.200	2.550	2.550
369		Bắt đầu từ trụ sở ấp Ba Đình	Đến hết ranh đất Bưu điện	2.200	2.550	2.550
370		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nhứt	Đến hết ranh đất ông Hòa Cuội	2.200	2.550	2.550
371		Bắt đầu từ ranh đất Ông Siêu	Đến hết ranh đất Quán nước ông Tỷ	2.200	2.550	2.550
372		Bắt đầu từ ranh đất ông Bảy Ràng	Đến hết ranh đất ông Mười Hề	500	1.500	1.500
373	Tuyến Bến Bào về Ba Đình	Bắt đầu từ ranh đất ông Tiêu Chí Long	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tỷ	300	500	500
374	Tuyến Vĩnh Lộc-Vĩnh Lộc A	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã	Đến Giáp xã Vĩnh Lộc	300	360	360
375	Tuyến kênh lộ xe (Bờ đông)	Bắt đầu từ ranh đất ông Chín Kia	Đến hết ranh đất ông Lâm Ngọc Thi	250	280	280
376	Tuyến kênh lộ xe (Bờ Tây)	Bắt đầu từ ranh đất ông Chín To	Đến hết ranh đất nền đồn cũ	250	280	280
377	Sông Cá Chanh	Bắt đầu từ ranh đất ông Tư Lan	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Sáng	250	280	280
378	Tuyến đầu Kênh Mới	Bắt đầu từ ranh đất ông Chín Kia	Đến hết ranh đất ông Nguyên	250	280	280

379	Kênh Sóc Sáp	Bắt đầu từ trường TH Nguyễn Trường Tộ	Hết ranh ông Trần Văn Chương	250	280	280
380	Tuyến đầu Kênh 3	Bắt đầu từ ranh đất ông Hào	Đến hết ranh đất ông Chanh	250	280	280
381	Lộ Bình Lộc	Bắt đầu từ ranh đất ông Dương Văn Ba	Đến hết ranh đất Bến Luông	260	300	300
382	Tuyến kênh 8 Lang	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Kịch	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Sĩ	260	300	300
383	Tuyến kênh Giữa	Bắt đầu từ ranh đất ông Bảy Hón	Đến hết ranh đất điểm Trường Nguyễn Trường Tộ	250	280	280
384	Kênh Chuối	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đỗ Hoàng Hên	Đến giáp đất ông Đinh Văn Nguyễn	250	280	280
385	Kênh Tám	Bắt đầu từ cầu Kênh Tám	Đến giáp Kênh giữa	250	280	280
386	Kênh Bà Từ	Bắt đầu từ cầu Út Nhỏ	Đến giáp Kênh Bến Bào	250	280	280
387	Kênh Mười	Bắt đầu từ cầu Cây Khô	Đến giáp Kênh giữa	250	280	280
388	Sông Cái Tàu	Bắt đầu từ cầu Kênh 7	Đến hết ranh nhà ông Trần Văn Khoa	250	280	280
389	Kênh Lô	Bắt đầu từ cầu kênh Lô	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Kiệt	250	280	280
Ô Đê Bao						
390		Bắt đầu từ ranh đất bà Phan Kim Dol	Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Đèo		280	280
391		Bắt đầu từ ranh đất ông Ngô Văn Sáng	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Bền		280	280
392	Kênh Chín Hý	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Lâm	Đến ranh đất ông Đinh Văn Nguyễn		280	280

PHỤ LỤC 05: Bảng giá đất ở trên địa bàn Phường Giá Rai, Phường Láng Tròn và xã Phong Thạnh (thuộc địa bàn thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu cũ)
(kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

					Đơn vị tính: 1.000đ/m ²	
STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024 theo QĐ số 28/2021/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh 2023 theo QĐ số 40/2023/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh năm 2025
		Điểm đầu	Điểm cuối			
I	PHƯỜNG GIÁ RAI (gồm Phường 1, Phường Hộ Phòng, xã Phong Thạnh và xã Phong Thạnh A, thị xã Giá Rai cũ)					
	Khu vực Phường 1 cũ					
	Quốc lộ 1					
1		Tim Cống Lầu	Tim Cống Ba Tuyền	1.800	2.500	7.200
2		Tim Cống Ba Tuyền	Cầu Nọc Nặng	2.800		8.400
3	Đường lộ cũ (Trụ sở Khóm 2)	Đường Giá Rai - Gành Hào	Cống Ba Tuyền	550	750	1.450
	Đường Giá Rai-Gành Hào					
4		Ngã ba (Quốc lộ 1)	Cầu Giá Rai - Gành Hào	1.000	1.500	2.900
5		Cầu Giá Rai - Gành Hào (Cầu Đình 1)	Cầu Rạch Rắn 1	750	1.200	1.800
6		Cầu Giá Rai - Gành Hào (Cầu Đình 2)	Cổng Chùa mới	750	1.200	1.800
7	Phan Thanh Giản	Lê Lợi	Cầu Đình	1.000	1.200	2.350
8	Nguyễn Huệ	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	1.000	1.200	2.350
9	Trung Trắc	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	1.000	1.200	2.350
10	Trung Nhị	Nguyễn Thị Lượm	Trần Hưng Đạo	750	800	1.500
		Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	1.000	1.100	2.100
	Trần Hưng Đạo					

11		Cầu Giá Rai - Gành Hào	Tìm đường Phan Thanh Giản	1.000	1.100	2.100
12		Tìm đường Phan Thanh Giản	Tìm đường Lý Thường Kiệt	1.400	1.500	2.900
13		Tìm đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Thị Lụa	900	1.000	1.900
14	Lý Thường Kiệt	Cổng trường THCS Giá Rai A	Đường Lê Lợi	750	800	1.600
	Lê Lợi					
15		Cầu Gành Hào-Giá Rai	Tìm đường Phan Thanh Giản	850	900	1.700
16		Tìm đường Phan Thanh Giản	Tìm đường Trung Nhị	1.200	1.300	2.500
17		Tìm đường Trung Nhị	Tìm đường Lý Thường Kiệt	820	900	1.700
18	Nguyễn Thị Lụa	Đường Giá Rai - Gành Hào	Cầu Đen	480	540	1.100
	Nguyễn Tri Phương (lộ nhựa Khóm 3)					
19		Đường Giá Rai - Gành Hào	Đường Giá Rai - Gành Hào + 1000m	480	750	1.100
20		Đường Giá Rai - Gành Hào + 1000m	Hết đường (giáp kênh)	350	480	700
21	Đường lộ nhựa Khóm 4	Cầu chương trình 135	Giáp Phường Hộ Phòng	300	420	550
	Nguyễn Văn Chức (đường vào khu di tích Nọc Nặng)					
22		Quốc lộ 1	Cổng Nọc Nặng	500	750	800
23		Cổng Nọc Nặng	Giáp ranh Phong Thạnh A	420	550	850
24	Tuyến KDC Nọc Nặng đến Khu di tích Nọc Nặng	Hết ranh khu dân cư Nọc Nặng	Giáp đường vào Khu di tích Nọc Nặng	500	750	1.400
	Nguyễn Văn Ưông (Đường Tòa án)					

25		Quốc lộ 1	Ngã ba	800	1000	1.450
26		Ngã ba	Hết đường Nguyễn Văn Uông	550	800	1.000
27	Đường vào Phong Thạnh A (vào trại chăn nuôi cũ)	Quốc lộ 1	Hết ranh Phường 1	600	800	1.600
	Đường Giá Rai – Cạnh Đền (đường đi Phó Sinh Khóm 1)					
28		Quốc lộ 1	Cách ranh phía bắc bệnh viện 200m	1000	1100	1.200
29		Cách ranh phía bắc bệnh viện 200m	Cổng Phó Sinh	800	900	990
30		Cổng Phó Sinh	Kênh Chủ Chí 1 giáp ranh Phong Thạnh A	500	570	650
	Quách Thị Kiều (Đường đi Phó Sinh, khóm 2)					
31		Quốc lộ 1	Cổng Phó Sinh	800	900	1.200
32		Cổng Phó Sinh	Giáp đường Giá Rai - Phong Tân	500	560	800
	Đường Giá Cần Bẫy	Đường Giá Rai - Gành Hào	Hết ranh Phường 1	420	470	500
33	Tạ Tài Lợi (Đường sau UBND huyện)	Đường Tòa án	Ngã ba đường trường mẫu giáo Sơn Ca	420	800	1.400
34	Dương Văn Diệp (Đường trường mẫu giáo Sơn Ca)	Đầu ranh trường mẫu giáo Sơn Ca	Đường Tạ Tài Lợi	420	800	800
35	Phùng Ngọc Liêm (Đường huyện đội)	Quốc lộ 1	Hết đường bệnh viện mới	420	800	800
36	Đường Cầu Trần Văn Sớm	Cầu Trần Văn Sớm	Cầu Kênh Rạch Rần	750	1.000	1.800

37	Đường Quốc lộ 1 - xã Phong Thạnh A	Đường số 4 (KDC Thiên Phúc)	Giáp ranh xã Phong Thạnh A	750	800	1.700
38	Đường Chùa Cô Lý	Chùa Cô Lý	Hết ranh nhà ông Trần Văn Bông	750	800	800
39	Đường Giá Rai - Phong Tân	Quốc lộ 1	Cầu số 1 xã Phong Tân	750	1.000	1.700
40	Đường Cầu Trần Văn Sớm	Cầu Trần Văn Sớm	Giáp ranh xã Phong Thạnh A		1.000	1.800
41	Đường Hộ Phòng - Gành Hào	Đường Trần Văn Sớm	Giáp ranh phường Hộ Phòng		1.000	1.400
42	Đường khu dân cư Nhật Trang (trục chính của dự án)	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối đường		1.500	2.700
43	Đường khu dân cư Nhật Trang (đường nội bộ)	Toàn tuyến			1.000	1.800
	Khóm 1					
44	Hẻm số 5 (nhà Bảy Hoàng)	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau – Bạc Liêu (hết đường)	420	500	750
45	Hẻm số 7 (nhà Dũng Composite)	Đường dân sinh đường Nọc Nặng	Nhà ông Dũng (Composite)	420	500	750
46	Hẻm số 6 (hẻm Sơn Lệ)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Nhà ông bé Chạy Đáy)	420	500	750
47	Hẻm số 3 (bác sĩ Thiết)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu)	300	340	440
48	Hẻm số 2 (đường hẻm Bến đò)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu)	300	340	500
49	Hẻm số 1 (hẻm Đầu Voi)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu)	300	340	500
50	Đường dân sinh cầu Nọc Nặng	Quốc lộ 1	Kênh Nọc Nặng	420	470	700

51	Đường dân sinh cầu Giá Rai	Quốc lộ 1	Hẻm số 1 (Hẻm Đầu Voi)	300	340	500
	Khóm 2					
52	Hẻm số 16 (hẻm Chệt Tám)	Quách Thị Kiều	Hết hẻm (Nhà ông Sứ Văn Hôm)	300	340	500
53	Hẻm số 7 (hẻm nhà ông Ba Thi)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Kênh Thủy Lợi)	300	340	500
54	Hẻm số 5 (hẻm Cây Táo)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Nhà ông Trần Văn Hớn)	300	340	500
55	Hẻm số 4 (hẻm Bảy Liếng)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Nhà ông Từ Văn Liếng)	300	340	500
56	Hẻm số 15 (hẻm Ba Lát)	Quách Thị Kiều	Hết đường (Nhà bà Phan Thị Huệ)	300	340	500
57	Kênh ấp 5 - Ba Lát	Quách Thị Kiều	Giáp xã Phong Tân	300	340	500
58	Hẻm số 1 (hẻm Cổng Lâu)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Ứt	300	340	500
59	Hẻm số 6	Quốc lộ 1	Kênh Thủy Lợi	300	340	500
60	Hẻm số 3	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà bà Dương Thị Oanh	300	340	500
61	Hẻm số 2	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	300	340	500
62	Hẻm số 8	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	300	340	500
63	Hẻm số 9	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	300	340	500
64	Tuyến đường dân sinh khóm 2 (cầu Giá Rai)	Chợ khóm 2	Kênh Phó Sinh (nhà ông Nguyễn Tấn Nghinh)	420	470	700
	Khóm 4					

65	Đường vào Trường Tiểu học Giá Rai C (khóm 4)	Đường Giá Rai - Gành Hào	Hết đường (Kênh Thủy Lợi)	300	340	500
66	Tuyến đường chùa mới	Đường Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Bảy	300	340	500
67	Tuyến Xóm Lưới	Đường Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Minh Hải	300	340	500
68	Đường Cầu Thanh Niên	Cầu Nhà ông Huỳnh Mười	Kênh Rạch Rắn	300	340	500
	Khu dân cư Nọc Nặng					
69	Đường số 1	Quốc lộ 1	Đường số 8	3.800	4.200	6.300
70	Đường số 2	Đường Nguyễn Văn Chức	Đường số 9	1.700	2.300	2.300
71	Đường số 3	Đường số 5	Đường số 10	1.700	2.300	2.300
72	Đường số 4	Đường số 8	Giáp ranh Huyện đội	1.700	2.300	2.300
73	Đường số 5	Đường số 2	Đường số 3	1.700	2.300	2.300
74	Đường số 6	Đường số 3	Hết ranh khu dân cư Nọc Nặng	2.400	2.700	2.700
75	Đường số 7	Đường số 2	Đường số 3	2.400	2.700	2.700
76	Đường số 8	Đường số 4	Hết ranh khu dân cư Nọc Nặng	5.000	5.700	6.900
	Khu vực Phường Hộ Phòng cũ					
	Quốc lộ 1					
77		Từ cầu Nọc Nặng	Đầu Vòng Xoay, DNTN Thành Trung (Km 2215 + 300m)	3.500		6.600
78		Đầu Vòng Xoay, DNTN Thành Trung (Km 2215 + 300m)	Cầu Hộ Phòng (Km 2216 + 218m)	7.000		8.100

79		Cầu Hộ Phòng (Km 2216 + 218m)	Tim hẻm Tự Lực	8.800	9.000	16.000
80		Tim hẻm Tự Lực	Tim đường Hộ Phòng - Chủ Chí	6.800	7.500	14.500
81		Tim đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Giáp ranh Tân Phong (Km 2217 + 525m)	5.300	5.800	11.000
82	Đường trước Ngân hàng Nông Nghiệp	Ngã ba Bưu điện	Ngã ba bến xe - tàu (Hết nhà Ba Mão)	2.100	2.800	3.700
83	Đường 30/4	Đầu Voi Hộ Phòng - Chủ Chí	Ngã ba đông lạnh Hộ Phòng	720	1.000	1.300
84	Tô Minh Xuyên	Hẻm số 4	Đường Phan Đình Giót	1.000	1.300	1.600
Đường Hộ Phòng - Chủ Chí (Tư Bình)						
85		Quốc lộ 1	Ranh phía Bắc nhà ông Nguyễn Tấn Bửu	2.000	2.400	3.500
86		Ranh phía Bắc nhà ông Nguyễn Tấn Bửu	Giáp ranh xã Tân Phong	1.500	1.800	2.100
87	Trần Văn Quý	Quốc lộ 1	Ngã ba Tân Thuận (đường lộ cũ)	4.000	4.300	4.500
Đường 30/4 (ngã ba Tân Thuận đi ngã ba Tắc Sậy)						
88		Ngã ba Tân Thuận	Hẻm số 6	1.400	1.700	2.040
89		Hẻm số 6	Giáp ranh Tắc Sậy - Tân Phong	900	1.000	1.200
90		Ngã ba Tân Thuận (đường lộ cũ)	Kho vật tư cũ (cầu Hộ Phòng)	4.000	4.400	5.280
91	Đường 30/4	Cầu Hộ Phòng (dãy bờ sông)	Hết đường (nhà ông Thiệu)	1.200	1.350	1.350
Lê Văn Tám (đường số 1)						
92		Quốc lộ 1	Nguyễn Quốc Hương	8.000	8.500	8.700

93		Nguyễn Quốc Hương	Kênh Lái Niên	5.000	5.700	6.500
94		Kênh Lái Niên	Đường tránh Hộ Phòng (Quốc lộ 1)	1.000	1.300	2.500
95	Nguyễn Văn Nguyên (đường số 2)	Quốc lộ 1	Nguyễn Quốc Hương	6.000	6.500	6.500
96	Trần Văn Ôn (đường số 3)	Nguyễn Quốc Hương	Cao Triều Phát	5.000	5.700	6.000
97	Huỳnh Hoàng Hùng (đường số 4)	Quốc lộ 1	Từ Minh Khánh	7.000	7.500	7.500
98	Cao Triều Phát (đường số 5)	Lê Văn Tám	Hết đường (giáp chùa Long Đức)	5.500	5.800	6.000
	Từ Minh Khánh (đường số 6)					
99		Lê Văn Tám	Huỳnh Hoàng Hùng	6.800	7.200	7.200
100		Huỳnh Hoàng Hùng	Hết đường (sông Hộ Phòng – Chú Chí)	4.000	4.600	4.600
101	Nguyễn Quốc Hương (đường số 7)	Lê Văn Tám	Huỳnh Hoàng Hùng	7.000	7.500	7.500
	Đường vào Chùa					
102		Quốc lộ 1 (nhà ông Lưu Minh Lập)	Ranh phía nam nhà ông Trần Văn Thiệu	4.000	4.500	4.500
103		Ranh phía nam nhà ông Trần Văn Thiệu	Hết ranh đường bê tông (nhà ông Châu Văn Toàn)	1.500	1.700	1.700
104	Tuyến Phà ấp 4	Ranh Chùa Khome cũ	Cầu Sắt	300	340	400
105	Tuyến Kinh lộ cũ	Ranh Chùa Khome cũ	Ranh ấp 4 Phường 1	270	320	400
	Đường ngang qua nhà ông Nguyễn Thanh Dũng					
106		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khánh	Giáp ranh xã Long Điền - Đông Hải	270	320	400

107		Đầu Voi (ấp 4)	Hết đường (nhà ông Huỳnh Bé Mười)	270	320	320
108	Đường vành đai Hộ Phòng	Cầu Nọc Nặng 2	Đường tránh Hộ Phòng (Quốc lộ 1)	1.000	1.300	3.000
109	Đường tránh Hộ Phòng (Quốc lộ 1A) (Áp dụng suốt tuyến bao gồm Phường Hộ Phòng và xã Tân Phong)	Quốc lộ 1 (ấp 1)	Quốc lộ 1 (giáp ranh Tân Phong)	2.000	2.400	5.400
	Phan Đình Giót (đường Thanh Niên)					
110		Quốc lộ 1	Tô Minh Xuyên	2.000	2.400	4.500
111		Tô Minh Xuyên	Đập Ba Túc + 100m	1.500	1.800	1.800
112		Đập Ba Túc + 100m	Giáp ranh xã Phong Thạnh A	1.000	1.300	1.300
	Châu Văn Đặng (đường Cầu Trắng)					
113		Phan Đình Giót	Đường Tránh Hộ Phòng (QL 1)	1.500	1.800	3.500
114		Đường Tránh Hộ Phòng (QL 1)	Giáp ranh xã Phong Thạnh A	1.000	1.300	2.000
115	Đường phía Đông nhà thờ Ninh Sơn	Đầu đường nhà ông Nguyễn Hải Đăng	Hết ranh đất nhà bà Phan Thị Diệp	500	600	600
	Khóm 1					
116	Đường lộ cũ ấp 1	Ngã ba đông lạnh Hộ Phòng	Đến hết ranh đất nhà ông Bùi Thanh Tâm	500	620	620
117	Đường trạm quản lý cống	Bắt đầu từ ranh đất Chùa Hải An	Ranh Phong Thạnh A	350	420	420
118	Đường dọc bờ sông (ấp 1)	Cầu Hộ Phòng	Hết đường (Nhà ông Lưu Quốc Nam)	500	620	620

119	Đường phía Đông Trung tâm dạy nghề	Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	Đường tránh tuyến	500	620	1.600
120	Đường phía Tây Trung tâm dạy nghề	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông thầy Bình	Hết đường (Nhà ông Nguyễn Thanh Phong)	500	620	620
121	Đường phía Đông kênh Ba Túc	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Giang Anh	Đến hết ranh đất nhà Châu Như Truyền	500	620	620
122	Đường phía Tây kênh Ba Túc	Bắt đầu từ ranh đất Cơ sở tôm giống ông Cựng	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Hiền	500	620	620
123	Hẻm số 3	Quốc lộ 1	Hẻm 14 (hết ranh nhà bà Lê Việt Thu)	500	620	620
124	Hẻm số 4 (trường Tiểu học Hộ Phòng)	Quốc lộ 1	Hết đường	1.000	1.200	1.200
125	Hẻm số 5 (hẻm hăng nước đá)	Quốc lộ 1	Ngã ba xuất khẩu	1.000	1.200	1.200
126	Hẻm số 6 (hẻm Bá Toàn)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1.000	1.200	1.200
127	Hẻm số 7 (hẻm Xuân Hen)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1.000	1.200	1.200
128	Hẻm số 8 (chùa mới Hộ Phòng)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Tèo	1.000	1.200	1.200
129	Hẻm số 9	Quốc lộ 1	Hết đường	1.000	1.200	1.200
130	Hẻm số 13	Đầu đường nhà bà Nguyễn Dương Thùy Loan	Hết ranh đất nhà bà Thạch Thị Dal	500	580	580
131	Hẻm số 15 (nhà máy Hòa Phong cũ)	Phan Đình Giót	Kênh xáng Hộ Phòng-Chủ Chí	620	680	680

132	Hẻm số 19 (phía Tây đường Thanh niên)	Phan Đình Giót (nhà Mai Thanh Hùng)	Hết đường (nhà Nguyễn Thị Điệp)	620	680	680
133	Hẻm số 20 (phía Tây đường Thanh niên)	Phan Đình Giót (nhà Nguyễn Văn Mau)	Hết đường (nhà ông Nguyễn Văn Sáu)	620	680	680
134	Hẻm số 21	Đường Thanh Niên (nhà ông Nguyễn Văn Hùng)	Hết đường (nhà bà Trần Mỹ Dung)	500	580	580
135	Hẻm số 23 (phía Tây đường Thanh niên)	Phan Đình Giót (Nhà ông Khởi NH Chính Sách)	Hết đường (nhà Thái Thành Nghiệp)	620	680	680
136	Hẻm số 24 (ngang hẻm trụ sở ấp 1)	Phan Đình Giót	Giáp kênh Ánh Xuân	500	580	580
137	Hẻm số 26	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Phước Sơn	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Bích Liên	500	580	580
138	Tuyến nhà ông Bùi Xuân Kiên	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoàng Công Thạch	Đến hết ranh đất nhà Dương Văn Đoàn	500	580	580
139	Đường vào nhà bà Trần Thị Nho	Đường Phan Đình Giót	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Mạnh	500	580	580
140	Đường Lò Rèn	Giáp hẻm số 4	Đến hết ranh đất nhà ông Từ Khưol	500	580	580
141	Đường sau trường Tiểu học Hộ Phòng B	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Huệ	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Lành	500	580	580
142	Khu nhà ông Được (bến xe)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1.500	1.650	1.650
143	Hẻm số 12 (cặp phòng KT - HT cũ)	Đường trước Ngân hàng Nông nghiệp	Đường 30/4	700	780	780

144	Đường vào công an Phường Hộ Phòng	Cửa hàng VLXD Hộ Phòng	Phước Đức Cổ Miếu	500	580	580
145	Hẻm cặp nhà ông Kim Phương	Đập Nhỏ	Đến hết ranh đất nhà ông Trương Văn Cường	500	580	580
	Hẻm nhà Hoàng Anh					
146		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Dũng	Cổng trường cấp 2	1.000	1.200	1.200
147		Cổng trường cấp 2	Đến hết ranh đất nhà ông Bùi Văn Thắng	400	460	460
148	Đường nhà ông Trần Hồng Quân	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Tám	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Huệ	500	570	570
	Khóm 2					
149	Đường chợ cũ (phía đông)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	7.000	8.000	8.000
150	Đường chợ cũ (phía tây)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	7.000	8.000	8.000
151	Hẻm số 6 (hẻm hăng nước đá cũ)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	2.000	2.800	2.800
152	Hẻm Tự Lực	Quốc lộ 1	Hết đường (Nhà ông Diệp Văn Hiệp)	2.500	3.100	3.100
153	Hẻm số 4 (hẻm phế liệu)	Quốc lộ 1	Hết đường (Nhà ông Hàn Minh Toàn)	1.000	1.300	1.300
154	Hẻm số 5 (hẻm Thanh Tâm)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1.000	1.300	1.300
155	Hẻm số 8 (nhà ông Quý đến nhà ông Sinh)	Đường Lê Văn Tám	Hết đường (Nhà ông Nguyễn Văn Sinh)	1.000	1.300	1.300
156	Hẻm nhà ông Nguyễn Hoàng Khang	Quốc lộ 1	Đường Trần Văn Quý	500	580	580

157	Hẻm số 7 (dãy nhà thầy Nhạn)	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Đến hết ranh đất nhà bà Cao Thị Bích Loan	650	720	720
158	Hẻm số 1 (cặp nhà ông Lén, Hoàng Thám)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Ngọc Minh	2.000	2.400	2.400
159	Đường sau nhà ông Đạm (khu Việt Úc)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đạm	Chùa Long Đức	500	580	580
160	Hẻm số 3 (đường nhà ông Trí)	Quốc lộ 1	Đường Trần Văn Quý	2.000	2.400	2.400
161	Hẻm số 2 (Đường Ngân hàng Chính Sách)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà bà Lưu Thị Út	2.000	2.400	2.400
162	Hẻm cặp nhà ông Huỳnh Văn Bình	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Đến hết ranh đất nhà ông Quách Hon	500	580	580
163	Hẻm số 10 (hẻm nhà bà Liễu)	Đường vào chùa	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Thị Liễu	500	580	580
164	Hẻm số 11 (hẻm nhà ông Trương Văn Bạch)	Đường vào chùa	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Kiệt	500	580	580
Khóm 3						
165	Tuyến dọc kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Thanh Phong (xăng dầu)	Hết đường (cặp kênh xáng CM-BL)	350	420	420
Tuyến dọc kênh Hộ Phòng - Gành Hào						
166		Bến phà cũ	Ngã ba (nhà ông Đồng Văn Bụng)	350	420	420
167		Ngã ba (nhà ông Đồng Văn Bụng)	Giáp áp Quyết Thắng	270	320	500

168	Tuyến Bảy Gõ	Ngã ba (nhà ông Đồng Văn Bụng)	Giáp kênh Bảy Gõ	320	360	500
	Khóm 5					
169	Hẻm số 5	Quốc lộ 1 (phía Tây nhà bà Nguyễn Thị Sáu)	Giáp kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1.000	1.200	1.200
170	Đường cặp nhà Nguyễn Thị Quế	Quốc lộ 1	Hết đường (nhà bà Thái Văn Oai)	1.000	1.200	1.200
171	Đường vào trường Tiểu học Hộ Phòng C	Quốc lộ 1	Trường Tiểu học Hộ Phòng C	1.000	1.200	1.200
172	Đường cặp nhà ông Hữu Hạnh (Hẻm 4)	Quốc lộ 1	Hết đường (nhà Hoàng Đức Dường)	1.000	1.200	1.200
173	Đường vào Trạm biến điện	Quốc lộ 1	Trạm biến điện (Nhà ông Châu Văn Thâm)	2.000	2.200	2.200
174	Cổng Nọc Nặng					
175		Quốc lộ 1	Cổng Nọc Nặng	1.000	1.200	1.200
176		Cổng Nọc Nặng	Đến hết ranh đất nhà ông Danh Xem	500	580	580
	Đường dân sinh Cầu Nọc Nặng					
177		Phía Nam Quốc lộ 1: ranh bờ sông (nhà ông Trần Văn Sang) hết chân cầu (nhà bà Lương Thị Hường)		2.000	2.200	2.200
178		Phía Bắc Quốc lộ 1: ranh bờ sông (nhà ông Vũ Văn Quân) hết chân cầu (nhà bà Phạm Thị Thanh)		1.200	1.350	1.350
179	Hẻm số 2	Quốc lộ 1	Hết đường (nhà ông Nguyễn Việt Triều)	1.000	1.200	1.200

180	Hẻm số 3 (nhà Lâm Ba)	Quốc lộ 1	Hết ranh đất đất nhà bà Ngọn	1.000	1.200	1.200
181	Hẻm số 10	Quốc lộ 1 (nhà bà Nguyễn Thị The)	Hết đường (Nhà ông Trần Đình Liên)	500	580	580
182	Hẻm số 12	Quốc lộ 1 (nhà nuôi yến Trần Quang Xuyên)	Đến hết ranh đất nhà ông Nghĩa	1.500	1.750	1.750
183	Hẻm số 15 (phía Đông nhà thờ Ninh Sơn)	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu đến hết đường	500	580	580
184	Hẻm số 17 (phía Tây nhà thờ Ninh Sơn)	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu đến hết đường về phía Tây (KDC ấp 5)	500	580	580
185	Hẻm số 6	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chuẩn	500	580	580
186	Hẻm số 7 (nhà ông Chế Văn Công)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Ngô Văn Phích	500	580	580
187	Hẻm số 8 (nhà ông Ngô Mộng Xuân)	Quốc lộ 1	Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	500	580	580
188	Đường khu dân cư Thành Trung	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà bà Lê Thị Hoa	1.500	1.800	2.800
189	Hẻm Trung Kiên	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Đào Văn Sự	500	580	580
190	Đường phía đông chợ Nọc Nặng	Quốc lộ 1 (Nhà ông Đình Phi Hồ)	Hết đường (nhà ông Đình Văn Dánh)	900	1.000	1.000
191	Đường phía tây chợ Nọc Nặng	Quốc lộ 1 (Nhà ông Châu Văn Cam)	Hết đường (nhà bà Trần Thị Nhật)	900	1.000	1.000
192	Hẻm nhà trẻ Hoa Hồng	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất Nhà trẻ Hoa Hồng	500	580	580
193	Hẻm số 14	Đầu đường nhà bà Dương Thị Sương (giáp Quốc lộ 1)	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Thị Loan	500	580	580

194	Đường Hộ Phòng - Gành Hào	Giáp ranh Phường 1	Giáp ấp Đầu Lá xã Long Điền	500	1.000	2.000
Khu dân cư Đại Lộc						
195	Đường vào KDC Công ty Đại Lộc Khu A	Quốc lộ 1	Hết đường (Nhà ông Thạch Hòa Hiệp)	6.000	6.800	6.800
196	Đường nội bộ KDC Công ty Đại Lộc Khu A (Đường số 1, 2, 4)	Nguyên tuyến		4.000	4.800	4.800
197	Đường số 7 KDC Công ty Đại Lộc Khu B và khu nhà ở thương mại và chợ Trung tâm Hộ Phòng	Đường Quốc lộ 1A	Cuối đường	1.500	6.000	6.000
198	Đường nội bộ KDC Công ty Đại Lộc Khu B	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Cuối đường	1.500	4.200	4.200
199	Đường Khu nhà ở thương mại và chợ Trung tâm Hộ Phòng (Đường số 2)	Đường Nguyễn Quốc Hương	Đường số 07		5.500	5.500
200	Đường nội bộ khu nhà ở thương mại và chợ Trung tâm Hộ Phòng (Đường số 3, 4, 5, 6)	Nguyên tuyến			5.200	5.200
201	Đường vào khu đất thánh	Quốc lộ 1	Đường Vành Đai	1.000	1.500	1.500
	Đường Dân sinh cầu khóm 2					

202		Phía Nam Quốc lộ 1 (Nhà ông Bửu Điền)	Kênh Xáng Hộ Phòng	2.500	3.200	3.200
203		Phía Nam Quốc lộ 1 (Nhà ông Trần Hồng Lên)	Kênh Xáng Hộ Phòng	2.500	3.200	3.200
Khu vực xã Phong Thạnh cũ						
Đường Giá Rai - Phó Sinh						
204		Cổng 19	Hết ranh đất cây xăng Lâm Minh Huyện	1.200	1.201	1.202
205		Từ hết ranh đất cây xăng Lâm Minh Huyện	Hết ranh đất trụ sở UBND xã mới	700	700	700
206	Đường số 1 (chợ Phong Thạnh)	Đường dọc kênh 19	Đường số 3 (hậu Kiốt, ranh quy hoạch)	1.200	1.200	1.200
207	Đường số 2 (chợ Phong Thạnh)	Đường dọc kênh 19	Đường số 3	1.200	1.200	1.200
208	Đường số 3 (chợ Phong Thạnh)	Đường Giá Rai - Phó Sinh (Giá Rai - Cạnh Đền)	Đường số 1 (ranh quy hoạch)	1.200	1.200	1.200
209	Đường số 4 (Chợ mới Phong Thạnh)	Ngã ba đường số 1 và đường số 3	Trường TH Phong Thạnh (giáp đường rào phía sau)	1.000	1.000	1.000
210	Đường số 5 (Chợ mới Phong Thạnh)	Đường Giá Rai - Phó Sinh (Giá Rai - Cạnh Đền)	Đường số 4	1.200	1.200	1.200
211	Đường số 6 (Hậu Chợ mới Phong Thạnh)	Đường số 4	Ranh Quy hoạch	1.000	1.000	1.000
Đường Giá Rai - Phó Sinh						
212		Bắt đầu tư giáp xã Phong Thạnh A	Đến Cổng 19		600	600
213		Từ hết ranh trụ sở UBND xã mới	Đến hết ranh xã Phong Thạnh (giáp Vĩnh Phú Tây)		500	500

214	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Bắt đầu từ cầu giáp kênh Chủ Chí 4 (gần trường tiểu học Phong Thạnh A)	Đến hết ranh xã Phong Thạnh (giáp Phong Thạnh Tây A)		600	600
215	Đường xóm Lung	Bắt đầu từ cầu giáp kênh Chủ Chí 4 (nhà ông Nguyễn Văn Dân)	Đến cầu giáp kênh Chủ Sáo (nhà ông Nguyễn Văn Khánh)		450	450
	Đường Chủ Sáo					
216		Bắt đầu từ Cống 19 (nhà ông Trần Văn Đoàn)	Miếu bà chúa Sứ		380	380
217		Miếu bà chúa Sứ	Đến cầu giáp kênh Chủ Sáo (nhà ông Võ Văn Thái)		350	350
218		Bắt đầu từ Cống 19 (nhà ông Thi Chí Thiện)	Đến cầu giáp kênh Chủ Sáo (nhà ông Nguyễn Văn Khánh)		340	340
219	Đường Tư Lắm	Bắt đầu từ cầu giáp kênh Chủ Sáo (nhà ông Võ Văn Thái)	Ngã Năm (nhà ông Đoàn Văn Hai)		350	350
	Đường Chủ Chí 5					
220		Bắt đầu từ cầu ấp 20 (gần trụ sở ấp 20)	Đến nhà ông Nguyễn Văn Tuấn		400	400
221		Bắt đầu từ ngã năm ấp 19	trường THCS Phong Thạnh A (nhà ông Phan Văn Minh)		400	400
222	Đường Chủ Chí 6	Bắt đầu từ trụ sở ấp 21	Đến trụ sở ấp 25		350	350
223	Đường Tư Trứ	Bắt đầu từ cống ấp 25	Đến nhà ông Lê Văn Tuấn		300	300
224	Đường Kênh Tượng	Bắt đầu từ cầu nhà ông Nguyễn Văn Nôi	Đến nhà ông Trương Lý Lăng		300	300
225	Đường xóm Huế	Bắt đầu từ miếu ấp 24	Đến nhà ông Dương Văn Tuấn		300	300

226		Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Trung	Đến nhà ông Lê Văn Đâu		300	300
227	Đường kênh Tượng	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Thành	Đến nhà ông Nguyễn Văn Thường		280	280
	Đường 7 Chanh					
228		Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Việt	Đến nhà ông Nguyễn Văn Sĩ		280	280
229		Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Việt	Đến ngã năm ấp 19		280	280
230		Bắt đầu từ ngã năm ấp 19	Đến nhà ông Ba Gia		280	280
231		Bắt đầu từ nhà ông Trang Văn Thông	Đến nhà ông Trần Văn Giàu (ấp 23)		280	280
	Khu vực xã Phong Thạnh A cũ					
232	Đường Phan Đình Giót (nối dài)	Ranh Phường Hộ Phòng	Kênh Chủ Chí 4	300	340	400
233	Đường Châu Văn Đặng (nối dài)	Cầu Trắng (giáp ranh Phường Hộ Phòng)	Nhà ông Út Dũng	280	300	350
	Đường vào Phong Thạnh A					
234		Giáp ranh ấp 1 Phường 1	Kênh Chủ Chí 2 (trụ sở xã Phong Thạnh A)	350	380	550
235		Ngã tư kênh Chủ Chí 2 (trụ sở xã Phong Thạnh A)	Đường tránh Giá Rai – Cạnh Đền	350	380	450
236	Đường Giá Rai – Cạnh Đền	Kênh Chủ Chí 1 (Giáp Phường 1)	Kênh Chủ Chí 4 (giáp xã Phong Thạnh)	380	420	450
237	Đường tránh Giá Rai - Cạnh Đền	Đường Giá Rai – Cạnh Đền (Nhà ông Tư Cua)	Đường Giá Rai – Cạnh Đền (Nhà ông Tùng vật liệu)	350	380	600

238	Tuyến áp 4 đến áp 3	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mười Hai	Đến hết ranh đất nhà ông Châu Văn Hai (giáp kênh Hộ Phòng - Chủ Chí)	250	280	300
239	Tuyến áp 4 đến áp 22	Trụ sở xã Phong Thạnh A	Kênh Chủ Chí 4	250	280	350
240	Tuyến kênh Chủ Chí 1	Cầu Út Công (áp 4)	Cầu nhà 5 Chi (áp 18)	250	280	350
241	Cầu Trần Văn Sớm (nối dài)	Chân cầu Trần Văn Sớm đoạn giáp với Phường 1	Đường tránh Giá Rai – Cạnh Đèn	450	900	1.400
242	Quốc Lộ 1 đi xã Phong Thạnh A, nối tuyến tránh Giá Rai - Cạnh Đèn	Giáp ranh với Phường 1 (Bệnh viện Giá Rai)	Đường tránh Giá Rai – Cạnh Đèn	380	420	650
243	Tuyến áp 22 đi áp 3	Trường THCS, Tiểu học Phong Thạnh A	Đến hết ranh đất nhà ông Ngô Văn Bình (kênh Chủ chí II)	250	280	280
244	Tuyến áp 22	Ngã ba nhà ông Kỳ (áp 22)	Cầu Phạm Hồng Văn (áp 22)	250	280	280
245	Tuyến áp 22 đi áp 24	Chùa Hổ Phù (áp 22)	Rạch Ba Chol (kênh Chủ chí III)	250	280	280
246	Tuyến áp 24 (Rạch xóm Huế)	Cầu Ba Chol (nhà ông Trần Văn Hoà)	Kênh Chủ chí (ngã tư nhà ông Lê Văn To)	250	280	280
247	Tuyến kênh Chủ Chí III	Nhà ông Út Hiền (áp 22)	Cầu nhà ông 5 Hùng Em (áp 24)	250	280	280
248	Tuyến kênh Chủ Chí IV (áp 25 nối áp 24)	Nhà ông Lê Văn Thừa (áp 25)	Cầu nhà ông Ngô Minh Tiền (áp 24)	250	280	280
249	Tuyến kênh Chủ Chí IV (áp 22)	Ngã tư Cò (áp 22)	Đến nhà ông Trần Văn Việt (áp 22)	250	280	280
II	PHƯỜNG LÁNG TRÒN (gồm Phường Láng tròn, xã Phong Tân và xã Phong Thạnh Đông, thị xã Giá Rai cũ)					
	Khu vực Phường Láng Tròn cũ					

	Quốc lộ 1					
250		Cầu Xóm Lung (Km 2201 + 397m)	Qua cầu Xóm Lung 300m (Km 2201 + 697m)	1.550	2.100	4.000
251		Qua cầu Xóm Lung 300m (Km 2201 + 697m)	Cách ngã 3 Láng Tròn 300m về phía đông (Km 2204 + 820m)	1.350	1.750	4.000
252		Cách ngã 3 Láng Tròn 300m về phía đông (Km 2204 + 820m)	Ngã 3 Láng Tròn (Km 2205 + 120m)	1.550	1.900	4.000
253		Ngã 3 Láng Tròn (Km 2205 + 120m)	Cầu Láng Tròn (Km 2205 + 512m)	1.800	2.300	5.000
254		Cầu Láng Tròn (Km 2205 + 512m)	Qua cầu Láng Tròn 200m (Km 2205 + 712m)	1.500	1.900	5.000
255		Qua cầu Láng Tròn 200m (Km 2205 + 712m)	Tim Cống Lầu	1.500	2.000	4.000
	Đường dân sinh cầu Xóm Lung					
256		Bắt đầu từ ranh đất nhà Quách Thị Ghét	Đến hết ranh đất nhà Nguyễn Văn Lực	250	280	280
257		Bắt đầu từ ranh đất nhà Phạm Thị Nâu	Đến hết ranh đất nhà Lâm Văn Xiêu	250	280	280
	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 2)					
258		Bắt đầu từ ranh đất nhà Phạm Thị Tú	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Bảy	250	280	280
259		Bắt đầu từ ranh đất nhà Xà To	Đến hết ranh đất nhà Tiêu Cáo	250	280	280
	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3)					
260		Bắt đầu từ ranh đất nhà Tiêu Khai Kiếm	Đến hết ranh đất nhà Đặng Thanh Xuân	250	280	280

261		Bắt đầu từ ranh đất Trường Tiểu học Phong Phú A	Đến hết ranh đất nhà Lâm Ý Kía	250	280	280
262		Quốc lộ 1 (cổng Đốc Béc)	Ranh phía bắc nhà ông Cao Văn Ghê	280	340	340
263		Quốc lộ 1 (chùa Hưng Phương Tự)	Cổng Xóm Lung	280	340	340
264		Quốc lộ 1 (cổng Tư Hảy)	Ngã 3 Thiết	280	340	340
265		Quốc lộ 1 (nhà ông Trần Quang Trúc)	Kênh xáng Cà Mau – Bạc Liêu	400	440	440
266		Quốc lộ 1 (cổng bà Đội)	Kênh Cầu Móng	280	340	340
267		Quốc lộ 1 (cổng Lầu)	Kênh Cầu Móng	250	280	280
	Đường vào trường Mẫu giáo mới					
268		Từ Quốc lộ 1	Hết ranh phía Nam trường Mẫu giáo mới	850	900	900
269		Hết ranh phía Nam trường Mẫu giáo mới	Cầu Trường Học Nhà ông Lâm Hòa Bình	550	600	600
270		Cầu Trường Học Nhà ông Lâm Hòa Bình	Cầu áp 7 (Ba Nhạc)	300	340	500
271		Cầu áp 7 (Ba Nhạc)	Giáp ranh xã Phong Thạnh Đông	280	340	500
	Đường vào trường Tiểu học Phong Phú B					
272		Quốc lộ 1	Cầu Trường học Mới	500	550	700
273		Cầu Trường học Mới	Nhà bà Lưu Thị Tiệp (Ngã 3 đường đi Vĩnh Phú Tây)	300	340	500
274	Đường vào trường THCS Phong Phú	Cầu nhà ông Lâm Hòa Bình	Ngã tư cầu áp 7	250	280	280

	Đường vào cổng Vĩnh Phong					
275		Ngã ba đường vào UBND Phường Láng Tròn	Cổng Vĩnh Phong	400	440	440
276		Cổng Vĩnh Phong (nhà ông Phạm Văn Trọng)	Cầu áp 12	250	280	280
277	Đường số 1 (khu TĐC khóm 2, ranh quy hoạch phía nam)	Đường số 6 (nhà ông Nguyễn Văn Tiền)	Đường số 8	400	440	440
278	Đường số 2 (khu TĐC khóm 2)	Đường số 7 (nhà ông Sài)	Đường vào trường mẫu giáo mới	450	480	480
279	Đường số 3 (khu TĐC khóm 2)	Đường số 6 (nhà ông Ngô Công Khanh)	Đường số 8	450	480	480
280	Đường số 4 (khu TĐC khóm 2)	Đường số 5	Đường số 8	450	480	480
281	Đường số 5 (khu TĐC khóm 2)	Đường số 4	Đường số 2	450	480	480
282	Đường số 6 (khu TĐC khóm 2)	Đường số 1	Đường số 4	450	480	480
283	Đường số 7 (khu TĐC khóm 2)	Đường vào cổng Vĩnh Phong (khóm 2)	Đường số 1	450	480	480
	Đường số 8 (khu TĐC khóm 2, ranh quy hoạch phía tây)					
284		Đường số 4	Đường số 1	450	480	480
285		Quốc lộ 1 (nhà ông Tuấn ấp vịt)	Đường số 1 (khu TĐC)	400	480	480
	Chợ Láng Tròn					
286		Ngã ba Láng Tròn (nhà ông Mã Thu Hùng)	Hết ranh đất nhà ông Quảng Văn Hai	1.800	2.500	2.500

287		Từ hết ranh đất nhà ông Quảng Văn Hai	Đến hết ranh đất bà Lộ Thị Thủy (con ông Sáu Diêu)	250	280	280
288	Chợ Láng Tròn	Quốc lộ 1	Hết ranh đất nhà bà Lâm Cẩm Hằng	1.800	2.100	2.100
289	Đường vào Đập áp 3 Vĩnh Phong	Quốc lộ 1	Đập áp 3 Vĩnh Phong	800	1.100	1.100
		Đập áp 3 Vĩnh Phong	Giáp ranh xã Phong Tân	280	340	340
290	Đường số 2 khu dân cư khóm 3 (song song QL 1)	Đường số 4 (khu dân cư khóm 3)	Đường số 1 (khu dân cư khóm 3)	750	820	820
291	Đường số 3 khu dân cư khóm 3 (ranh quy hoạch, song song QL 1)	Đường số 4 (khu dân cư khóm 3)	Đường số 1 (khu dân cư khóm 3)	750	820	820
292	Đường số 4 khu dân cư khóm 3 (ranh quy hoạch)	Quốc lộ 1 (khu dân cư khóm 3)	Đường số 3 (khu dân cư khóm 3)	750	820	820
293	Tuyến Kênh 16	Cầu 2 Đê	Kênh Cống Lâu	250	280	280
294	Tuyến Kênh Hai Chen	Kênh khóm 13	Kênh khóm 12	250	280	280
295	Tuyến Kênh khóm 12 (Hào Quئن)	Cầu khóm 12	Giáp ranh xã Phong Thạnh Đông	250	280	280
296	Tuyến đường Vành Đai cũ (song song với Quốc lộ 1)	Hương lộ Khóm 2 (Đất bà Ngô Thị Năm)	Đường vào Trường Tiểu Học Phong Phú B (nhà ông Nguyễn Minh Tây)	300	340	340

297	Tuyến đường chữ T (song song với tuyến đường vào UBND phường mới)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Út Em	Hết ranh đất nhà ông Bùi Tấn Hải	300	340	340
298	Tuyến Khóm 2 - Khóm 12	bắt đầu từ nhà ông Trần Văn Dũng, khóm 2	đến Cầu Khóm 12 nhà ông Trịnh Văn Sóng		340	340
299	Tuyến Khóm 3 - Cổng Bà Đội (đường vành đai)	bắt đầu Khu Dân Cư Khóm 3	đến Cổng Bà Đội		340	340
300	Tuyến Tư Bá Khóm 2	bắt đầu từ nhà trọ ông 8 khóm 2	đến nhà ông Hồ Vũ Bảo - kênh 7 Ổi		340	340
301	Tuyến hẻm 5	bắt đầu từ nhà Kha Thanh Tài khóm 2	đến cuối nhà bà Huỳnh Thị Liêm		340	340
302	Tuyến đường nhà trọ ông Quân khóm 2	bắt đầu từ nhà trọ ông Quân	đến kênh thủy lợi		340	340
303	Tuyến đường kênh Đốc Béc khóm 1	bắt đầu từ nhà ông Ngô Văn Tổng	đến hết tuyến đường kênh Miếu		340	340
Khu vực xã Phong Thạnh Đông cũ						
	Đường liên xã					
304		Giáp ranh Phường Láng Tròn	Cầu Vĩnh Phong V14 (hướng Nam)	280		310
305		Cầu Vĩnh Phong V14 (hướng Bắc)	Kênh chống Mỹ (đầu kênh hướng Nam)	360	400	400
306		Kênh chống Mỹ (đầu kênh hướng Bắc)	Giáp ranh xã Phong Tân	280		310
307	Đường vào trường Tiểu học PTĐ	Cột điện 2/19 (nhà ông Nguyễn Văn Dũng)	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Trường Chiến	420	470	470
308	Kênh ấp 9 (Xóm Cồng)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Ngọc Y	Cầu nhà ông Võ Văn Tuấn	250	280	280

309	Tuyến Kênh Ấp 12 (Kênh Lắm Đồi)	Từ nhà ông Lê Văn Hận	Hết ranh đất của ông Trần Văn Tòng		300	300
Khu vực xã Phong Tân cũ						
310	Đường Giá Rai - Phong Tân	Giáp ranh Phường 1	Cầu Nhà ông Lương Ô Ra (giáp ranh xã Phong Thạnh Đông)	400	600	855
311	Đường ấp 16B	Cầu kênh V 12 Chông Mỹ (Trạm y tế xã Phong Tân, ấp 16B)	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Thành Vạn (ấp 16B)	300	400	500
312	Đường xã Phong Tân (ấp 18, 19, 20, 21)	Bắt đầu từ Cây Xăng Minh Lý	Giáp ranh Cầu Ranh Hạt ấp 21 xã Vĩnh Phú Tây	250	500	500
313	Đường xã Phong Tân (ấp 14, 16A, 17, 19)	Cổng Vĩnh Phong 14 (nhà ông Trần Văn Tám(8 Lọ))	Nhà ông Nguyễn Văn Sơn (Thủy)	250	400	500
314	Đường ấp 15 (Phong Tân)	Cầu nhà ông Lương Ô Ra	Cầu ấp 15 (giáp Vĩnh Phú Tây)	250	340	500
315	Đường ấp 14, ấp 16A (Phong Tân)	Cầu số 3 (nhà ông Trần Văn Tùng)	Cầu ấp 14 (nhà ông Lê Văn Khởi)	250	340	500
316	Đường ấp 15 (Phong Tân)	Cầu ấp 15 (nhà ông Lê Tấn Phụng)	Cầu nhà ông Lê Văn Thêm	250	280	300
317	Đường ấp 16B và ấp 15 (Phong Tân)	Cầu ấp 15 (nhà ông Lê Tấn Dũng)	Cầu số 6 (Nhà ông 3 Xía)	250	280	300
318	Đường ấp 19 (Phong Tân)	Cầu ấp 19, kênh Chông Mỹ	Kênh Vĩnh Phong 10 (Nhà ông Minh Điền)	250	280	400
319	Đường ấp 17 (Phong Tân)	Cầu kênh 17 (nhà bà Trần Thị Lệ)	Cầu Thủy Lợi (nhà ông Phạm Thanh Tùng)	250	280	350

320	Đường ấp 16A (Phong Tân)	Cầu ấp 16A (nhà Nguyễn Văn Tươi)	Đến hết ranh đất nhà Chiêm Quốc Trị	250	280	400
321	Đường ấp 5 (Phong Tân)	Cầu Ô Rô	Đến hết ranh đất nhà ông Lý Văn Long (Cầu ấp 5)	250	280	400
322	Đường ấp 17 (tuyến Ba Giang)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Việt Hồng	Cổng Lung Mướp	250	280	450
323	Tuyến ấp 16A	Cầu Ông Tại	Đến hết ranh đất Miếu Ông Tà (nhà ông Trương Văn Kính)	250	280	350
324	Tuyến đường Kênh Cây Dương ấp 19	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Thế Mỹ	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Thanh Tùng	250	280	400
325	Tuyến đường ấp 20 (Liên ấp)	Từ ranh Trạm nước sạch ấp 20	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Ngọt	250	280	350
326	Đường liên ấp	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Phước	Kênh Vĩnh Phong 10	250	280	350
327	Đường tuyến đường (ấp 19; 17; 16B)	Bắt đầu từ cây xăng ông Trần Thanh Tùng ấp 19	Đến cầu trạm y tế ấp 16B		500	500
III	XÃ PHONG THẠNH (gồm xã Tân Phong, xã Tân Thạnh và xã Phong Thạnh Tây, thị xã Giá Rai cũ)					
	Khu vực Xã Tân Phong cũ					
	Quốc Lộ 1					
328		Giáp ranh Phường Hộ Phòng (Km 2217 + 525m)	Tim cống Nhà thờ Tắc Sậy	4.000	4.600	5.500
329		Tim cống Nhà thờ Tắc Sậy	Cột mốc Km 471+190 Công ty Phúc Hậu	2.500	3.100	4.000
330		Cột mốc Km 471+190 Công ty Phúc Hậu	Cột mốc Km 2222 (phía tây cầu Cây Gừa)	1.800	2.300	3.000

331		Cột mốc Km 2222 (phía tây cầu Cây Gừa)	Cột mốc Km 2226 + 400m	1.300	1.800	2.200
332		Cột mốc Km 2226 + 400m (phía đông UBND xã Tân Phong)	Cột mốc Km 2226 + 550m (phía tây UBND xã Tân Phong)	1.500	1.900	2.500
333		Cột mốc Km 2226 + 550m (phía tây UBND xã Tân Phong)	Cổng Voi (Km 2229 + 250m)	1.300	1.800	2.200
334		Cổng Voi (Km 2229 + 250m)	Cầu Láng Trâm	1.500	2.000	2.500
Đường Khúc Tréo - Tân Lộc						
335		Quốc Lộ 1	Qua trường mẫu giáo 100m về phía bắc	400	700	1.050
336		Qua trường mẫu giáo 100m về phía bắc	Hết ranh trụ sở UBND + 100m về phía Bắc	350	500	700
337		từ hết Ranh trụ sở UBND + 100m về phía Bắc	hết tuyến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây	350	350	400
Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)						
338		Giáp ranh Phường Hộ Phòng	Hết ranh nhà thờ	700	750	900
339		Hết ranh đất nhà thờ	Cầu Đen (giáp Phong Thạnh Tây)	500	550	700
Đường vào trường tiểu học Tân Hiệp						
340		Quốc Lộ 1	Ranh phía bắc trường Tiểu học (hết ranh)	400	440	660
341		Ranh phía bắc trường Tiểu học (hết ranh)	Cổng Khúc Tréo	350	380	450

342	Đường vào Trung tâm Bảo trợ xã hội	Quốc Lộ 1	Hết đường (giáp trung tâm)	350	380	400
343	Cổng Nhân Dân (phía đông và phía tây)	Quốc Lộ 1	Tim cổng Nhân Dân	350	380	400
344	Cổng Cây Gừa (Khúc Tréo) (phía đông và phía tây)	Quốc Lộ 1	Tim cổng Cây Gừa	350	380	400
345	Cổng Lầu Bằng (phía đông và phía tây)	Quốc Lộ 1	Tim Cổng Lầu Bằng	350	380	400
346	Cổng Sư Sơn (phía đông và phía tây)	Quốc Lộ 1	Tim cổng Sư Sơn	350	380	500
347	Đường lộ cũ ấp 2	Giáp ranh Hộ Phòng	Quốc Lộ 1	400	440	550
348	Tuyến Trung Tâm Bảo Trợ - Kênh Hang Mai	Giáp Trung Tâm Bảo Trợ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Giàu	270	300	300
349	Tuyến Kênh Đào	Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Thùy Dương (hết đường)	270	300	350
350	Tuyến Kênh 2 Lương	Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tòng (hết đường)	270	300	350
351	Tuyến Láng Trâm	Quốc Lộ 1	Cổng Láng Trâm	270	300	300
352	Tuyến Tin Lành	Nhà Thờ tin lành	Cầu ông Tư Tráng	270	300	400
Khu vực Xã Tân Thạnh cũ						

353	Quốc Lộ 1	Cầu Láng Trâm	Giáp ranh Cà Mau	1.700	2.100	2.500
	QL Quản Lộ - Phụng Hiệp					
354		Giáp Cà Mau	Cầu kênh Lung Thành	1.000	1.200	1.500
355		Cầu kênh Lung Thành	Giáp Phong Thạnh Tây	800	900	1.200
	Đường kênh Láng Trâm					
356		Quốc lộ 1	Cống Láng Trâm	700	750	900
357		Cống Láng Trâm	Cầu số 1	600	660	800
358		Cầu số 1	Ngã 5 ấp 8	500	550	700
359		Ngã 5 ấp 8	Giáp Cà Mau	350	380	500
360	Ấp Xóm Mới	Cống Láng Trâm	Đập Láng Trâm	350	380	500
361	Đường Kênh Lung Cặp (Ấp Xóm Mới)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Năm Thắng	Kênh Sáu Vàng	400	440	500
	Ấp Xóm Mới					
362		Cầu Số 1	Cầu Xã Xứ	350	380	500
363		Cầu Xã Xứ	Cầu Ông Cẩm	300	340	500
364		Cầu Ông Cẩm	Giáp ấp 3 Tắc Vân	350	380	500
365	Đường Gò Muồng	Cầu nhà ông Minh Mười	Cầu ông Thi (nhà Trần Thị Tuyến)	250	280	400
	Đường Lung Ngang (ấp Gò Muồng)					
366		Bến dò (Việt Tân)	Cầu Khảo Xén	250	280	400
367		Cầu Khảo Xén	Cầu Tư Hải	250	280	400
368		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoàng Anh	Đến hết ranh đất nhà ông Lâm Quốc Tuấn	250	280	400

369	Đường ấp Gò Muồng - ấp 9	Cầu ông Sửu	Trường Tiểu học ấp 9	350	380	500
370	Đường ấp 9	Cầu ông Bé Thơ	Đến hết ranh đất nhà Trần Minh Được	250	280	400
371	Đường ấp 9	Cầu Xã Xứ	Cầu Trường tiểu học ấp 9	300	340	500
372	Đường ấp 9	Cầu nhà ông Trọng	Đến hết ranh đất nhà ông Lâm Văn Bé	250	280	400
373	Đường ấp kênh Lớn	Cầu ông Bình (Bu)	Đến hết ranh đất nhà ông Út Hộ	250	280	400
374	Đường ấp 8	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hai Cừ (Láng Trâm 3)	Kênh Lung Thành (nhà Ngọc Anh)	250	280	400
375	Đường ấp 8	Cầu Rạch Dừa	Đến hết ranh đất nhà ông Út Tuyền	250	280	400
376	Lộ Công ty Thiên Phú (lộ Quy Hoạch)	Quốc Lộ 1	Đường Láng Trâm - ngã 5	700	800	900
377	Kênh Long Thành	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Út Khuyên	Giáp ấp 3 xã Tác Vân	300	340	500
378	Kênh Nước Mặn	Cầu Lung Nước Mặn	Cầu số 3	250	280	400
379	Tuyến Bờ Đông	Đường Quản lộ Phụng Hiệp	Đập Láng Trâm		350	400
Khu vực Xã Phong Thạnh Tây cũ						
Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp						
380		Giáp xã Tân Thạnh (Kênh Giồng Bướm)	Cầu Hai Thanh	450	900	900
381		Cầu Hai Thanh	Cầu vượt Hộ Phòng-Chủ Chí (hết ranh Phong Thạnh Tây)	400	900	900

	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)					
382		Cầu Đen (giáp Tân Phong)	Cầu Mười Thêm	350	380	380
383		Cầu Mười Thêm	Ranh phía đông Nhà ông Huỳnh Văn Công	450	480	480
384		Ranh phía đông Nhà ông Huỳnh Văn Công	Cầu Hai Thanh	320	360	360
385		Cầu Hai Thanh	Ranh phía đông Nhà ông Nguyễn Văn Đây	250	280	280
386		Ranh phía đông Nhà ông Nguyễn Văn Đây	Ranh phía đông nhà ông Võ Văn Tùng	300	340	340
387		Ranh phía đông nhà ông Võ Văn Tùng	Ngã 5 Vàm Bóm (giáp xã Tân Thanh)	350	380	380
388	Đường Đầu Sáu - Tân Lộc	Cây Dừa 1 (giáp ranh Tân Phong)	Cầu Khúc Tréo	300	340	340

PHỤ LỤC 06: Bảng giá đất ở trên địa bàn xã Phước Long, xã Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Phước và xã Phong Hiệp (thuộc địa bàn huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu cũ)
(kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024 theo QĐ số 28/2021/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh 2023 theo QĐ số 40/2023/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh năm 2025
		Điểm đầu	Điểm cuối			
I	XÃ PHƯỚC LONG (Gồm thị trấn Phước Long và xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long cũ)					
	Khu vực thị trấn Phước Long cũ					
	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp					
1		Bắt đầu từ cầu 30/4 (kênh Cộng Hòa)	Đến kênh Tài Chính (khu Hành chính)	2.300	2.600	2.600
		Kênh Tài Chính (Ba Tụ)	Đến kênh Cầu Cháy			
		+ Trên lộ		1.300	1.450	1.550
		+ Dưới lộ		1.100	1.280	1.380
2		Bắt đầu từ kênh Cầu Cháy	Đến Kênh thủy lợi (Gần nhà máy Lợi Đạt)			
		+ Trên lộ		1.000	1.100	1.200
		+ Dưới lộ		800	900	1.000
3		Bắt đầu từ Kênh thủy lợi (Gần nhà máy Lợi Đạt)	Đến cầu kênh Xáng Hòa Bình (Cầu Trắng)			
		+ Trên lộ		950	1.050	1.150
		+ Dưới lộ		800	900	1.000
4		Bắt đầu từ cầu kênh xáng Hòa Bình (Cầu Trắng)	Đến giáp ranh H. Hồng Dân			
		+ Trên lộ		750	800	900
		+ Dưới lộ		650	700	800
5		Bắt đầu từ bờ Tây kênh cầu Tài Chính	Đến kênh 1.000			
		+ Trên lộ		780	850	850
		+ Dưới lộ		600	700	700
6		Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến ngã ba ông Bưng	650	750	750

7		Bắt đầu từ bờ đông kênh cầu Tài Chính	Đến kênh 1.000	500	640	640
	Lộ sau Huyện uỷ					
8		Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa	Đến kênh Tài Chính (đường Yên Mô phía Nam)	1.400	1.650	1.850
9		Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa	Đến kênh Tài Chính (đường Yên Mô phía Bắc)	1.400	1.650	1.850
Phía đông kênh Cộng Hòa						
10		Bắt đầu từ cầu 30/4	Đến kênh 1.000 vào trong (Bờ Đông)			
		+ Trên lộ		800	900	900
		+ Dưới lộ		650	750	750
Phía Tây kênh Cộng Hòa						
11		Bắt đầu từ cầu 30/4	Đến kênh 1.000 vào trong (Bờ Tây)			
		+ Trên lộ		750	800	800
		+ Dưới lộ		600	700	700
12		Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa	Đến hết Cầu Phước Long 2			
		+ Trên lộ		1.300	1.450	1.600
		+ Dưới lộ		900	1.050	1.200
13		Bắt đầu từ hết Cầu Phước Long 2	Đến hết ranh Hăng Mũ			
		+ Trên lộ		900	1.000	1.150
		+ Dưới lộ		720	850	1.000
14		Bắt đầu từ hết ranh Hăng Mũ	Đến giáp ranh xã Phước Long			
		+ Trên lộ		700	800	950
		+ Dưới lộ		500	600	750
15		Bắt đầu từ kênh 2.000 (lộ Phước Long - Vĩnh Mỹ)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây (bờ Bắc)	350	400	400
16		Từ cầu Xã Tá	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây	450	500	500
17		Bắt đầu từ cầu Xã Tá	Đến hết ranh Nghĩa Trang			
		+ Trên lộ		800	850	1.000

		+ Dưới lộ		550	600	750
18		Bắt đầu từ hết ranh Nghĩa Trang	Đến hết ranh Khách sạn Hoàng Châu			
		+ Trên lộ		1.100	1.200	1.350
		+ Dưới lộ		750	900	1.050
19		Bắt đầu từ hết ranh Khách sạn Hoàng Châu	Đến ranh Cầu Phước Long			
		+ Trên lộ		1.400	1.500	1.650
		+ Dưới lộ		1.100	1.250	1.400
20		Bắt đầu từ ranh Cầu Phước Long	Đến Cầu Sắt			
		+ Trên lộ		2.500	3.000	3.150
		+ Dưới lộ		2.000	2.600	2.750
21		Bắt đầu từ cầu Sắt	Đến cầu Phước Long 2			
		+ Trên lộ		1.000	1.100	1.100
		+ Dưới lộ		850	950	950
22		Bắt đầu từ cầu Phước Long 2	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây			
		+ Trên lộ		750	820	820
		+ Dưới lộ		600	660	660
23		Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến kênh 4.000	650	700	700
24		Bắt đầu từ cầu Kênh 1.000 (bờ Đông)	Đến giáp ranh xã Phước Long (vô vườn cò)	650	700	700
25		Bắt đầu từ cầu kênh Xáng Hòa Bình (cầu Trắng)	Đến giáp ranh huyện Hồng Dân (bờ Tây)	650	700	700
Đường bờ Nam-Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp						
26		Bắt đầu từ trụ sở ấp Nội Ô	Đến lộ Ba Rô (Lộ trước chợ)			
		+ Trên lộ		5.000	5.000	5.000
		+ Dưới lộ		4.500	4.500	4.500
27		Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân (Bờ Đông)	1.300	1.400	1.400

28		Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân (Bờ Tây)	1.500	1.600	1.600
29		Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân	Đến cầu Ba Rô (Hoa Rô)(Quản lộ Phụng Hiệp), Bờ Nam	1.200	1.300	1.300
30		Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân	Đến cầu Ba Rô (Hoa Rô)(Quản lộ Phụng Hiệp), Bờ Bắc	1.000	1.100	1.100
31		Bắt đầu từ cầu Ba Rô (Hoa Rô, Quản lộ Phụng Hiệp)	Đến Kênh Miếu Bà áp Long Đức	550	600	600
32		Bắt đầu từ kênh Miếu Bà áp Long Đức	Đến Cầu Ba Phát	500	560	560
33		Bắt đầu từ cầu Ba Phát	Đến Cầu Mười Hai (giáp VP. Đông)	450	490	490
34		Bắt đầu từ cầu Ba Rô (Hoa Rô, Quản lộ Phụng Hiệp) bờ bắc	Đến Cầu Ba Phát	400	450	450
35		Bắt đầu từ lộ Ba Rô (Hoa Rô)	Đến hết ranh hãg nước đá Vĩnh Hảo			
		+ Trên lộ		800	870	870
		+ Dưới lộ		650	710	710
36		Bắt đầu từ hết ranh hãg nước đá Vĩnh Hảo	Đến giáp ranh cầu xã Vĩnh Phú Đông			
		+ Trên lộ		750	800	800
		+ Dưới lộ		600	660	660
37		Bắt đầu từ cầu xã Vĩnh Phú Đông (bờ Nam TT PL)	Đến Cầu Quản Lộ Phụng Hiệp	250	280	280
Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long						
38		Từ trụ sở ấp Nội Ô	Đến cầu Quản lộ Phụng Hiệp			
		+ Trên lộ		2.500	3.000	3.000
		+ Dưới lộ		2.200	2.600	2.600

39		Bắt đầu từ cầu Quản lộ Phụng Hiệp	Đến hết ranh Kênh 1000 khu III (ấp Long Đức)	1.100	1.200	1.200
40		Bắt đầu từ hết ranh Kênh 1000 khu III (ấp Long Đức)	Đến Cầu Hai Niệm	800	920	920
41		Bắt đầu từ cầu Hai Niệm	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông			
		+ Trên lộ		600	670	670
		+ Dưới lộ		500	570	570
42		Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều	Đến hết ranh đường Trần Hồng Dân (bờ Tây)	3.000	3.600	3.800
43		Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều	Đến hết ranh đường Trần Hồng Dân (bờ Đông)	2.500	3.100	3.300
44		Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều	Đến Ngã ba Lộ ấp Phước Thuận đầu nối ra Quản lộ Phụng Hiệp (02 bên)	1.700	1.900	2.100
Lộ ấp Phước Thuận đầu nối ra QL Quản lộ Phụng Hiệp						
45		Bắt đầu từ lộ ấp Phước Thuận 1 đi xã Vĩnh Phú Đông	Đến giáp Quản lộ Phụng Hiệp (02 bên)	1.100	1.200	1.200
46		Bắt đầu từ ranh nhà Bác sĩ Đức	Đến lộ Ba Rô (2 bên lộ)	2.500	2.800	2.800
47		Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Trường Mẫu giáo	2.200	2.300	2.300
48		Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến ngã 3 lộ nhà Bác sĩ Đức - lộ Ba Rô	2.000	2.150	2.150
49		Bắt đầu từ lộ cầu Đức Thành I	Đến hết ranh Trường cấp I B (Lộ sau 2 bên)	3.500	3.700	3.700
50		Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp IB	Đến lộ Hoa Rô (2 bên lộ)	1.800	2.000	2.000
Quản lộ Phụng Hiệp						
51		Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông	Đến cầu Hoa Rô	1.200	1.300	1.500
52		Bắt đầu từ cầu Hoa Rô	Đến hết ranh cửa hàng Xăng Dầu PVoil	2.000	2.150	2.350

53		Bắt đầu từ hết ranh cửa hàng Xăng Dầu PVoil	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây	1.200	1.300	1.500
54	Đường Nho Quan	Bắt đầu từ Lộ Vĩnh Mỹ - Phước Long	Đến giáp Quản lộ Phụng Hiệp	2.000	2.150	2.150
Đường cầu Phước Long 2						
55		Bắt đầu từ cầu Phước Long 2	Đến Ngã 4 Quản lộ Phụng Hiệp (Bệnh viện mới)	2.000	2.150	2.350
56		Bắt đầu từ ngã 4 Quản lộ Phụng Hiệp (Bệnh viện mới)	Đến hết ranh Kênh 1000	2.000	2.150	2.350
57		Bắt đầu từ kênh xáng Phụng Hiệp	Đến ranh nhà Chín Thọ	1.000	1.100	1.100
58		Bắt đầu từ hết ranh Kênh 1000	Đến Ngã 3 Phước Long Vĩnh Mỹ	1.500	1.650	1.850
59		Bắt đầu từ đường dẫn cầu Phước Long	Đến kênh 500 ấp Long Hòa	1.200	1.300	1.500
60		Bắt đầu từ kênh 500 ấp Long Hòa	Đến kênh 1000	800	880	1.400
61		Bắt đầu từ ngã 3 ông Bưng	Đến ngã 3 Năm Cù (bờ Nam)	250	280	280
62		Bắt đầu từ ngã 3 ông Bưng	Đến giáp ranh huyện Hồng Dân	250	280	280
63		Bắt đầu từ Cầu kênh Miếu Bà	Đến Ngã 3 Năm Cù (bờ Bắc)	250	280	280
Đường khu Hành Chính						
64		Bắt đầu từ công An Huyện	Đến hết ranh nhà Ông Nguyễn Hoàng Ân	900	950	950
65		Bắt đầu từ kho bạc nhà nước	Đến hết ranh nhà Ông Nguyễn Văn Chương	900	950	950
66		Bắt đầu từ ngân Hàng Nông Nghiệp	Đến hết ranh nhà Ông Mai Văn Ngẫu	900	950	950
67	Tuyến Trung tâm thương mại	Bắt đầu từ Ngã 3 Trần Hồng Dân	Đến Quản lộ Phụng Hiệp ấp Long Đức	2.000	2.150	2.150
68	Đường cầu Ba Rô (Hoa Rô)	Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến ngã 4 đường Trần Hồng Dân (Hai bên lộ)	1.500	1.650	1.650
Phía Tây kênh Cộng Hòa						

69		Bắt đầu từ kênh 250 từ kênh Cộng Hòa	Đến đường dẫn Cầu Phước Long 2 (Hai bên lộ)		700	700
70		Bắt đầu từ kênh 250 (giáp đường dẫn Cầu Phước Long 2, bờ Bắc)	Đến Kênh 500 (đến nhà ông Mười Te)		500	500
71		Bắt đầu từ Kênh 500 từ Kênh Cộng Hòa	Đến đường dẫn Cầu Phước Long 2 (Bờ Bắc)		700	700
72		Bắt đầu từ kênh 500 từ đường dẫn Cầu Phước Long 2	Đến giáp ranh Kênh 750 (Bờ Bắc)		500	500
73		Bắt đầu từ Kênh 750 từ Kênh Cộng Hòa	Đến đường dẫn Cầu Phước Long 2 (Bờ Nam)		500	500
74		Bắt đầu từ Kênh 750 từ đường dẫn Cầu Phước Long 2	Đến Kênh Vườn Cò (Bờ Bắc)		500	500
75		Bắt đầu từ Kênh 2000 từ Kênh Cộng Hòa	Đến giáp ranh xã Phước Long (Bờ Bắc)		500	500
76		Bắt đầu từ Kênh 3000 từ Kênh Cộng Hòa	Đến giáp ranh xã Phước Long (Bờ Nam)		500	500
77		Bắt đầu từ nhà ông Trương Văn Lắm	Đến hết ranh nhà ông Trần Văn Minh (Kênh Miếu Bà)		500	500
78		Bắt đầu từ đường Phước Long - Phong Thạnh Tây B	Đến Kênh 1000 (Bờ Tây, tuyến kênh Vườn Cò)		600	600
Phía Đông kênh Cộng Hòa						
79		Bắt đầu từ Kênh 1000	Đến kênh 3000		600	600
80		Bắt đầu từ Kênh 3000	Đến kênh 6000		500	500
Kênh Tài Chính						
81		Bắt đầu từ Kênh 750 từ Kênh Tài Chính	Đến giáp Kênh Cộng Hòa (tuyến lộ bê tông nhà ông Út Nhỏ)		500	500

82		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Hải	Đến Kênh 1000 (Bờ Đông)		500	500
83		Bắt đầu từ kênh 1000 Kênh Tài Chính	Đến Kênh 1000 Kênh Cộng Hòa (Bờ Nam)		500	500
84		Bắt đầu từ kênh 750 Kênh Tài Chính (Bờ Nam)	Đến Kênh 500 Kênh Cộng Hòa (Bờ Bắc)		500	500
85	Kênh Cầu Cháy	Bắt đầu từ đường Phước Long - Ninh Quới	Đến Kênh Tài Chính (Bờ Nam)		800	800
Phía Đông Cầu số 02 (Vĩnh Mỹ - Phước Long)						
86		Bắt đầu từ Kênh Vĩnh Mỹ - Phước Long	Đến Cầu Ba Phát (Bờ Bắc)		500	500
87		Bắt đầu từ Miếu Bà (Khu tư Long Đức)	Đến giáp ranh Kênh 2000 (Bờ Đông)		500	500
Khu vực xã Vĩnh Phú Đông cũ						
	Trung tâm xã					
88		Bắt đầu từ UBND xã	Đến cầu Thầy Thép Quán Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Bắc)	500	540	540
89		Bắt đầu từ UBND xã	Đến kênh Hòa Bình			
		+ Trên lộ		500	540	540
		+ Dưới lộ		400	440	440
90		Bắt đầu từ Quán Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Đến kênh 1000 nhà bà Tư Nhiều (bờ Bắc)	350	380	380
91		Bắt đầu từ kênh 1.000 nhà bà Tư Nhiều	Đến ngã tư Mười Khịch	250	280	280
92		Bắt đầu từ Giáp ranh thị trấn	Đến Cây Nhâm			
		+ Trên lộ		500	540	540
		+ Dưới lộ		400	440	440
93		Bắt đầu từ Cây Nhâm	Đến cầu Tám Ngọ			
		+ Trên lộ		500	550	550
		+ Dưới lộ		400	440	440

94		Bắt đầu từ kênh Hòa Bình	Đến kênh 500 (bờ Đông)	300	340	340
95		Bắt đầu từ kênh Hòa Bình	Đến kênh 500 (bờ Tây)			
		+ Trên lộ		400	440	440
		+ Dưới lộ		360	400	400
96		Bắt đầu từ kênh 500	Đến ngã tư Mười Khịch (bờ Đông)	300	340	340
97		Bắt đầu từ kênh 500	Đến ngã tư Mười Khịch (bờ Tây)			
		+ Trên lộ		300	340	340
		+ Dưới lộ		250	280	280
98		Bắt đầu từ cầu Hòa Bình	Đến đập Kiểm Đê			
		+ Trên lộ		400	440	440
		+ Dưới lộ		350	380	380
99		Bắt đầu từ cầu Rạch Cũ	Đến nhà ông Võ Thành Đức			
		+ Trên lộ		950	1.000	1.000
		+ Dưới lộ		700	760	760
100		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Đức	Đến hết ranh cây xăng (nhà bà Bé)			
		+ Trên lộ		600	650	650
		+ Dưới lộ		500	550	550
101		Bắt đầu từ hết ranh cây xăng (nhà bà Bé)	Đến cầu đập Kiểm Đê			
		+ Trên lộ		450	480	480
		+ Dưới lộ		400	440	440
102		Bắt đầu từ giáp ranh xã Ninh Quới A (cầu giáp ranh)	Đến cầu Hai Giỏi			
		+ Trên lộ		700	750	750
		+ Dưới lộ		600	670	670
103		Bắt đầu từ cầu Hai Giỏi	Đến giáp ranh xã Hưng Phú (nhà Lâm Văn Điện)			
		+ Trên lộ		550	580	580
		+ Dưới lộ		400	450	450
104		Bắt đầu từ miếu Mỹ Tân	Đến cầu 9 Xị	450	480	480

	QL Quản Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau					
105		Bắt đầu từ cầu Ngan Dừa ấp Vĩnh Phú A	Đến giáp ranh thị trấn Phước Long	800	850	1.050
106		Bắt đầu từ nhà Út Nhàn	Đến Quản lộ Phụng Hiệp (hướng đi Địa Muồng)	500	550	550
107		Bắt đầu từ ngã tư Cầu Mười Khịch (hướng kênh xáng Hòa Bình)	Đến giáp ranh xã Hưng Phú (bờ Đông)	250	280	280
108		Bắt đầu từ ngã tư Cầu Mười Khịch (hướng kênh xáng Hòa Bình)	Đến giáp ranh xã Hưng Phú (bờ Tây)			
		+ Trên lộ		350	380	380
		+ Dưới lộ		300	340	340
109		Bắt đầu từ hết ranh nhà Ông Năm Trăm	Đến cầu đập Kiềm dê	350	380	380
110		Bắt đầu từ cầu Tám Ngọ (Vĩnh Mỹ - Phước Long)	Đến giáp ranh xã Hưng Phú (Cầu Xáng Cụt)			
		+ Trên lộ		400	440	440
		+ Dưới lộ		300	340	340
111		Bắt đầu từ cầu Tám Ngọ	Đến trường Tiểu học "B"	350	380	380
112		Bắt đầu từ cầu Mười Khịch	Đến miếu Mỹ Tân	300	340	340
113		Bắt đầu từ Thủy lợi (ông Thum)	Đến ngã 4 Địa 5 Quyền	300	340	340
114		Bắt đầu từ Cầu nhà bà Nga	Đến Miếu ấp Mỹ Tân	300	340	340
	Lộ Nông Thôn					
115		Bắt đầu từ ngã tư cầu 9 Xị ấp Vĩnh Phú B	Đến chùa Địa Muồng ấp Vĩnh Lộc	300	340	340
116		Bắt đầu từ giáp ranh thị trấn Phước Long	Đến ngã tư nhà ông Danh (ấp Phước 3A)	300	340	340
117		Bắt đầu từ cầu 8 ngọ (ấp quê 3)	Đến ngã 4 trường Tiểu Học-ấp Phước 3B)	300	340	340
118		Bắt đầu từ cầu nhà 2 Rở ấp Huê 3	Đến cầu nhà 9 Huỳnh ấp Phước 3A	300	340	340

	Tuyến Kênh Tây Lác					
119		Bắt đầu từ nhà ông 8 Ý (ấp Phước 3B)	Đến ngã tư nhà ông Châu Văn Nhanh . (Kênh Tư Hùng)		280	280
120		Bắt đầu từ nhà ông Trần Văn Hiền	Đến giáp ranh nhà ông Mai Văn Nhất (ngã tư Tây Mập)		280	280
121	Tuyến Kênh Tây Mập	Bắt đầu từ ranh nhà ông Mai Văn Nhất (ngã tư Tây Mập)	Đến nhà ông Hải (ngã ba ấp Tường 1)		300	300
	Tuyến Kênh Quảng Ất					
122		Bắt đầu từ Cầu nhà ông Hải (ngã ba ấp Tường 1)	Đến Cầu ngã tư nhà bà Thùy (ấp Tường 1)		300	300
123		Bắt đầu từ Cầu ngã tư nhà bà Thùy (ấp Tường 1)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Nhân (Ngã tư kênh Cây Nhâm)		300	300
124	Tuyến Kênh Chòm Tre	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Kháng (ấp Huê 3)	Đến nhà ông Dương Văn Phên (ngã ba ấp Tường 1)		300	300
125	Tuyến đường bờ Cỏ Bông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Em (Cầu ông Hoàng)	Đến hết ranh nhà ông Đặng Văn Lợi		280	280
II	XÃ VĨNH THANH (Gồm xã Hưng Phú và xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long cũ)					
	Khu vực xã Hưng Phú cũ					
	Khu vực chợ					
126		Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (Rọc lá 1)	Đến hết ranh Trường cấp II			
		+ Trên lộ		1.300	1.400	1.400
		+ Dưới lộ		900	1.000	1.000
127		Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp II	Đến cầu Đất Phên giáp xã Vĩnh Hưng A			
		+ Trên lộ		800	880	880
		+ Dưới lộ		600	670	670
128	Đường Nguyễn Thị Mười	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (cầu Rọc lá 1)	Đến hết ranh Trạm Y Tế	900	1.000	1.000
	Tuyến Cầu Sập - Ninh Quới					

129		Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (cầu Rọc lá 1)	Đến Cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2)			
		+ Trên lộ		1.300	1.400	1.400
		+ Dưới lộ		1.000	1.150	1.150
130		Bắt đầu từ cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2)	Đến cầu Tư Tuyền	360	400	400
Ấp Mỹ Tường I đường Cầu Sập - Ninh Quới						
131		Bắt đầu từ cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2)	Đến cầu Ba Phong			
		+ Trên lộ		700	760	760
132		+ Dưới lộ		600	650	650
Đường Nguyễn Thị Mười						
133		Bắt đầu từ Trạm Y tế	Đến cầu ông Phương (Tường 2)	550	600	600
134		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Xương	Đến cầu Bảy Việt (Mỹ Hoà)	400	440	440
135		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Năm Thủy	Đến cầu Tư Hảo (Mỹ Hoà-Mỹ Trinh)	350	380	380
136		Bắt đầu từ Đất Phèn	Đến Cầu ông Quân (ấp Tường 2)	300	340	340
137		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đàm	Đến giáp ranh Vĩnh Phú Đông	300	340	340
138		Bắt đầu từ cầu Ba Phong	Đến giáp ranh Vĩnh Phú Đông (nhà Phùng Văn Thao)			
		+ Trên lộ		650	700	700
		+ Dưới lộ		500	550	550
Ấp Tường II						
139		Bắt đầu từ Nhà Nguyễn Văn Phương	Đến hết ranh Trường Tiểu Học			
		+ Trên lộ		700	760	760
		+ Dưới lộ		500	560	560
140		Bắt đầu từ hết ranh Trường Tiểu Học	Đến giáp ranh H. Hòa Bình			
		+ Trên lộ		500	550	550
		+ Dưới lộ		300	370	370
141		Bắt đầu từ Cầu nhà bà Mười Y	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông			
		+ Trên lộ		500	550	550
		+ Dưới lộ		400	450	450

	Kênh xáng Hòa Bình					
142		Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông	Đến giáp ranh H. Vĩnh Lợi (bên lộ nhựa)			
		+ Trên lộ		400	450	450
		+ Dưới lộ		350	380	380
143		Bắt đầu từ cống ông Cư	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông (kênh Thầy Thép) - Mỹ Tường 1	350	380	380
144		Bắt đầu từ Cầu Biện Tôn	Đến Cầu ông Thiết - Mỹ Tường 1	350	380	380
145		Bắt đầu từ cầu Tư Mập	Đến kênh Phước Long - Vĩnh Mỹ (giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông)	300	340	340
146	Đường Cặp kênh Tân An	Đường Nguyễn Thị Mười	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông	250	280	280
147	Tuyến đường kênh Cơ Sáu	Bắt đầu từ cầu nhà 3 Thu	Đến giáp ranh xã Vĩnh Hưng A	500	550	550
148	Tuyến kênh Tư Đen	Bắt đầu từ Cầu Nhà ông Phong (ấp Mỹ Tường 2)	Đến Cầu 3 Quý (giáp lộ bê tông ấp Mỹ Trinh)		350	350
149	Tuyến kênh 3 Phong	Bắt đầu từ đường Cầu Sập - Ninh Quới (Nhà ông Lâm Thanh Phong)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông (nhà ông 6 Sóng)		350	350
150	Tuyến kênh Xáng Cụt	Bắt đầu từ Cầu 3 Cứng ấp Vĩnh Tường (lộ bê tông nhà ông Trần Văn Út)	Đến lộ bê tông nhà ông Dương Văn Liêm (ấp Tường Tư)		300	300
151	Tuyến vô chợ Rọc Lá	Bắt đầu từ đầu lộ tuyến Nguyễn Thị Mười	Đến giáp lộ 2 Huệ - Tư Tuyền		900	900
	Khu vực xã Vĩnh Thanh cũ					
	Tuyến Cầu số 2 - Phước Long					
152		Bắt đầu từ giáp ranh huyện Hoà Bình	Đến Cầu Vĩnh Phong			
		+ Trên lộ		650	700	700
		+ Dưới lộ		550	600	600

153		Bắt đầu từ Cầu Vĩnh Phong	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Lập			
		+ Trên lộ		850	900	900
		+ Dưới lộ		600	700	700
154		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lập	Đến hết ranh đất nhà ông Văn Công Ý - Cầu Trường Tòa			
		+ Trên lộ		1.200	1.300	1.300
		+ Dưới lộ		1.000	1.100	1.100
155		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Kim Ba - cầu Trường Tòa	Đến hết ranh đất cây xăng Đức Thành.			
		+ Trên lộ		1.200	1.300	1.300
		+ Dưới lộ		900	1.000	1.000
156		Bắt đầu từ ranh đất cây xăng Đức Thành	Đến ranh cổng Hai Tiệm			
		+ Trên lộ		1.000	1.100	1.100
		+ Dưới lộ		900	950	950
157		Bắt đầu từ cổng Hai Tiệm	Đến Cầu xã Tá			
		+ Trên lộ		700	760	760
		+ Dưới lộ		550	600	600
158		Bắt đầu từ cổng Cây Nhâm	Đến cầu Miếu -Huê 2B, lộ bê tông 3m	400	440	440
159		Bắt đầu từ cầu Trường Tòa -tường thắng B	Đến cầu nhà ông Hà	550	590	590
160		Bắt đầu từ cầu Tường Thắng B	Đến Cầu 3 Tầng (Huê 2A)	550	590	590
161		Bắt đầu từ cầu Tường Thắng B	Đến cầu 3 Tầng- Huê 2A, Lộ bê tông 3m	550	590	590
162		Bắt đầu từ cầu Xã Tá	Đến cầu Tư Nuôi (Huê 1) Lộ bê tông 3m	300	340	340
163		Bắt đầu từ cổng Tư Quán	Đến cầu 9 Chánh-Vĩnh Bình B (Nhà văn hoá ấp Tường 3A) Lộ bê tông 3m	300	340	340
164		Bắt đầu từ Cổng Hai Tiệm	Đến Cầu 3 Tầng (áp Huê 2A) Lộ bê tông 3m	300	340	340

165		Bắt đầu từ kênh 8.000	Đến Cầu nhà ông Hiền (Vĩnh Bình B) Lộ bê tông 3m	300	340	340
III	XÃ VĨNH PHƯỚC (Gồm xã Phước Long và xã Vĩnh Phú Tây, huyện Hồng Dân cũ)					
	Khu vực xã Phước Long cũ					
	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)					
166		Bắt đầu từ Đầu Voi - Chợ Phó Sinh (nhà ông Trần Võ Hiền)	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Thanh Chiến			
		+ Trên lộ		3.000	3.200	3.200
		+ Dưới lộ		2.700	2.800	2.800
167		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Nguyễn Thanh Chiến	Đến hết ranh Trạm Y Tế			
		+ Trên lộ		3.000	3.200	3.200
		+ Dưới lộ		2.600	2.800	2.800
168		Bắt đầu từ hết ranh Trạm Y Tế	Đến hết ranh Trường cấp III Trần Văn Bảy			
		+ Trên lộ		1.600	1.700	1.700
		+ Dưới lộ		1.100	1.300	1.300
169		Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp III Trần Văn Bảy	Đến hết ranh hết ranh Chòm mã (Phước Thọ)			
		+ Trên lộ		1.000	1.100	1.100
		+ Dưới lộ		700	800	800
170		Bắt đầu từ hết ranh hết ranh Chòm mã (Phước Thọ)	Đến hết ranh Chòm mã tại Xã Toàn			
		+ Trên lộ		700	770	770
		+ Dưới lộ		550	600	600
	Khu vực cầu xã Toàn					
171		Bắt đầu từ hết ranh chòm mã tại xã Toàn	Đến hết ranh cây xăng Khánh Tôn			
		+ Trên lộ		800	870	870
		+ Dưới lộ		600	670	670
172		Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Khánh Tôn	Đến Cầu xã Toàn			
		+ Trên lộ		1.100	1.200	1.200
		+ Dưới lộ		900	1.000	1.000

173		Cầu xã Thoàn	Đến hết ranh nhà bà Kiếm về Ninh Thạnh Lợi (trên, dưới)	500	550	550
174		Bắt đầu từ nhà bà Kiếm về Ninh Thạnh Lợi	Đến kênh 500 về Ninh Thạnh Lợi (trên, dưới)	400	440	440
175		Bắt đầu từ kênh 500	Đến kênh 1.000	380	420	420
176		Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến kênh 3.000	350	380	380
177		Bắt đầu từ nhà Miếu cầu xã Thoàn	Đến hết ranh nhà Út Triều (trên, dưới)	350	380	380
178		Bắt đầu từ cầu hết ranh nhà Út Triều	Đến Kênh 500 về Ninh Thạnh Lợi (trên, dưới)	350	380	380
179		Bắt đầu từ nhà ông Quách Chuối	Đến hết ranh đất ông Dương Văn Phi (hai bên)	330	360	360
180		Bắt đầu từ cầu Xã Thoàn	Đến hết ranh Trường Tiểu học A			
		+ Trên lộ		800	880	880
		+ Dưới lộ		600	680	680
181		Bắt đầu từ hết ranh Trường Tiểu học A	Đến giáp ranh thị trấn Phước Long			
		+ Trên lộ		650	710	710
		+ Dưới lộ		550	610	610
Khu vực chợ						
182		Bắt đầu từ Đầu Voi - Chợ Phó Sinh (nhà ông Trần Võ Hiền)	Đến hết ranh VLXD Thanh Hải			
		+ Trên lộ		2.600	2.800	2.800
		+ Dưới lộ (nhà ông Phạm Hoàng Tân)		2.300	2.500	2.500
183		Bắt đầu từ hết ranh VLXD Thanh Hải	Đến hết ranh nhà ông Quốc Thắng (trụ 7, P.Thành)			
		+ Trên lộ		1.800	2.000	2.000
		+ Dưới lộ		1.200	1.400	1.400
184		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Quốc Thắng (trụ 7, P. Thành)	Đến kênh 1.000			
		+ Trên lộ		1.200	1.400	1.400
		+ Dưới lộ		850	1.000	1.000

185		Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến Kênh 2.000			
		+ Trên lộ		800	870	870
		+ Dưới lộ		700	770	770
186		Bắt đầu từ Kênh 2.000	Đến giáp ranh Ninh Thạnh Lợi (Phước Trường)			
		+ Trên lộ		400	450	450
		+ Dưới lộ		350	400	400
187		Bắt đầu từ cầu Phó Sinh	Đến hết ranh nhà ông Võ Văn Năng (Phước Tân)			
		+ Trên lộ		1.200	1.300	1.300
		+ Dưới lộ		850	1.000	1.000
188		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Võ Văn Năng (Phước Tân)	Đến kênh 2.000			
		+ Trên lộ		800	870	870
		+ Dưới lộ		600	680	680
189		Bắt đầu từ kênh 2.000	Đến Kênh 6000 giáp Ninh Thạnh Lợi (Phước Ninh)			
		+ Trên lộ		400	450	450
		+ Dưới lộ		350	390	390
Nhánh đi Cà Mau						
190		Bắt đầu từ cầu Phó Sinh	Đến hết ranh Cầu Phó Sinh 2			
		+ Trên lộ		1.300	1.400	1.400
		+ Dưới lộ		1.050	1.100	1.100
191		Bắt đầu từ hết ranh Cầu Phó Sinh 2	Đến hết ranh nhà máy nước đá Vĩnh Hào			
		+ Trên lộ		1.100	1.200	1.200
		+ Dưới lộ		850	970	970
192		Bắt đầu từ hết ranh nhà máy nước đá Vĩnh Hào	Đến hết ranh nhà ông Trần Hên (VLXD)			
		+ Trên lộ		650	720	720
		+ Dưới lộ		450	530	530
193		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Trần Hên (VLXD)	Đến đập giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A			

		+ Trên lộ		500	550	550
		+ Dưới lộ		450	480	480
194		Bắt đầu từ đầu Trường tiểu học C (ranh Thị trấn)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi (Đầu kinh 3.000)	250	280	350
195	Nhánh kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ hết ranh kênh 4.000 (giáp ranh thị trấn Phước Long)	Đến Kênh 6.000 giáp Ninh Thạnh Lợi (Hồng Dân)	600	650	650
196	Cầu Phó Sinh - Trạm Y tế	Bắt đầu từ đầu cầu nhà ông Dương Văn Vũ (Phía sau)	Đến hết ranh trạm Y tế xã	1.800	1.900	1.900
Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2						
197		Đầu Cầu Phó Sinh 2	Đến hết đường dẫn	700	800	1.235
198		Bắt đầu từ đường nối từ cầu Phó Sinh 2	Đến lộ Phước Tân-Phước Ninh	1.100	1.150	1.150
199		Bắt đầu từ xã Thoàn (Bắt đầu ranh đất nhà Ông Vạn)	Đến kênh 500 (Bờ Tây)	500	550	550
200		Bắt đầu từ kênh 500 (Bờ Tây)	Đến kênh 1000 (Bờ Tây) Phước Thọ Tiền	400	450	450
201		Bắt đầu từ kênh 1000 (Bờ Tây)	Đến kênh 3000 (Bờ Tây) Phước Thọ Tiền	350	380	380
202		Bắt đầu từ kênh 3000 (Bờ Tây)	Đến kênh 6000 (Bờ Tây) Phước Thọ Tiền	330	360	360
Kênh Thọ Hậu Củ						
203		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông 7 Tâm	Đến kênh 6000 (trường tiểu học C)	350	380	380
204		Bắt đầu từ đầu kênh 3000	Đến giáp Ninh Thạnh Lợi (Phước Thọ Hậu)	350	380	380
205	Tuyến áp Phước Tân	Bắt đầu từ kênh 1000 (nhà ông Huỳnh Văn Minh)	Đến kênh Cô Chín (Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A)		500	500
206	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 3000 (nhà ông Nguyễn Văn Thông)	Đến kênh Cô Chín (Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A)		300	300
207	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 4000 (nhà ông Đoàn Văn Lợi)	Đến kênh Cô Chín (Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A)		300	300

208	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 5000 (nhà ông Lê Văn Thắng)	Đến kênh Cô Chín (Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A)		300	300
209	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 6000 (nhà bà Lê Thị Muội)	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Sang		300	300
210	Tuyến áp Phước Thành	Bắt đầu từ đầu kênh Sóc Kha	Đến hết khu đất nhà ông Lê Văn Dũng		300	300
211	Tuyến áp Phước Thành	Bắt đầu từ kênh 1000 (nhà ông Nguyễn Văn Thương)	Đến Cống ông Lê Văn Cẩn		300	300
212	Tuyến áp Phước Thành	Bắt đầu Cống ông Lê Văn Cẩn	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi		500	500
213	Tuyến áp Phước Trường	Bắt đầu từ kênh 2000 (nhà ông Đặng Văn Minh)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi		300	300
214	Tuyến áp Phước Trường	Bắt đầu từ kênh 3000 (nhà bà Trương Thị Phú)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi		300	300
215	Tuyến áp Phước Trường	Bắt đầu từ kênh 4000 (nhà ông Nguyễn Văn Viên)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi		300	300
216	Tuyến áp Phước Thạnh	Bắt đầu từ kênh 1000 (nhà ông Lê Văn Ký)	Đến giáp ranh thị trấn Phước Long		300	300
217	Tuyến áp Phước Thọ Hậu	Bắt đầu từ kênh 2000 (nhà ông Huỳnh Văn Khui)	Đến giáp ranh thị trấn Phước Long		300	300
218	Tuyến áp Phước Thọ Hậu	Bắt đầu từ kênh 4000 (nhà ông Trần Văn Vũ)	Đến kênh Thọ Hậu cũ		300	300
219	Tuyến áp Phước Thọ Hậu	Bắt đầu từ kênh 5000 (nhà ông Lý Thanh Tuấn)	Đến kênh Thọ Hậu cũ		300	300
Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ						
220		Bắt đầu từ cầu kênh Nhỏ (bờ Tây)	Đến kênh 1.000	350	380	380
221		Bắt đầu từ Kênh 1.000	Đến cầu Trường Học	300	340	340
222		Bắt đầu từ cầu kênh Nhỏ	Đến cống Ông Bọng			
		+ Trên lộ		350	380	380
		+ Dưới lộ		300	340	340

223		Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lục	Đến cầu Phó Sinh			
		+ Trên lộ		600	650	650
		+ Dưới lộ		500	550	550
224		Bắt đầu từ cầu Phó Sinh	Đến hết ranh chùa Hưng Phước Tự			
		+ Trên lộ		450	480	480
		+ Dưới lộ		320	350	350
225		Bắt đầu từ hết ranh chùa Hưng Phước Tự	Đến kênh 1.000 về hướng Giá Rai (bờ Đông)			
		+ Trên lộ		300	340	340
		+ Dưới lộ		250	280	280
226		Bắt đầu từ kênh 1.000 về hướng Giá Rai (bờ Đông)	Đến ranh hạt giáp Giá Rai (bờ Đông)			
		+ Trên lộ		270	300	300
		+ Dưới lộ		250	280	280
227		Bắt đầu từ cầu Phó Sinh	Đến hết ranh cây xăng Lâm Xiêu			
		+ Trên lộ		500	550	550
		+ Dưới lộ		400	440	440
228		Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Lâm Xiêu	Đến kênh 1.000 về hướng Giá Rai (Bờ Tây)			
		+ Trên lộ		450	480	480
		+ Dưới lộ		300	340	340
229		Bắt đầu từ kênh 1.000 về hướng Giá Rai (Bờ Tây)	Đến ranh xã Phong Thạnh, Giá Rai			
		+ Trên lộ		330	360	360
		+ Dưới lộ		250	280	280
230		Bắt đầu từ cầu Phó Sinh	Đến kênh Thủy Lợi (cập nhà ông Sáu Tre)			
		+ Trên lộ		500	550	550
		+ Dưới lộ		400	440	440
231		Bắt đầu từ kênh Thủy Lợi (cập nhà ông Sáu Tre)	Đến giáp ranh ấp 1B xã Phong Thạnh Tây A			
		+ Trên lộ		400	440	440
		+ Dưới lộ		300	340	340

232		Bắt đầu từ cầu xã Vĩnh Phú Tây	Đến cầu Quản lộ Phụng Hiệp (bờ tây)	400	440	440
233		Bắt đầu từ cầu Quản lộ Phụng Hiệp	Đến kênh 1.000, kênh Vĩnh Phong			
		+ Trên lộ		330	360	360
		+ Dưới lộ		250	280	280
234		Bắt đầu từ Kênh 1.000 (Cầu Vĩnh Phong)	Đến giáp xã Vĩnh Thanh	250	280	280
235		Bắt đầu từ cầu xã Vĩnh Phú Tây	Đến cầu Quản lộ Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Đông)			
		+ Trên lộ		350	380	380
		+ Dưới lộ		250	280	280
236		Bắt đầu từ cầu Quản lộ Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Đông)	Đến kênh 500 (bờ đông) hướng Vĩnh Phong	300	340	340
237		Bắt đầu từ cầu Kênh Nhỏ	Đến kênh 6 Hạo			
		+ Trên lộ		630	680	680
		+ Dưới lộ		500	540	540
238		Bắt đầu từ kênh 6 Hạo	Đến giáp ranh TT. Phước Long			
		+ Trên lộ		500	540	540
		+ Dưới lộ		400	440	440
Khu vực chùa CosĐon						
239		Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành (chùa CosĐon)	Đến cầu Vĩnh Phong (kênh 2000)	300	340	340
240		Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành	Đến cầu Vĩnh Phong (kênh 6000)	300	340	340
241		Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành	Đến hết ranh thị trấn Phước Long	400	440	440
QL Quản lộ Phụng Hiệp						
242		Bắt đầu từ giáp ranh thị trấn Phước Long	Đến Cầu Kinh mới (2 Đạo)	800	860	860
243		Bắt đầu từ Cầu Kinh mới (2 Đạo)	Đến Cống Út Hạnh	500	550	800
244		Bắt đầu từ Cống Út Hạnh	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	1.000	1.100	1.100

245		Bắt đầu từ cầu Ba Âu	Đến Cầu giáp xã Vĩnh Thanh (Chủ Đổng)	250	280	280
246		Bắt đầu từ cầu Kênh 2.000 (Út Ri)	Đến Cầu giáp xã Vĩnh Thanh	250	280	280
247		Bắt đầu từ Cầu kênh Nhỏ Trường học	Đến cầu Trung ương Đoàn 4.000 (Vườn Cò)	250	280	280
248	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	Đầu Cầu Phó Sinh 2	Đến cây Xăng Lâm Xiêu	700	750	750
249	Tuyến lộ bê tông 2m	Bắt đầu từ đường từ Cầu nhà ông Nguyễn Văn An	Đến cầu ấp Bình Thiện xã Vĩnh Thanh		300	300
250	Tuyến lộ bê tông 3m ấp Bình Tốt	Bắt đầu từ Cầu 8 Thành ấp Bình Tốt	Đến nhà ông Minh Cương ấp Bình Tốt B		400	400
IV	XÃ PHONG HIỆP (gồm xã Phong Thạnh Tây A và xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long cũ)					
	Khu vực xã Phong Thạnh Tây A cũ					
251		Bắt đầu từ cầu Số 2 , ấp 1A	Đến kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc)			
		+ Trên lộ		600	650	650
		+ Dưới lộ		500	550	550
252		Bắt đầu từ kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc)	Đến kênh 3.000			
		+ Trên lộ		500	550	550
		+ Dưới lộ		400	440	440
253		Bắt đầu từ cầu số 2 , ấp 2B	Đến trường THCS xã Phong Thạnh Tây A về hướng 8A (Bờ Nam)			
		+ Trên lộ		900	960	960
		+ Dưới lộ		800	870	870
254		Bắt đầu từ Trường THCS xã Phong Thạnh Tây A	Đến kênh 1.000			
		+ Trên lộ		800	870	870
		+ Dưới lộ		700	760	760
255		Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến kênh 4.000			
		+ Trên lộ		600	650	650
		+ Dưới lộ		500	550	550

256		Bắt đầu từ kênh 4.000	Đến hết ấp 8B			
		+ Trên lộ		500	550	550
		+ Dưới lộ		400	440	440
257		Bắt đầu từ cầu số 2 , ấp 2B	Đến hết ranh Thính Thất Thiện Tâm Đàn			
		+ Trên lộ		750	800	800
		+ Dưới lộ		600	650	650
258		Bắt đầu từ hết ranh Thính Thất Thiện Tâm Đàn	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B			
		+ Trên lộ		550	600	600
		+ Dưới lộ		450	490	490
259		Bắt đầu từ cầu Số 2 , ấp 1A	Đến hết ranh cây xăng Thuận Minh			
		+ Trên lộ		600	650	650
		+ Dưới lộ		500	550	550
260		Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Thuận Minh	Đến giáp ranh xã Phước Long			
		+ Trên lộ		500	550	550
		+ Dưới lộ		450	490	490
261		Bắt đầu từ giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây (bờ Đông)			
		+ Trên lộ		400	440	440
		+ Dưới lộ		300	340	340
262		Bắt đầu từ Quản Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Vào 1000m ấp 1B về Phong Thạnh - Giá Rai	250	280	280
263		Bắt đầu từ Quản Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Vào 100m ấp 3 về hướng Phong Thạnh - Giá Rai	500	540	540
264		Vào 100m ấp 3 về hướng Phong Thạnh - Giá Rai	Đến giáp xã Phong Thạnh - Giá Rai	350	380	380
265	Tuyến Quản Lộ Phụng Hiệp - CM	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B	400	440	760
266	Đường dẫn Cầu số 2 - QL Quản lộ Phụng Hiệp	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Đến kênh Xáng Phụng Hiệp	300	340	608

267	Đường dẫn Cầu số 2 - QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ QL Quảng lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Vào 100m ấp 1B về hướng Phong Thạnh - Giá Rai	250	280	280
268	Đường dẫn Cầu số 2 - Quản lộ Phụng Hiệp ấp 2B	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phong	Đến ranh đất nhà ông Ngô Văn Khôi	280	300	540
269	Kênh 1000 ấp 1B, ấp 3	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B	250	280	280
270	Kênh 1000 ấp 1A, ấp 2B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	280
271	Kênh 2000 ấp 1A, ấp 8A, 2B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	280
272	Kênh 3000 ấp 8A	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	280
273	Kênh 4000 ấp 8A, 8B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	280
274	Kênh 5000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	280
275	Kênh 6000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phước Long	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	280
276	Kênh 7000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh kênh Phong Thạnh Tây	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	280
277	Kênh 8000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	250	280	280
278	Tuyến kênh Cô 9 (ấp 1A)	Bắt đầu từ đường Phước Long - Phong Thạnh Tây B (nhà ông Trịnh Hoài Nhanh)	Đến kênh 1000		280	280
279	Tuyến vào Miếu Vĩnh Ông (ấp 8A)	Bắt đầu từ Nhà Văn hóa (ấp 8A)	Đến Vĩnh Ông		280	280
Khu vực xã Phong Thạnh Tây B						
Tuyến Kênh Phụng hiệp						
280		Bắt đầu từ cầu Chủ Chí (ấp 4)	Đến hết ranh nhà Phan Văn Chiến hướng về Cà Mau			
		+ Trên lộ		2.700	2.800	2.800
		+ Dưới lộ		2.100	2.200	2.200

281		Bắt đầu từ hết ranh nhà Phan Văn Chiến	Đến hết ranh nhà ông Võ Văn Thành			
		+ Trên lộ		2.400	2.550	2.550
		+ Dưới lộ		1.650	1.850	1.850
282		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Võ Văn Thành	Hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Lũy			
		+ Trên lộ		1.400	1.500	1.500
		+ Dưới lộ		1.000	1.150	1.150
283		Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Lũy	Đến hết ranh Miếu nhà ông Trung			
		+ Trên lộ		900	980	980
		+ Dưới lộ		600	670	670
284		Bắt đầu từ hết ranh Miếu nhà ông Trung	Đến giáp ranh xã Tân Lộc Đông (Cà Mau)			
		+ Trên lộ		600	670	670
		+ Dưới lộ		500	550	550
Đường nhánh						
285		Cầu Trung ương Đoàn	Đến Cầu kênh 1	500	550	550
286		Bắt đầu từ Cầu kênh 1	Đến Cầu kênh 2	400	440	440
Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội						
287		Bắt đầu từ đầu cầu Chủ Chí (áp 9)	Đến hết ranh cây xăng Nguyên Đồi			
		+ Trên lộ		2.700	2.850	2.850
		+ Dưới lộ		2.100	2.300	2.300
288		Bắt đầu từ hết ranh đất cây xăng Nguyên Đồi	Đến hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa			
		+ Trên lộ		1.700	1.850	1.850
		+ Dưới lộ		1.000	1.200	1.200
289		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ			
		+ Trên lộ		1.400	1.500	1.500
		+ Dưới lộ		800	940	940
290		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ	Đến Kênh 2.000			
		+ Trên lộ		700	760	760

		+ Dưới lộ		600	650	650
291		Bắt đầu từ kênh 4.000	Đến giáp xã Tân Phú, huyện Thới Bình (Cà Mau)			
		+ Trên lộ		500	560	560
		+ Dưới lộ		400	460	460
Tuyến đường ấp 9B						
292		Bắt đầu từ UBND xã Phong Thạnh Tây B (ấp 9B)	Đến ấp 9B đến đầu cầu Chủ Chí (bờ Bắc)			
		+ Trên lộ		2.400	2.500	2.500
		+ Dưới lộ		2.100	2.200	2.200
293		Bắt đầu từ cầu Chủ Chí	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng			
		+ Trên lộ		1.600	1.650	1.650
		+ Dưới lộ		1.200	1.300	1.300
294		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công			
		+ Trên lộ		1.300	1.350	1.350
		+ Dưới lộ		900	1.000	1.000
295		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đê			
		+ Trên lộ		900	1.000	1.000
		+ Dưới lộ		650	700	700
296		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đê	Đến Kênh 1000			
		+ Trên lộ		700	800	800
		+ Dưới lộ		500	600	600
297		Bắt đầu từ Kênh 1000	Đến kênh 2000			
		+ Trên lộ		600	650	650
		+ Dưới lộ		500	550	550
298		Bắt đầu từ kênh 4000	Đến kênh 8000, giáp ranh xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau			
		+ Trên lộ		450	480	480
		+ Dưới lộ		400	430	430

	Tuyến đường ấp 2A					
299		Bắt đầu từ cổng Ông Minh	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông			
		+ Trên lộ		1.150	1.250	1.250
		+ Dưới lộ		800	900	900
300		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A			
		+ Trên lộ		540	620	620
		+ Dưới lộ		450	500	500
	Tuyến đường ấp 12					
301		Bắt đầu từ trại Cây Ba Kiệt (ấp 12)	Đến hết ranh đất nhà ông Hùng về Hộ Phòng (trên, dưới)	600	650	650
302		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hùng về Hộ Phòng	Đến hết ranh đất nhà ông Từ Văn Phước về Hộ Phòng (trên, dưới)	500	550	550
303		Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Bắt đầu từ Văn Phước về Hộ Phòng	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh, thị xã Giá Rai	380	400	400
	Tuyến đường ấp 12					
304		Bắt đầu từ trại cây Ba Kiệt (phần đất Ba Kiệt)	Đến ranh đất VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A			
		+ Trên lộ		700	750	750
		+ Dưới lộ		500	550	550
305		Bắt đầu từ hết ranh VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A	Đến hết ranh nhà bà Mỹ A			
		+ Trên lộ		500	550	550
		+ Dưới lộ		400	440	440
306		Bắt đầu từ hết ranh nhà bà Mỹ A	Đến hết ranh nhà ông Năm Thê (giáp ranh Phong Thạnh Tây A)			
		+ Trên lộ		420	450	450
		+ Dưới lộ		330	360	360

307	Tuyến Quản lộ Phụng hiệp	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	Đến Đầu Cầu Chủ Chí	400	440	650
308	Đường dẫn móng cầu Chủ Chí (Bên Chợ)	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Dũng ấp 2A	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Đen ấp 4	2.100	2.200	2.200
309	Tuyến kênh 1000 ấp 9B	Bắt đầu từ nhà bà Nguyễn Thị Tranh	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	340
310	Tuyến kênh 2000 ấp 9B	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khá	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	340
311	Tuyến kênh 4000 ấp 9B	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Khởi	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	340
312	Tuyến kênh 6000 ấp 9C	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Văn Tuổi	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	340
313	Tuyến kênh 7000 ấp 9C	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Tính	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	340
314	Tuyến kênh 8000 ấp 9C	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Hiền	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A	300	340	340
315	Tuyến kênh 1000	Bắt đầu từ nhà bà Lê Thị Danh	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A		400	400
316	Tuyến kênh 4000	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh văn Khởi	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A		400	400
317	Tuyến kênh 2000	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Khá	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A		400	400
318	Tuyến kênh 6000	Bắt đầu từ nhà ông Lê Văn Tuổi	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A		350	350
319	Tuyến kênh 7000	Bắt đầu từ ông Trần Văn Tính	Đến kênh Khạo Rạng Giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A		350	350

**PHỤ LỤC 07: Bảng giá đất ở trên địa bàn xã Vĩnh Lợi, xã Châu Thới, xã Hưng Hội (thuộc địa
bàn huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu cũ)**
(kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2020-2024 theo QĐ số 28/2021/QĐ- UBND	Giá đất điều chỉnh 2023 theo QĐ số 40/2023/QĐ- UBND	Giá đất điều chỉnh năm 2025
		Điểm đầu	Điểm cuối			
I	XÃ VĨNH LỢI (gồm thị trấn Châu Hưng và xã Châu Hưng A, huyện Vĩnh Lợi cũ)					
	Khu vực thị trấn Châu Hưng					
	Quốc lộ 1					
1		Bắt đầu từ cách tim lộ tẻ Châu Thới 500m về hướng Sóc Trăng	Đến tim lộ tẻ Châu Thới	2.300	2.600	3.000
2		Bắt đầu từ tim lộ tẻ Châu Thới	Đến cầu Cái Dầy	3.000	3.500	3.500
3		Bắt đầu từ giáp mé sông cầu Cái Dầy	Đến cổng trường Lê Văn Đẩu	3.400	4.000	4.000
4		Bắt đầu từ cổng trường Lê Văn Đẩu	Đến giáp đường lộ Xẻo Lá	4.200	4.500	4.500
5		Bắt đầu từ đường lộ Xẻo Lá	Đến cách ranh thành phố Bạc Liêu 400m	2.800	3.200	3.200
6		Bắt đầu từ cách ranh thành phố Bạc Liêu 400m	Đến giáp ranh thành phố Bạc Liêu	3.400	3.700	3.700
	Đường Trương Thị Cương					
7		Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cầu Thông Lưu B	600	650	650
8		Bắt đầu từ cầu Thông Lưu B	Đến cầu Mặc Đây	350	380	380
9		Bắt đầu từ cầu Mặc Đây	Đến cổng Nhà Thờ	320	350	350
10	Đường Trương Thị Cương (Phía nam kênh Cái Dầy - Nhà Thờ)	Bắt đầu từ ranh nhà Ông 8 Hòa	Đến cầu Ông Cha	300	360	360

	Đường Lê Thị Mạnh					
11		Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến hết ranh Trường Tiểu học Hoa Lư	1.200	1.400	2.000
12		Bắt đầu từ giáp Trường Tiểu học Hoa Lư	Đến cầu Sáu Thanh	800	880	1.400
13		Bắt đầu từ cầu Sáu Thanh	Đến hết ranh đất nhà Ông Trọng	400	440	440
	Đường Lê Thị Mạnh (phía nam kênh Tư Bal)					
14		Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến hết Khu Nhà ở xã hội	500	550	550
15		Bắt đầu từ hết Khu Nhà ở xã hội	Đến cầu 6 Thanh	400	440	440
16		Bắt đầu từ cầu 6 Thanh	Đến cầu Sơn Dương	300	340	340
	Đường 19/5					
17		Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cầu Trường Yên	800	880	1.000
18		Bắt đầu từ cầu Trường Yên	Đến giáp ranh xã Châu Thới	600	670	810
	Đường Huỳnh Thị Hoa					
19		Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cầu Ông Hải	1.000	1.150	1.150
20		Bắt đầu từ cầu Ông Hải	Đến giáp ranh Phường 8	320	360	360
21	Đường Mặc Dây - Bà Chăng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Việt	Đến hết ranh đất nhà Bà 2 Mèo	300	340	340
22	Đường Mặc Dây - Bà Chăng (đường 10 Hưng)	Bắt đầu từ cầu 8 Đơ	Đến Miếu Ông Tà	300	340	340
	Đường Tân Tạo					
23		Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến bãi rác	500	550	550
24		Bắt đầu từ lộ bãi rác	Đến Lò Hoà Táng	300	340	340
25		Bắt đầu từ cầu Công Tâm	Đến giáp bãi rác	300	340	340
	Đường Xẻo Chích					
26		Bắt đầu từ lộ tè ngoài	Đến cầu Xẻo Chích cũ	650	720	720

27		Bắt đầu từ cầu Xẻo Chích cũ	Đến lộ rẽ trong	300	340	340
28	Đường Huỳnh Thị Ngó (Cô Hai Ngó)	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cầu Chùa Giác Hoa	450	500	500
	Đường Xẻo Chích					
29		Bắt đầu từ cầu Ông Triều	Đến cầu Trường Yên	700	780	780
30		Bắt đầu từ ranh nhà Ông Quậy	Đến giáp ranh xã Châu Thới	300	340	340
31		Bắt đầu từ cống Bản	Đến hết ranh đất nhà Ông Thông	300	340	340
32	Đường Cái Dầy (ngang nhà Ông 5 Thành)	Bắt đầu từ ranh đất nhà kho Bà Kiều	Đến hết ranh đất nhà út Hết	300	340	340
33	Đường Thông Lưu B (ngang nhà 2 Tuấn)	Bắt đầu từ cầu Thông Lưu 1	Đến giáp xã Châu Hưng A	280	310	310
	Đường Thông Lưu B					
34		Bắt đầu từ cầu 6 Nghiêm	Đến phà 3 Lộ Mới	280	310	310
35		Bắt đầu từ cầu Thông Lưu 1	Đến hết ranh đất nhà ông 5 Thọ	300	340	340
36		Bắt đầu từ cầu ông Tráng	Đến cầu 2 Lớn	300	340	340
37		Bắt đầu từ cầu 9 Nhiều	Đến hết ranh đất nhà 2 Tươi	300	340	340
38	Đường Xẻo Lá (ngang nhà 6 Thanh)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Khải	Đến cầu 7 Định	300	340	340
39	Đường Xẻo Lá	Bắt đầu từ cầu 4 Mạnh	Đến hết ranh đất nhà 3 Miên	300	340	340
40	Đường Xẻo Lá (ngang nhà Ông Thọ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sơn Dương	Đến hết ranh đất nhà ông 8 Sơn	300	340	340
41	Đường Xẻo Lá (ngang nhà Ông Chuông)	Bắt đầu từ Đầm Trường Xẻo Lá	Đến hết ranh đất nhà ông Đầm	300	340	340
42	Đường Xẻo Lá (ngang nhà Ông Chính)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Khương Em	Đến hết ranh đất nhà 4 Nghiêm	300	340	340

43	Đường Xẻo Lá (ngang nhà Ông Tiễn)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Hòa	Đến hết ranh đất nhà ông Chiến	300	340	340
44	Đường Xẻo Lá	Bắt đầu từ cầu Ông 5 Lập	Đến hết ranh đất nhà Thạch Trắng	300	340	340
45	Đường Xẻo Lá (ngang nhà Ông Nhộn)	Bắt đầu từ cầu 5 Kiềm	Đến cầu Bà Sáng	300	340	340
46	Đường Mặc Dây (ngang nhà Ông Mãnh)	Bắt đầu từ cầu Ông Trường	Đến hết ranh đất nhà ông Yết	300	340	340
47	Đường Mặc Dây (ngang nhà Ông Dững)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông 7 Guôl	Đến giáp xã Châu Hưng A	300	340	340
48	Đường Mặc Dây (ngang nhà Ông 6 Chiên)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dẫn	Đến cầu Ông Ngân	300	340	340
49	Đường Mặc Dây	Bắt đầu từ cầu Mặc Dây	Đến gáp ranh xã Châu Hưng A	270	300	300
50	Đường Mặc Dây	Bắt đầu từ cầu Mặc Dây	Đến hết ranh đất nhà ông Sương Dương	270	300	300
51	Đường Bà Chăng (ngang nhà Ông Khái)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Hà	Đến hết ranh đất nhà Ông Dũ	280	310	310
52	Đường Bà Chăng (Xalatel)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hà	Đến cầu Thanh Niên	300	340	340
53	Đường Bà Chăng (ngang nhà bà 9 Đò)	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến Miếu Ông Tà	300	340	340
54	Đường Bà Chăng (ngang nhà Chệt Nhíp)	Bắt đầu từ cầu Bà Chăng	Đến giáp ranh xã Châu Hưng A	300	340	340
55	Đường Nhà Thờ (ngang nhà bà Điệp)	Bắt đầu từ cầu Ông Cha	Đến giáp ranh xã Hưng Thành	350	390	390
Đường Nhà Thờ (Châu Hưng A - Hưng Thành)						
56		Bắt đầu từ cầu Thanh Tùng	Đến giáp ranh xã Hưng Thành	350	390	390
57		Bắt đầu từ lộ Nhà Thờ	Đến hết ranh đất nhà 6 Vinh	400	440	440
58	Đường Nhà Thờ	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Tỷ	Đến hết ranh đất nhà Ông Sơn	300	340	340

59	Đường Nhà Thờ	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Hưng	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Ga	300	340	340
60	Đường Nhà Thờ	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Tùng	Đến hết ranh đất nhà ông 3 kiên	300	340	340
61	Khu dân cư Hoài Phong (Đoạn chính) cách QL 30m	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông 2 Tính	600	670	670
62	Khu dân cư Hoài Phong (các đoạn còn lại)	Bắt đầu từ Đường nội bộ trong khu dân cư		400	440	440
63	Khu dân cư Huy Thống	Bắt đầu từ Đường nội bộ trong khu dân cư		400	440	440
64	Khu hành chính của huyện Vĩnh Lợi					
65	Đường Bùi Văn Viết	Đường Nguyễn Thị Dần	Đường Nguyễn Phúc Nguyên	2.000	3.000	3.000
66	Đường Lê Thị Quý	Đường Bùi Văn Viết	Đường Nguyễn Phúc Nguyên	2.000	3.000	3.000
67	Đường Võ Văn Kiệt	Quốc Lộ 1	Giao đường Hoa Lư	2.000	3.000	3.000
68	Đường Nguyễn Thị Tiền	Đường Ngô Quang Nhã	Đường Hoa Lư	2.000	3.000	3.000
69	Đường Ngô Quang Nhã	Đường Lê Thị Quý	Đường Nguyễn Thị Tiền	2.000	3.000	3.000
70	Đường Nguyễn Phúc Nguyên	Đường Bùi Văn Viết	Đường số 17	2.000	3.000	3.000
71	Đường Ngô Văn Ngộ	Đường Lê Thị Quý	Đường Nguyễn Thị Tiền	2.000	3.000	3.000
72	Đường Hoa Lư	Đường 19/5	Đường Nguyễn Thị Dần	2.000	3.000	3.000
73	Đường Phạm Thị Chữ	Đường 19/5	Trung tâm y tế	2.000	3.000	3.000
74	Đường Nguyễn Thị Dần	Đường Bùi Văn Viết	Đường Hoa Lư	2.000	3.000	3.000
75	Đường Tân Tạo	Quốc lộ 1	ấp Tân Tạo	2.000	3.000	3.000
76	Đường khu nhà ở xã Hội Xẻo Lá	Các tuyến đường nội bộ trong khu Nhà ở Xã Hội			300	300
77	Cuối đường Trương Thị Cương	Bắt đầu từ cầu Sơn Dương	Đến giáp ranh xã Hưng Hội		400	400
	Khu vực xã Châu Hưng A cũ					
	Quốc lộ 1					

78		Bắt đầu từ giáp ranh Sóc Trăng	Đến giáp ranh Sóc Trăng + 200m (Cầu Nàng Rền)	1.100	1.340	1.500
79		Bắt đầu từ giáp ranh Sóc Trăng + 200m (Cầu Nàng Rền)	Đến cầu Xa Bảo	1.300	1.500	1.800
80		Bắt đầu từ cầu Xa Bảo	Đến cách tìm lộ tẻ Châu Thới 500m về hướng Sóc Trăng	1.600	1.800	2.100
Huyện lộ 28 (lộ Châu Hưng A - Hưng Thành)						
81		Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cách Quốc Lộ 1 500 m	420	500	610
82	(đoạn bắt đầu từ cách Quốc Lộ 1 500 m đến cầu Thanh Niên, theo địa giới hành chính xã Vĩnh Lợi)	Bắt đầu từ cách Quốc Lộ 1 500 m	Đến Gia Hội (giáp đất bà Trần Thị Hoàng Thư)	350	390	390
Đường Trà Ban 2- Nhà Dài A						
83		Bắt đầu từ Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà Bảy An (đê bao Đông Nàng Rền)	300	340	340
84		Bắt đầu từ ranh đất nhà Bảy An (Trà Ban 2)	Đến hết ranh đất nhà Năm Nai	250	280	280
85	Lộ Nhà Dài A - Công Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Thượng	Đến hết ranh đất nhà ông Hai Hậu	250	280	280
86	Lộ Nhà Dài B - Bàu Lớn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Nai	Đến hết ranh đất nhà ông Hai Thắng	250	280	280
87	Lộ Chắc Đốt - Cầu Sáu Sách	Bắt đầu từ cầu Thanh Tùng	Đến cầu nhà ông Sáu Sách (cổng 6 Sách)	250	280	400
88	Lộ Trà Ban 2 - Quang Vinh	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Hết ranh đất nhà bà Út Liễu (Quang Vinh)	300	340	340
Lộ Thông Lưu A						
89		Bắt đầu từ cầu Tư Gia	Đến cầu Sáu Liễu	350	390	390

90		Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A-Hưng Thành (cầu Ông Tòng)	Đến giáp Thông Lưu B	250	280	280
91		Bắt đầu từ cầu Tư Gia	Đến hết ranh đất nhà ông Út Hoàng	250	280	280
	Đường Thạnh Long					
92		Đường Thạnh Long	Đến hết ranh đất nhà Ông Bảo	250	280	280
93		Bắt đầu từ cầu 10 Ty	Đến hết ranh đất nhà 10 Lớn	250	280	280
94		Bắt đầu từ cầu 10 Ty	Đến hết ranh đất nhà Ông Quyền	250	280	280
95	Đường Thạnh Long	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Bảy Tròn	Đáp Năm Nguyên	250	280	280
96	Lộ Châu Hưng A - Hưng Thành	Bắt đầu từ trường mẫu giáo Phong Lan	Đến cầu Nhà Dài A	500	550	660
	Lộ Trà Ban 2					
97		Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Cầu Nàng Rền)	Đến Chùa Châu Quang	250	280	280
98		Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Cầu Nàng Rền)	Đến hết ranh đất nhà thạch Út	250	280	280
99		Bắt đầu từ cầu 6A	Đến trạm bơm kênh Tư Báo	250	280	280
100		Bắt đầu từ cầu 5 Diệp	Đến hết ranh đất nhà 4 Oai	250	280	280
101		Bắt đầu từ cầu Ông Thượng	Đến hết ranh đất nhà Ông Hết	250	280	280
102		Quốc lộ 1 (Cầu Nàng Rền)	Đến giáp ranh Sóc Trăng (Nhà bà Tám)	250	280	280
103		Bắt đầu từ cầu Ông Thượng	Đến hết ranh đất nhà Ông Oanh	250	280	280
	Lộ Trà Ban 1					
104		Bắt đầu từ Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà 8 Giang	250	280	280
105		Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Nhà Tuấn Anh)	Đến hết ranh đất nhà Ông Vui	250	280	280
106		Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Miếu Thạch Thân)	Đến hết ranh đất nhà Ông Hùng	250	280	280

107		Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Cổng Trà Hắt)	Đến kênh Nội Đồng	250	280	280
108		Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Nhà 3 Sang)	Đến hết ranh đất nhà Ông Lý Đực	250	280	280
109		Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Nhà Ông Xuôi)	Đến hết ranh đất nhà Ông Vinh	250	280	280
110		Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Nhà Ông Ái)	Đến hết ranh đất nhà Ông Út Em	250	280	280
Lộ Hà Đức						
111		Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A - Hưng Thành (Lộ xã)	Đến cầu 2 Cồn	250	280	280
112		Bắt đầu từ cầu Ông Khanh	Đến hết ranh đất nhà Ông 8 Quyền	250	280	280
113		Bắt đầu từ Lộ Châu Hưng A - Hưng Thành (Cầu 2 Kêu)	Đến hết ranh đất nhà Bà Thúy	250	280	280
114		Bắt đầu từ cầu Út Lê	Đến cầu 2 Bửu	250	280	280
Lộ Nhà Dài A						
115		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Hải	Đến cầu 5 Y	250	280	280
116		Bắt đầu từ Lộ xã Châu Hưng A - Hưng Thành	Đến hết ranh đất nhà Ông 7 Ích	250	280	280
117		Bắt đầu từ cầu Nhà Dài A	Đến đê Bao Đông Nàng Rền	250	280	280
118		Bắt đầu từ Lộ Châu Hưng A- Hưng Thành (Nhà Bích Trị)	Đến hết ranh đất nhà Ông Cọp	250	280	280
119		Bắt đầu từ cầu 3 Chấn	Đến cầu 6 Sành	250	280	280
120		Bắt đầu từ cầu Vũ Hoàng	Đường 3 Tình	250	280	280
121	Đông Nàng Rền	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1	Đến cổng 6 Sách	300	340	400
Lộ Nhà Dài A - Lộ Nhà Dài B						
122		Bắt đầu từ cầu 5 Hồ	Đến cầu 4 Hoàng	250	280	280
123		Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A- Hưng Thành	Đến cầu Ông Hồ	250	280	280

	Lộ Nhà Dài B					
124		Bắt đầu từ ranh nhà Ông Hai Hậu	Đến hết ranh đất nhà Ông Nhanh	250	280	280
125		Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A- Hưng Thành	Đến cầu Nhà Dài B	250	280	280
126		Bắt đầu từ cầu 5 Lắm	Đến hết ranh đất nhà Ông Phụng	250	280	280
127		Bắt đầu từ cầu 3 Triều	Đến hết ranh đất nhà Ông Cường	250	280	280
	Lộ Chắc Đốt					
128		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Minh	Đến hết ranh đất nhà 3 Xệ	250	280	280
129		Bắt đầu từ ranh đất nhà 9 Tuấn	Đến hết ranh đất nhà Bà Chênh	250	280	280
130		Bắt đầu từ ranh đất nhà 9 Chủ	Đến giáp ranh Thị Trần	250	280	280
131		Điểm trường Tiểu học Chắc Đốt	Đến hết ranh đất nhà Ông Tông	250	280	280
132		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Thiện	Đến hết ranh đất nhà Ông 5 Thạch	250	280	280
133		Bắt đầu từ ranh đất nhà Lâm	Đến cầu Thạnh Long (6 Để)	250	280	280
134		Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A- Hưng Thành	Đến cầu 9 Tuấn	250	280	280
135	Lộ Thông Lưu A - Trà Ban 2	Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A- Hưng Thành	Đến cầu 6 A	250	280	280
136	Lộ Hà Đức - Nhà Dài A	Bắt đầu từ cầu 5 Trường	Đến lộ Nhà Dài A	250	280	280
137	Lộ Nhà Dài B - Chắc Đốt	Bắt đầu từ cầu 3 Triều	Đến cầu 7 Bưởi	250	280	280
138	Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ nhà bà Út Tích	Đến nhà ông 10 Vốn		280	280
139	Lộ 10 Hương	Bắt đầu từ đê bao Đông Năng Rền	Đến nhà ông Măng		280	280
140	Lộ Nhà Dài B - Chắc Đốt	Bắt đầu từ nhà ông 9 Tuấn (Chắc Đốt)	Đến giáp nhà ông Văn		280	280
II	XÃ CHÂU THỚI (gồm xã Châu Thới, xã Vĩnh Hưng và xã Vĩnh Hưng A, huyện Vĩnh Lợi cũ)					

	Khu vực xã Châu Thới					
141	Đường đi Vĩnh Hưng	Bắt đầu từ đền Thờ Bắc	Đến hết ranh đất nhà ông Phan Văn Nam	500	550	950
142	Khu vực chợ	Bắt đầu từ cách UBND xã 300 m về hướng QL1	Cách UBND xã 300 m về hướng Đền thờ Bắc	700	760	1.100
	Đường 19/5					
143		Bắt đầu từ giáp ranh Thị Trấn Châu Hưng	Cách UBND xã 300 m về hướng QL1	500	550	950
144		Cách UBND xã 300 m về hướng Đền thờ Bắc	Đến Đền Thờ Bắc	500	550	850
145	Đường Bàu Sen	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ba Hui (Cổng Văn Hóa)	Đến cầu Thanh Niên	250	280	400
146	Đường Trà Hắt	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hiền	Đến cầu Trà Hắt	250	280	350
147	Đường ấp Trà Hắt-Bàu Sen	Bắt đầu từ cầu Ba Cùm	Đến cầu Thợ Vỡ	250	280	400
148	Đường Bà Chăng A-B1-B2	Bắt đầu từ ranh trường Nguyễn Bình Khiêm	Đến cầu Thanh Niên (giáp ranh xã Vĩnh Hưng)	250	280	280
149	Đường Nhà Việc	Bắt đầu từ ranh đất nhà Sáu Miếu	Đến cầu Ba Cùm	250	280	400
150	Đường Giồng Bướm A.B	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thu	Đến cầu Dù Phịch	250	280	400
151	Đường Giồng Bướm B	Bắt đầu từ ngã 3 Lung Sen	Đến cầu Xá Xính	250	280	280
152	Đường Công Điền-Cai Điều	Bắt đầu từ cầu nhà Ông Thọ	Đến đường học Cai Điều	250	280	280
153	Đường Giồng Bướm A-Trăm 1	Bắt đầu từ cầu Bảy Sên	Đến hết ranh đất nhà ông Ngô Văn Việt (bà Kiều)	250	280	280
154	Đường Cái Điều-Giồng Bướm A	Bắt đầu từ ranh đất trường học Cai Điều	Đến cầu miếu Đá Trắng	250	280	280
155	Đường Bà Chăng A-Bà Chăng B	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Oanh	Đến cầu ngã ba Trần Nghĩa	250	280	280

156	Đường B2- Giồng Bướm B-Tràm 1	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên (giáp ranh xã Vĩnh Hưng)	Đến Miếu Bà Tràm 1 (Giáp ranh xã Long Thạnh)	250	280	400
157	Đường Bàu Sen-Bà Chằng A-Bà Chằng B	Bắt đầu từ cầu Chữ Y	Đến cầu Kênh Cùg	250	280	280
158	Đường Bàu Sen	Bắt đầu từ cầu Thợ Võ	Đến hết ranh đất nhà ông Việt	250	280	280
159	Đường Bà Chằng B	Bắt đầu từ ranh trụ sở ấp Bà Chằng B	Đến hết ranh đất nhà ông Hai Thuận	250	280	280
160	Đường Bà Chằng A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chiến	Đến trường Nguyễn Bình Khiêm	250	280	280
161	Đường Bà Chằng B	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến cầu Tư Nam	250	280	280
162	Đường Xóm Lớn	Bắt đầu từ ranh nhà máy bà Chín Lèo	Đến giáp ranh xã Long Thạnh	250	280	280
163	Đường Công Điền-Nàng Rền	Bắt đầu từ cầu Ông Lác	Đến Miếu bà Nàng Rền	250	280	280
164	Đường Giồng Bướm A	Bắt đầu từ ranh Trường Ngô Quang Nhã	Đến cầu Ông Tuệ	250	280	280
165	Đường Lung Sen	Bắt đầu từ cầu Ông An	Đến cầu Ông Lợi (Kinh Xáng)	250	280	280
166	Đường kênh Thanh Niên	Bắt đầu từ ranh Trường Nguyễn Bình Khiêm	Đến Ấp B2 (Nhà ông Phúc)	250	280	280
167	Đường Trà Hắt	Bắt đầu từ cầu Trà Hắt	Đến hết ranh đất nhà Bà Chợ	250	280	280
168	Đường Cai Điều	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lớn	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Sáng	250	280	280
169	Đường Bà Chằng A-B1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Ngọc	Đến hết ranh đất nhà ông Út Hai	250	280	280
170	Đường Nàng Rền - Cai Điều	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mùi	Đến hết ranh đất nhà ông Đục	250	280	280
171	Đường Bà Chằng A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông An	Đến hết ranh đất nhà ông Xuân	250	280	280
172	Đường Nhà Việc	Bắt đầu từ cầu nhà ông Tấu	Đến cầu nhà ông Dũng	250	280	280
173	Đường Hàn Bần	Bắt đầu từ ranh trường tiểu học Châu Thới	Đến cầu nhà ông 6 Ngộ	250	280	280
174	Tuyến Giồng Đế	Bắt đầu từ cầu nhà ông Tỏa	Đến giáp ranh ấp Công Điền	250	280	280

175	Tuyến Ấp Kênh - Ấp 4B	Bắt đầu từ cầu Lung Sen	Đến hết ranh đất nhà ông Út Thêm	250	280	280
176	Tuyến Bàu Sen - Bà Chằng A	Bắt đầu từ cầu Bà Sanh	Đến hết ranh đất nhà ông Công	250	280	280
177	Đường ấp Giồng Bướm A	Bắt đầu từ ranh nhà bà Hoa	Đến hết ranh đất nhà ông 7 Sên	250	280	280
178	Đường ấp Giồng Bướm A	Bắt đầu từ ranh nhà ông 5 Đá	Đến hết ranh đất nhà ông Thủ	250	280	280
179	Đường ấp Tràm 1	Bắt đầu từ ranh nhà ông Bộ	Đến hết ranh đất nhà bà Kim Hai	250	280	280
180	Đường ấp Cai Điều	Bắt đầu từ ranh nhà ông Khanh	Đến cầu Bà Lãng	250	280	280
181	Đường ấp Bàu Sen	Bắt đầu từ ranh nhà ông Thanh	Đến hết ranh đất nhà ông Nghĩa	250	280	280
182	Đường ấp Bàu Sen	Bắt đầu từ Miếu Bà	Đến hết ranh đất nhà ông Đề	250	280	280
183	Đường ấp Bàu Sen	Bắt đầu từ cầu Ông Nam	Đến giáp Sóc Trăng	250	280	280
184	Đường ấp Nhà Việc	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà bà Sang	Đến hết ranh đất nhà ông Hiền	250	280	280
185	Đường ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hưng	Đến hết ranh đất nhà ông Hường	250	280	280
186	Đường ấp Giồng Bướm B	Bắt đầu từ cầu Lung Sen	Đến hết ranh đất nhà ông Thiên	250	280	280
	Đường ấp Nhà Việc					
187		Bắt đầu từ cầu ông Dũng	Đến hết ranh đất nhà Ông Bích	250	280	280
188		Bắt đầu từ cầu Ông Nhiên	Đến hết ranh đất nhà Ông Khoa	250	280	280
189		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Đáng	Đến hết ranh đất nhà Ông Ngọc Tới	250	280	280
190		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Sang	Đến hết ranh đất nhà Ông Việt (giáp ấp Xóm Lớn)	250	280	280
191	Đường Bàu Sen - Trà Hắt	Bắt đầu từ cầu bà Nga	Đến cầu Ông Nghĩa	250	280	280
192	Đường Bàu Sen	Bắt đầu từ cầu Ông Sáng	Đến giáp Tỉnh Sóc Trăng	250	280	280
193	Đường Nhà Việc Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu Ông Dũng	Đến hết ranh đất nhà Ông Hưng	250	280	280
194	Đường B1	Bắt đầu từ cầu Ông Hai	Đến hết ranh đất Nhà văn hóa ấp B1	250	280	280

195	Đường Cai Điều - Công Điền	Bắt đầu từ cầu Bà Lãng	Đến hết ranh đất nhà Ông Khanh	250	280	280
196	Đường Cai Điều	Bắt đầu từ cầu Ông Nam	Đến hết ranh đất nhà Ông út	250	280	280
197	Đường ấp B2	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Hằng	Đến hết ranh đất nhà Bà Minh	250	280	280
198	Đường Giồng Bướm A	Bắt đầu từ bến xe xã Châu Thới	Đến cầu 7 Sên		280	280
199	Đường Bà Chăng A	Bắt đầu từ nhà ông Lý Văn Ẽn	Đến cầu trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm (cũ)		500	500
200	Đường Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu nhà ông Quân	Đến cầu nhà ông Ba Giò (ấp Nàng Rền)		280	280
Khu vực xã Vĩnh Hưng cũ						
Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa						
201	(đoạn từ giáp ranh huyện Hòa Bình cũ đến đường vào trụ sở mới xã Vĩnh Hưng, theo địa giới hành chính xã Châu Hưng)	Bắt đầu từ trạm Y tế xã Long Thạnh	Đến đường vào trụ sở mới xã Vĩnh Hưng	650	720	1.200
202		Bắt đầu từ đường vào trụ sở mới xã Vĩnh Hưng	Đến cầu 3 Phụng	1.000	1.200	1.200
203	Đường Cầu Sập - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Ba Phụng	Đến cách cầu Mới Vĩnh Hưng 100m	2.500	2.800	3.000
204	Lộ tẻ	Bắt đầu từ Ba Tân	Đến Tám Em - Chín Đình	380	420	420
205	Đường Vĩnh Hưng - Thạnh Hưng 2	Bắt đầu từ cầu Vàm Đình	Đến hết ranh đất nhà Út Bồn (Lê Văn Bồn)	250	280	300
206	Đường Trung Hưng 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tám Em	Đến cầu Am	250	280	300
207	Đường Trung Hưng 2	Bắt đầu từ cầu Am	Đến cầu Trần Nghĩa	250	280	280
208	Đường Trung Hưng 2	Bắt đầu từ cầu Am	Đến giáp xã Vĩnh Hưng A	250	280	280
209	Đường Trần Nghĩa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ba Hải	Đến hết ranh đất nhà ông Rạng	280	310	310

210	Đường Trần Nghĩa- Đông Hưng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ba Hải	Đến cầu 3 Gồm	280	310	310
Đường Vĩnh Hưng - Đền Thờ Bác						
211		Bắt đầu từ cầu Mới Vĩnh Hưng	Đến hết ranh đất nhà ông Tư Gầy	800	870	900
212		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Gầy	Đến hết ranh đất nhà Ông Nguyễn Thanh Nam	600	650	900
213	Tuyến HB15	Bắt đầu từ cầu Ba Phụng	Đến giáp ranh Kinh Xáng Hòa bình	300	340	400
214	Rạch Cây Giông	Bắt đầu từ ranh đất Nhà Ông Thông	Đến hết ranh đất nhà Ông 5 Tồng	250	280	280
215	Đường Út Bồn - Tư Bá	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Út Bồn	Đến hết ranh đất nhà Tư Bá	250	280	280
216	Đường Chín Đô - 3 Nguyệt	Bắt đầu từ cầu Vàm Đình	Đến hết ranh đất nhà Ông Súa	250	280	300
217	Đường Miếu Chủ Hai - 8 Hồ	Bắt đầu từ Miếu Chủ Hai	Đến hết ranh đất nhà Ông 8 Hồ	250	280	280
218	Đường Bà Bé - Ông On	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Bé	Đến hết ranh đất nhà Ông On	250	280	280
219	Đường Cầu Thanh Niên - Giáp ranh Minh Diệu	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến giáp Ranh xã Minh Diệu	250	280	280
220	Tuyến Đường Bà Quách	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Tư Lũy	Đến hết ranh đất nhà Ông 7 Lý	250	280	280
221	Đường Thanh Hưng 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bảy Tàu	Đến giáp ranh Vĩnh Hưng A	250	280	280
222	Đường Trần Nghĩa giáp xã Vĩnh Hưng A	Bắt đầu từ cầu Trần Nghĩa	Đến cầu ông Ba Giai	250	280	280
223	Đường kênh Xáng Hòa Bình	Bắt đầu từ ranh đất nhà 2 Tây	Đến hết Ranh Đất Nhà Ông Bảnh	250	280	280
224	Đường khu nhà lồng chợ Vĩnh Hưng	Các tuyến đường nội bộ khu nhà lồng chợ Vĩnh Hưng			1.500	1.500
225	Tuyến Tam Hưng- ấp Trung Hưng 1A	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hưng	Đến giáp ranh ấp Trung Hưng 1A, xã Vĩnh Hưng A		380	380
226	Đường Ông Quang - ông Nền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quang	Đến hết ranh đất nhà ông Nền		260	260
227	Tuyến đường ấp Trung Hưng 2	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến hết ranh đất nhà ông Hoàng Em		260	260

	Khu vực xã Vĩnh Hưng A cũ					
228	Lộ Tháp Cỏ	Bắt đầu từ Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Đến hết ranh đất nhà Ông Hoàng Chiến	400	440	840
229	Đường Trung Hưng 1A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sách	Đến cổng Chèo Trung Hưng 1A	320	350	350
230	Đường Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ cổng Chèo Trung Hưng 1A	Đến hết ranh đất nhà ông Bảy Quýt	250	280	280
231	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ cầu Mới Vĩnh Hưng	Đến cách Cầu Mới Vĩnh Hưng 100m (về phía xã Vĩnh Hưng)	1.050	1.150	2.100
232	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ cầu Mới Vĩnh Hưng	Đến cách Cầu Mới Vĩnh Hưng 100m (Về phía xã Vĩnh Hưng A)	1.050	1.150	2.100
233	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ cách Cầu Mới Vĩnh Hưng 100m (Về phía xã Vĩnh Hưng A)	Đến hết ranh đất nhà Ông Lê Quang Rinh	800	870	1.600
234	Đường Trung Hưng - Bắc Hưng	Bắt đầu từ cầu Ngang Kênh Xáng	Đến giáp Ranh xã Vĩnh Hưng	250	280	280
235	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Lê Quang Rinh	Đến giáp ranh xã Hưng Phú huyện Phước Long	800	860	860
236	Đường Trung Hưng III - Mỹ Trinh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 3 Nhuận	Đến hết ranh đất nhà ông 3 Khanh	250	280	280
237	Đường Mỹ Trinh	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông 3 Khanh	Đến cầu Thanh Niên	250	280	280
238	Đường Trung Hưng 1B-Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoàng Chiến	Đến hết ranh đất nhà Ông Dạn	270	300	300
239	Đường Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Mỹ Linh	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Non	250	280	280
240	Đường Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông 4 Quân	Đến hết ranh đất nhà Ông Phạm Chí Nguyễn	250	280	280
241	Đường Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông 7 Quýt	Đến hết ranh đất nhà Ông Lý Em	250	280	280
242	Đường Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Huỳnh Văn Tạng	Đến hết ranh đất nhà Ông Đỗ Văn Mẫn	250	280	280

243	Đường Trung Hưng - Trung Hưng III	Bắt đầu từ cầu Kênh Xáng	Đến hết ranh đất nhà Ông 5 Tính	250	280	280
244	Đường Trung Hưng III	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Ông 5 Tính	Đến hết ranh đất nhà Ông 2 Nghé	250	280	280
245	Đường Trung Hưng III - Nguyễn Điền	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Ông 2 Nghé	Đến hết ranh đất nhà Ông 3 Hồng	250	280	280
246	Đường Nguyễn Điền - Trung Hưng	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Ông 3 Hồng	Đến hết ranh đất nhà Ông Kỳ Phùng	250	280	280
247	Đường Bắc Hưng	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông 10 Lạc	Đến hết ranh đất nhà Bà Cứng	250	280	280
248	Đường dẫn lên Cầu Mới Vĩnh Hưng	Bắt đầu từ Lộ Nấn Cua - Cầu Sập	Đến cầu Mới Vĩnh Hưng	850	900	900
249	Tuyến Bắc Hưng - Nguyễn Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà Út Tịnh	Đến cầu Bà Đô	250	280	280
250	Lộ Nguyễn Điền	Bắt đầu từ cầu Bà Đô	Đến giáp ranh Sóc Trăng	250	280	280
251	Lộ Mỹ Trinh - Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ ranh đất nhà Chín Là	Đến nhà văn hóa ấp Trung Hưng 1 B	250	280	280
252	Lộ Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà Chín Hương	Đến hết ranh đất nhà Ông Ba Nhân	250	280	280
253	Đường Bắc Hưng	Bắt Đầu từ nhà Út Anh	Đến nhà ông Chiến		280	280
254	Đường Trung Hưng 3	Bắt đầu từ cầu 2 Nghé	Đến nhà ông Tư Công		280	280
255	Đường Bắc Hưng - Nguyễn Điền	Bắt đầu từ trường tiểu học điểm Bắc Hưng	Đến cầu Ông Cuội		280	280
256	Đường Trung Hưng 1A - Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ cầu Út Mân	Đến Cầu Ông Sanh		280	280
257	Đường Phú Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ cầu Tám Hương	Đến nhà ông Nhật		280	280
258	Đường Trung Hưng 1A - Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ giáp xã Vĩnh Hưng	Đến cầu từ thiện số 97		280	280
259	Đường Mỹ Trinh	Bắt đầu từ cầu Út Biều	Đến Nhà Năm Thanh		280	280
260	Đường Nguyễn Điền	Bắt đầu từ cầu Hai Lóc	Đến cầu Chín Thù		280	280
261	Đường Trung Hưng 1B - Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ cầu Ba Phương	Đến nhà ông Hồi		280	280

262	Đường Bắc Hưng	Bắt đầu từ cầu Quýt Xiêm	Đến nhà ông Loan Đi		280	280
263	Đường Trung Hưng 1A	Bắt đầu từ giáp xã Vĩnh Hưng	Đến nhà bà Cúc		280	280
264	Đường Mỹ Trinh	Bắt đầu từ nhà ông Vệ	Đến nhà ông Thơ		280	280
265	Đường Trung Hưng	Bắt đầu từ cầu Cà Ba	Đến nhà Bảy Minh		280	280
266	Đường Nguyễn Diên	Bắt đầu từ cầu Bà Dô	Giáp ranh tỉnh Sóc Trăng		280	280
267	Đường Mỹ Trinh	Bắt đầu từ Cầu Ông Điện	Đến Nhà Năm Thanh		280	280
268	Đường dẫn vào Tháp Cỏ	Giáp đường Tháp Cỏ	Đến khu di tích Tháp Cỏ		250	250
269	Đường Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ nhà ông Non	Đến Nhà ông Tâm		250	250
270	Đường Trung Hưng 1A	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn	Đến Nhà ông Bảnh		250	250
271	Đường Trung Hưng 1A	Bắt đầu từ nhà ông Hai Hồng	Đến Nhà ông Hai Thức		250	250
III	XÃ HƯNG HỘI (gồm xã Hưng Hội và xã Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi cũ)					
	Khu vực xã Hưng Hội cũ					
	Tỉnh lộ 976 (Hương Lộ 6)					
272		Bắt đầu từ giáp ranh thành phố Bạc Liêu	Cách ranh thành phố Bạc Liêu 200m	1.600	1.900	2.150
273		Bắt đầu từ cách ranh thành phố Bạc Liêu 200m	Đến hết ranh Công Văn hóa ấp Giá Tiểu	1.300	1.600	1.900
274		Bắt đầu từ hết ranh Công Văn hóa ấp Giá Tiểu	Đến giáp ranh xã Hưng Thành	1.000	1.340	1.600
275	Cù Lao - Cái Giá	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Nhà Ông Cầu)	Đến ngã 3 Chùa Chốt	350	390	665

276	Phú Tòng - Bung Xúc - Giá Tiểu	Bắt đầu từ trụ Sở Ấp Phú Tòng	Đến hết ranh đất nhà ông Trọng	350	390	570
277	Giá Tiểu - Đay Tà Ni	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Điện	Đến cầu Chùa Chót	270	300	300
278	Lộ Sóc Đồn - Giá Tiểu	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Đầu lộ Giá Tiểu)	Đến cầu nhà ông Tấn	320	360	360
279	Lộ Cả Vĩnh - Bung Xúc	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Cổng Cả Vĩnh)	Đến ầu nhà ông Năm Phù	320	360	360
280	Lộ Nước Mặn - Bung Xúc	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Nhà Sơn Nhàn)	Đến hết ranh đất nhà Máy Bà Yến	270	300	300
281	Lộ Nước Mặn - Phú Tòng	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Cổng Nước Mặn)	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Quốc Bảo	500	550	550
282	Lộ Sóc Đồn - Đay Tà Ni - Giá Tiểu	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Trụ sở ấp Sóc Đồn)	Đến cầu nhà Bà Hoa	350	380	380
Lộ Sóc Đồn						
283		Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Dương	Đến hết ranh đất nhà Thầy Lành	350	380	380
284		Bắt đầu từ ranh đất nhà thầy Viễn	Đến Miếu Ông Bồn	250	280	280
285	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ ranh đất Kho Sáu Diệu	Đến hết ranh đất nhà bà Hiền	250	280	280
286	Lộ Cù Lao- Cái Giá	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Nhà Ông Đào Dân)	Đến hết ranh đất nhà Ông Phan Súa	250	280	280
Lộ Sóc Đồn						
287		Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (nhà ông Cường)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Sôl	250	280	280
288		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lén	Đến hết ranh đất nhà bà Lâm Thị ChuôL	250	280	280
289		Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (nhà ông Kim Chung)	Đến sau nhà Bà Hương	300	340	340
290		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Bình Dinh	Đến hết ranh đất nhà Bà Huỳnh Thị Hường	320	350	350
291		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 9 Thân	Đến trạm Y Tế	500	550	700

292		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Chánh	Đến hết ranh đất nhà bà Thủy	500	550	700
293	Cái Giá	Bắt đầu từ ranh đất nhà Lý Dũng	Đến cầu Chùa Chót	300	340	340
294	Lộ Sóc Đồn - Đay Tà Ni	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Cầu Sóc Đồn)	Đến cầu Chùa Chót	300	340	340
295	Lộ Đay Tà Ni	Bắt đầu từ cầu Chùa Chót	Đến cầu Nhà Ông Danh Sai	250	280	280
296	Lộ Cái Giá - Đay Tà Cao	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Sơn By	Đến giáp ranh Thị Trấn Châu Hưng (đường Bãi Rác)	270	300	300
Lộ Sóc Đồn						
297		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lâm Thanh Thủy	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Thị Mão	250	280	280
298		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Minh Hoa	Đến hết ranh đất nhà bà Trịnh Ngọc Phú	250	280	280
Lộ Cù Lao						
299		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Mi	Đến ngã 3 hết kho Văn Hiến	250	280	280
300		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lý Văn Hoá	Đến hết ranh đất nhà ông Thạch Huỳnh Tha	300	340	340
301		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Quang Trung	Giáp đất Chùa Đầu	250	280	280
Lộ Cái Giá						
302		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Hiếu Thảo	Cầu Nhà ông Hiệp	250	280	280
303		Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Triệu Núp	Cầu nhà ông Huỳnh Na Si	250	280	280
304		Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hoa Ry	Cầu nhà Bảnh Tốt	250	280	280
305	Lộ Bung Xúc	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Văn Đáng	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chánh	300	340	340
306	Giá Tiểu	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Văn Sơn	Đến cầu giáp ấp Mặc Đây	250	280	280
307	Phú Tòng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Quốc	Đến cầu Nhà Hòa giáp ranh Châu	300	340	340

		Bảo	Hưng			
308	Lộ Giá Tiểu	Bắt đầu từ cầu nhà ông Dũng	Đến hết ranh đất nhà ông Bảy	250	280	280
309	Lộ Bung Xúc	Bắt đầu từ cầu nhà ông Thanh	Đến cầu nhà ông Chênh	250	280	280
310	Lộ Cả Vĩnh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 8 Tiến	Đến hết ranh đất nhà ông Chiều	250	280	280
311	Lộ Cả Vĩnh - Nước Mặn	Bắt đầu từ ranh đất nhà Cống Cả Vĩnh	Đến hết ranh đất nhà ông Thạch Mết	250	280	280
312	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thương	Đến giáp Chùa Đầu	300	340	340
313	Lộ Cái Giá	Bắt đầu từ Chùa Chót (phía sau)	Đến cầu nhà ông Quên	250	280	280
314	Lộ Nước Mặn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Vui	Đến hết ranh đất nhà ông Đông	250	280	280
315	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (hương lộ 6)	Đến hết ranh đất nhà Sáu Tâm (Kho Tài Nguyên 2)	250	280	400
316	Lộ Cả Vĩnh	Bắt đầu từ cống Cả Vĩnh	Đến hết ranh đất nhà ông Tám Bực	250	280	280
317	Lộ Cả Vĩnh	Bắt đầu từ cống Cả Vĩnh	Đến hết ranh đất nhà ông Thông	250	280	280
318	Lộ Nước Mặn	Bắt đầu từ tỉnh lộ 976 (hương lộ 6)	Sông Bạc Liêu	250	280	280
319	Lộ Cái Giá	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Tha	Đến hết ranh đất nhà Sơn Sà Miêl	270	300	300
320	Lộ Bung Xúc	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Thanh	Đến cầu Ông Chên	270	300	300
Khu vực xã Hưng Thành cũ						
Tỉnh lộ 976 (Hương Lộ 6)						
321		Bắt đầu từ cống nước mặn	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Thị Dũng	900	1.100	1.100
322		Bắt đầu từ cầu Gia Hội	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Hoàng Thư	1.100	1.340	1.340
Huyện lộ 28 (lộ Châu Hưng A - Hưng Thành)						

323	(đoạn bắt đầu từ cầu Thanh Niên đến Gia Hội, theo địa giới hành chính xã Hưng Hội)	Bắt đầu từ cách Quốc Lộ 1 500 m	Đến Gia Hội (giáp đất bà Trần Thị Hoàng Thư)	350	390	390
324	Lộ Gia Hội- Quốc Kỳ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Thành	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Hiền	250	280	280
Đường Đê Bao						
325		Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (nhà Ông Thê)	Đến cầu Treo Vàm Léo	450	480	480
326		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Phạm Văn Đệ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tới	300	340	340
327		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Bành Văn Phén	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tập	450	480	550
328	Lộ Quốc Kỳ	Bắt đầu từ tỉnh lộ 976 (nhà Bà Hồng)	Đến cầu 4 Bal	500	550	550
329	Lộ Quốc Kỳ - Phú Tòng	Bắt đầu từ cầu Ông Nhiều	Đến cầu Ông Móm	700	760	760
330	Lộ Phú Tòng - Nhà Thờ	Bắt đầu từ cầu Ông Móm	Đến cầu 6 Lành	450	480	480
331	Kênh Thông Lưu	Bắt đầu từ cầu Thông Lưu	Đến hết ranh đất nhà Bà Loan	250	280	280
332	Lộ Xẻo Nhào	Bắt đầu từ ranh đất trường cấp 2	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tập	450	480	550
Lộ ấp Ngọc Được						
333		Bắt đầu từ ranh đất nhà Ánh Hồng	Đến cầu ông Thảo	260	290	290
334		Bắt đầu từ cầu ông Chuối	Đến cầu Út Dân	260	290	290
335		Bắt đầu từ cầu Út Dân	Đến hết ranh đất nhà Ông 9 Bé	260	290	290
336	Lộ Vườn cò	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hăng	Đến cầu Hai Ngươn	260	290	290
337	Lộ Vườn cò-Xẻo Nhào	Bắt đầu từ cầu Hai Ngươn	Đến hết ranh đất nhà ông 9 Hòa	260	290	290
338	Lộ ấp Gia Hội	Bắt đầu từ trạm Y Tế (Cũ)	Đến hết ranh đất nhà Bà Kim Thuần	300	340	340

339	Lộ ấp Xẻo Nhào-Hoàng Quân 3	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Hai Rầy	Cổng Hoàng Quân III	300	340	340
340	Lộ Vườn cò-Hoàng Quân 1	Bắt đầu từ cầu Ông 5 Thoại	Cầu Hoàng Quân I (Nhà Ông Út Gờ)	260	290	290
341	Lộ ấp Năm Căn-Xẻo Nhào	Bắt đầu từ cầu Ông 3 Tiễn	Cầu Thanh Niên	250	280	280
342	Lộ Xẻo Nhào	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Cầu Ông Bánh	250	280	280
343	Lộ Hoàng Quân 2	Bắt đầu từ cầu Ông Thảo	Cầu Ông Bình	250	280	280
344	Đê Bao Ấp Năm Căn	Kênh nội đồng (giáp với phần đất nhà Ông Mã)	Cổng Nước Mặn	270	300	300
345	Lộ Quốc Kỳ	Kênh nội đồng (giáp với phần đất nhà Ông 5 Đức)	Đền kênh ông cha (Hết phần đất nhà Ông Cường)	250	280	280